

midol

Thuốc viên bọc đường

TRỊ ĐAU NHỨC, CẢM CÚM, ĐAU LŨC KINH KỶ

KM. SỐ 981 BX. NGÀY 21-6-64

PHỔ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

Giám-đọc : **NGUYỄN - VỸ**

*Wason
AP 95
V.B.P.57*

150

1-6-1965

- Chân Thiện Mỹ **NGUYỄN-VỸ**
- Thùng rượu nhỏ. **VŨ-MINH-THIỀU**
- Hiện trạng tân nhạc Việt **DUY-SINH**
- Vệ tinh điện thoại **VŨ QUANG YẾN**
- Buổi trưa (truyện ngắn) **MAI THẢO**
- Tuấn, chàng trai nước Việt **NGUYỄN-VỸ**
- Mùa hoa học trò **NHÁT-TUẤN**
- Những bí mật trong thế chiến. **THIẾU-SƠN**
- Mối tình đầu của Franz Liszt **TÍN KHANH**
- Tiểu thuyết kiếm hiệp **HOÀNG-HẢI-THỦY**
- Cô hồng Minh, một thánh sư **THÁI-BẠCH**
- Đôi mắt bẻ đầu. **MẶC-TƯỜNG**
- Một tâm sự hoài nam bi thiết . **PHẠM-VĂN-SƠN**
- Minh ơi! **DIỆU-HUYỀN**
- Tranh chấp giữa Bắc Kinh và
Mạc Tư Khoa **NGHIÊM-PHÚ-LƯU**

Thơ : **NGUYỄN - QUANG, PHƯƠNG - DUYÊN, YẾN-BÀNG, THÙY-DƯƠNG-TỬ, SONG-THU, v.v...**

TRUYỆN DÀI:

- **NGƯỜI TÙ 69** của **NGUYỄN-VỸ**
 - * **LỬA TÌNH** của **TRẦN-TUẤN-KIỆT**
- (xem mục lục đầy đủ ở trang 4-5)

CARDIOCORINE

Thuốc giọt



BỘ TÂM
ĐIỀU HÒA
HƠI THỞ

DÙNG CHO NGƯỜI LỚN và TRẺ EM

Cardiocorine

TRỊ: YẾU TÂM, SUY NHƯỢC
MỆT MỎI, NGẮT SỬ



Viện bảo-chế NGUYỄN-CHI
Số 2, Tự-Đức Saigon

BÁN TẠI CÁC NHÀ THƯỐC TÂY

CARDIOCORINE

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP. PHAN XÂY DỰNG VĂN HOA VIỆT NAM
PHỐ BIÊN VĂN HOA ĐÔNG TÂY KIM-CÔ

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn: 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài Gòn — Đ.T. 25.864



NĂM THỨ VII ★ số 150 ★ 1-6-1965

1.— Chân-Thiên-Mỹ	Nuyễn-Vỹ	6	—	9
2.— Mỗi tình đầu của Franz Liszt	Tín-Khanh	10	—	20
3.— Sầu (thơ)	Yên-Bã			21
4.— Buổi trưa (truyện ngắn)	Mai-Thảo	22	—	28
5.— Bất khuất (thơ)	Nguyễn-Quang			29
6.— Vệ tinh điện thoại (khoa học)	Võ-quang-Yến	30	—	37
7.— Tiểu thuyết kiếm hiệp Kim Dung	Hoàng-hải-Thủy	38	—	44
8.— Đơn côi (thơ)	Phượng-Duyên			45
9.— Thùng rượu nhỏ (truyện dịch)	Vũ-minh-Thiều	46	—	51
10.— Tuấn, chàng trai nước Việt	Nuyễn-Vỹ	52	—	55
11.— Biên khuya (thơ)	Trần tuần Kiệt			56
12.— Những bí mật trong thế chiến	Thiếu-Sơn	57	—	61
13.— Minh ơi !	Diêu-Huyền	62	—	67
14.— Tiền ban . . . (thơ)	Sơng-Thu			68
15.— Ly tan (thơ)	Lam-mộng-Oanh			69
16.— Tranh chấp giữa Hoa-Nga	Nghiêm-phủ-Lưu	70	—	80
17.— Mùa hoa học trò năm ấy (truyện ngắn)	Nhất-Tuấn	81	—	85

18.— Cô-Hồng-Minh, một thánh sư gán.	Thái-Bạch	86	—	94
19.— Cho thuê (thơ)	Thùy-Dương-Tử			95
20.— Đôi mắt bề dàu (truyện ngắn)	Mặc-Tường	96	—	100
21.— Nước hoa và người đàn bà.	Minh-Đức	101	—	104
22.— Một quan điểm về tân nhạc	Duy-Sinh	105	—	108
23.— Một tâm sự hoài nam bi thiết.	Phạm-vân-Sơn	109	—	116
24.— Lửa tình (truyện dài)	Trần-Tuấn-Kiệt	117	—	121
25.— Người tù 69	Nguyễn-Vỹ	122	—	130
● Tranh vẽ				Ngọc-Dũng
● Trình bày				Nguyễn-Minh



- ★ Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- ★ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- ★ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- Copyright by PHỔ THÔNG, printed in Việt-Nam.

● Tổng phát hành PHỔ THÔNG toàn quốc :
ĐỒNG NAI, 270, Đê-Thám — Saigon

● Tổng-phát-hành PHỔ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu :
● Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique

● Our general agent in Europa & Africa
LONG HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
(vente — abonnements — Publicité)

Quan-diểm
của TRIẾT-HỌC TÂY-PHƯƠNG
thế kỷ XIX, về

CHÂN THIỆN MỸ

3

* Nguyên-Vũ

PHẢI hiệu quan - điểm triết của Chân-Thiện-Mỹ mới tránh được sự lạm dụng rất sai-lầm ba danh từ Chân-Thiện-Mỹ trong văn nghệ.

Quan-diểm ấy thuộc về tâm-linh-học (spiritualisme) mà Victor Cousin không phải đã tự mình phát minh ra.

Tác giả « Luận về Chân Thiện Mỹ » đã chịu ảnh hưởng rõ-rệt

của các triết-học gia ở xứ Ecosse và ở Đức, nhất là của Đại triết-gia Đức Emmanuel Kant (1724—1804).

Tính-chất độc-đáo sâu-sắc của Triết-học Kant là đã nhận xét rằng những nguyên-tắc của xác-thực phải khác hẳn nhau tùy theo đó là tri-thức (Science), luân-lý (morale) hay là nghệ-thuật (art). Ba giá-trị tối-dại đó đòi hỏi một mức-độ thực-tế khác nhau, và chính nhờ sự khác-biệt đó mà hòa-hợp được với nhau.

Tri-thức, tức là **Chân,**

Luân-lý, tức là **Thiện**

Nghệ-thuật, tức là **Mỹ.**

Những bài triết-luận về Chân-Thiện-Mỹ của Victor Cousin chính là phụ-diễn và phân-tách ba giá-trị kia mà Kant đã phát-huy trong cáo-luận « Phê bình Lý-trí thuần-khiết », (Critique de la Raison pure).

● Điều-kiện Tri-thức (Chân):

Mục-dịch của « Phê-bình Lý-trí thuần-khiết » là minh-xác sự-kiện của khoa-học chỉ đòi hỏi một hiện-tượng-vật (objet phénoménal) mà thôi. Minh-xác rằng trong khi người ta thường phân-biệt thí-nghiệm-vật (objet d'expérience) như là do cảm-quan mà có, và khái-niệm (concept) như là do suy-nghĩ mà thành, thì Kant lại không phân biệt như thế mà cho

rằng thí-nghiệm-vật, bởi nó là sự-vật, nên đã phải chứa đựng một khái-niệm của trí-tuệ bên cạnh dự-kiện cảm-quan. (Nên hiểu danh-từ « sự-vật » đây không có nghĩa vật-chất.)

Ta có thể gán cho sự-vật một cảm-quan thuần-túy hay không? Nếu là thế, thì sự-vật chỉ còn là một trạng-thái của tâm-hồn, mà không còn trạng-thái của sự-vật nữa. Khái-niệm sự-vật sẽ biến mất. Vì thế cho nên sự-vật còn phải được suy-tư, nghĩa là nó phải kết hợp với các trạng-thái của tâm-hồn tùy theo những khái-niệm nhất-định. Như thế, mọi sự-vật chỉ là sự-vật khi nào nó có một số lượng hoặc một cường-độ về phẩm (une intensité qualitative) hoặc nó là thực-chất hay là ngẫu-nhiên-tính (substance ou accident), hoặc nhân hay quả, nghĩa là các khái-niệm thuộc về trí-tuệ. Người ta có thể tách rời ra khỏi khái-niệm tất cả những gì không phải là điều kiện cần thiết cho sự suy-tư một sự-vật: người ta thu hẹp nó lại chỉ còn các phân-loại như số lượng, phẩm, trưng-quan là những đặc-tính của mỗi sự-vật tổng-quat. Đặc-tính chung của mọi sự-vật là một tinh-trạng linh-tinh và thuần-khiết-hợp-lại trong sự đồng-nhất của một tác-động tư-tưởng y-nguyên như bản-thân, (như «tôi suy-nghĩ» theo «cogito ergo sum» của

Descartes). Trục-giác dù là hữu-hình mà không có khái-niệm sẽ là đui mù. Khái-niệm mà không có trục-giác sẽ là rỗng-không.

Do sự-kiện trục-giác hữu-hình (intuition sensible) là một điều-kiện của các thí-nghiệm-vật, ta nhận thấy các sự-vật chỉ là hiện-tượng, bởi vì sự-hiểu-biết (trí-thức) không vượt-đến-thể-chất của sự-vật, mà nó là phương-cách của tâm-hồn bị xúc-động bởi một sự-vật, hay là thực-thể (Noumène, danh-từ của Kant), hoàn-toàn không nhận-biết-được.

Kant giảng-giải vì sao tất-cả siêu-hình-học (métaphysique) đều bắt-nguồn-nơi lý-trí-tự-phụ-xử-dụng-được-trí-tuệ-để-vượt-đến-bản-chất-của-sự-vật, bản-chất-của-tâm-hồn, vũ-trụ-coi-như-là-tất-cả, như-nguyên-nhân-của-mọi-vật, tức-là-Chúa (Dieu). Những-điều-kiện-trí-thức (les conditions de la science) đạt-đến-yếu-tố-Chân (le Vrai) không-phải-từ-nơi-thực-thể (Noumène), mà-là-những-trạng-thái-của-hiện-trợng-vật (objet phénoménal).

(còn nữa)

Kỳ sau :

- Điều-kiện-luân-lý (Thiện)
- Điều-kiện-nghệ-thuật (Mỹ)
- Kết-luận.

● GIỮA LISZT VÀ NÀNG, AI LÀ NGƯỜI ĐÁNG THƯƠNG HẠI? NGHỆ SĨ TÀI HOA NHƯ CON THUYỀN TỰ DO GHÉ MUÔN VẠN BẾN. CÒN NÀNG, 40 NĂM TRONG CHỜ ĐỢI MÒN MỎI, HÉO HON



mối tình bất hủ của

**Franz
LISZT**

* Tín-Khanh

THẤY một chàng thanh niên, lịch sự, cân phân trong chiếc áo xanh da trời đậm... Mái tóc vàng hoe, rơi xuống uốn tròn trên chiếc cổ áo cao. Phía trước, cà vạt gút gọn gàng, lòng thòng trên chiếc di-lê màu vàng nhạt.

Đôi mắt xanh — màu xanh pha lẫn xanh lá cây — với cái nhìn đượm xuân tình, nhưng khi thấy hơi nghiêng ra phía trước để đánh nhịp cho trò, nét mặt như suy tư khoái trá trên cái trán nhân nhụy kia, phát lộ cả một ý chí, một năng lực tiềm tàng vô song.

Trò, một cô gái ngây thơ, xinh như đóa hoa hàm tiếu

MỐI TÌNH BẤT HỦ

đang chăm chú nghe thấy, mười ngón tay ngà ngọc lướt trên dây phiếm vàng sẫm.

Một thiên tài sớm nở

Thấy là chàng Franz-Liszt, từ xứ Hung-gia-ly xa xôi đưa đày về đày, xuất thân từ một gia đình quý tộc. Cha một chức vụ lớn trong triều và cũng là một nhạc sĩ hữu danh. Ngày mới lên sáu, Liszt đã là một thần đồng về âm nhạc. Một lần nghe cha trình diễn một bản nhạc rất khó, chàng đã thuộc lòng ngay từ đầu đến cuối, ngồi lại dương cầm, đánh lại không thiếu một nốt nào... Lỡ tai chàng tinh vi, mười ngón tay chàng nhẹ nhàng như sương trôi trên sóng, nhưng lúc hùng dũng lại mạnh như bão táp giông rền.

Liszt ham nhạc mê say... Chàng mê đến nỗi thoát ly hẳn xã hội trẻ con lứa tuổi mình, và nếu không có nhạc, không sao chàng sống nổi.

Nhân một chuyện bị ốm, nằm tê liệt trong phòng vắng vẻ, năng khiếu chàng lại càng phát triển, mỗi âm thanh đời

với chàng là mỗi hình ảnh sống động.

Mỗi lần có gánh hát lang thang nào đi ngang, chàng thích chạy theo, để nghe say mê những điệu hát hồn nhiên tình tứ của đám du mục, hay tiếng réo rất, buồn thảm của vĩ cầm đứt quãng trong tiếng chập chỏa ồn nhưc ốc, tiếng len ken của các xuyên vàng các cô đào, hay các chuỗi hạt san hô, hổ phách.

Một hôm, một nữ du mục già, nắm tay chàng, nhìn chỉ tay đã cho biết số kiếp đào hoa «yêu mãi cũng không vừa», một cuộc đời thơ mộng, giang hồ bôn bề và ngày về quê cha đất tổ, danh vọng ngập tràn.

Ngày lên 9 tuổi, Liszt đã bắt đầu hòa nhạc trước công chúng... Một hôm, nghe xong nhạc sư trứ danh Beethoven đã ôm lấy chàng hôn lây, hôn dề... Và cũng từ đây, sự nghiệp Liszt vươn lên như diều gặp gió.

Mới 11 tuổi, danh tiếng chàng đã vang khắp hoàn cầu. Tại Balê, Liszt là « con cưng » của mọi người. Nghe chàng trình diễn ở đâu, là khán giả tranh nhau xem. Anh quốc đòi với chàng, các tỉnh cũng

ước ao được « nghe » chàng một chuyện... và viện Hàn lâm Âm nhạc Pháp cũng đã đặt anh chàng soạn giả tí hon 14 tuổi kia, một vở nhạc kịch.

Nhưng ở đời họa thường đi đôi với phúc. Cha chàng bỗng nhiên qua đời. Người lâu nay làm « ông bầu » cho con, cũng con như cung trùng thê mà khi lâm chung chỉ trần trời có một câu :

« Ba lo sợ cho con về chuyện đàn bà lắm. Họ sẽ làm cuộc đời con xáo trộn và sẽ thông tri, dè nén con... »

Lời của người cha sành tâm lý ấy đã làm chàng thanh niên 16 tuổi suy nghĩ mãi... Chàng về ở luôn tại Balê và từ đây, dạy dương cầm cho các thiếu nữ.

Xuân tình rào rạt

Còn trẻ, cô Caroline de Saint-Cricq, một thiếu nữ xinh tươi duyên dáng, ngâm thơ với mái tóc vàng sậm... Thân sinh cô, thượng thư thương mãi và chè tạo. Gia đình nên nếp cuộc sống nàng đơn giản « quê mùa », bạn bè quanh quần chỉ mấy cô ngâm thơ cùng lứa... và những lúc nhàn rãnh ngắm

trời mây cao rộng, vẫn ôm ấp mơ mộng xa vời của lứa gái 15.

Caroline chăm chỉ nghe thấy... Tiếng phiếm khi khoáng khi nhạc... Bỗng nàng ngược mắt lên nhìn thấy cái nhia say đắm lần đầu tiên hiện trên nét mặt hiền từ. Tất cả gì trên chàng là duyên, là tình, là tao nhã... Mà quả thật vậy, người chàng mảnh khảnh nhưng tràn trề nhựa sống. Cái xinh đẹp, trẻ trung lại thêm tài hoa sớm nở, tất cả đều kêu gọi quyền rũ.

Liszt thấy trò nghê, cũng ngừng tay thôi nhịp. Chàng lại dương cầm, dạo một khúc «thuyền dưới trăng» của Auber. Caroline đắm đuối mê say.. Mỗi tiếng phiếm như đi thẳng vào tim vào óc nàng. Hai hạt ngọc long lanh ửng ra khoe mắt. Tâm trí nàng như phiêu diêu về tận đầu đầu, lặn những cánh đồng cỏ xanh um xứ Hung xa xăm, nơi mà nhạc gió réo rất trong bông lúa vàng nặng trĩu, dải đất huyền bí mà nàng vừa ước ao vừa tiếc rẻ. Sao không được sinh ra và khôn lớn bên cạnh « anh Franz »... Sao Franz không là anh nàng? Được sống suốt đời trong ánh tủa

sáng của chàng Ôi ! em dịu thơ mộng biết bao !

Hơn một giờ đã trôi qua trên mặt thủy tinh chiếc đồng hồ lớn. Buổi học hôm ấy kéo dài, và cứ theo đà ấy mỗi ngày lại thêm một ít. làm cho các lớp khác phải bị trễ... « Thầy ta, lúc này lãng quá » — Các cô khác thường than thê.

Caroline không những có khiếu về âm nhạc. Nàng thích cả thơ. Ở vào lứa tuổi mộng đẹp tràn đầy, lãng mạn là chuyện dĩ nhiên, và mỗi lần giọng nàng cất lên, êm dịu, thanh tao để ngấm đôi vắn mà nàng ưa thích nhất, nàng cảm thấy sung sướng là đã trút trao cho « anh » đôi chút tâm tư. Nàng gạch vào thơ những đoạn nàng mê thích, tin tưởng rằng Franz cũng không khác mình — cũng tâm hồn đang bủa rộng đường tơ...

Thê rồi một tối nọ, mặt nàng ửng đỏ, đôi mắt không dám nhìn thẳng vào chàng. nàng trao cho Franz tập thơ đầu lòng, mong ước Franz cảm thông những vắn thơ chân thành mình, sẽ sáng tác tặng riêng nàng một nhạc phẩm :

Có một giờ êm tình
Mà cô đơn lặng tiếng
Mà vũ trụ chìm đắm triển

Chôn vùi theo cả lòng ta
hoài vọng
Mà không một làn gió nhẹ
thoảng qua

Dưới bóng rừng im lặng.
Cũng như ai, lòng Franz cũng dề rung động trước những môi cảm xúc bị ai. Tay chàng run run lật từng trang và qua mây vắn, chàng cảm thấy như nghe đâu đây giọng oanh thỏ thê và nụ cười thâm kín ngây thơ.

Mỗi vắn thơ là một tâm sự, mỗi lúc mỗi mãnh liệt... Những ước ao thâm kín vươn lên trong từng chữ từng câu, chính phục ngay chàng thanh niên đa sầu đa cảm.

Franz cảm bút họa theo bằng một nhạc khúc :

Lời ta ru nhẹ tai nàng
Những tiếng thở than, những
âm thanh hòa nhịp
Trong vắt như niềm vui tràn
ngập

Quyến rũ như đôi mắt dướm
tình.
Dịu dàng như mộng xa khơi
vọng về.

● **Bổ bồng**

Lớp học càng thêm vui. Mỗi tình «thầy trò» ngày thêm khẩn khít. Nữ bá tước mẹ Caroline từng chứng kiến những buổi tập nhạc đã nhận ra tình cảm qua lại của đôi trẻ. Tuổi bà cao nhưng tâm hồn còn trẻ trung lãng mạn. Bà cũng còn ham sông cuống nhiệt như ai, mặc dù mái tóc điểm sương đã làm cho sinh lực bà kém sút. Bà mỉm cười sung sướng nhìn hai trẻ, và trong tâm trí bà, hạnh phúc của họ như đã bắt đầu rạng chói.

Sức bà mỗi ngày mỗi suy. Biết trước không còn sống bao nhiêu ngày để được thấy con gái yêu mình thành thân, bà đem câu chuyện kể lại cho chồng. Bà khuyên dụ chồng nên tán thành mối tình của đôi trẻ.

Nhưng ông bộ trưởng đâu có dễ dãi như bà? Hướng đi của ông, bà làm sao biết? Tuy nhiên để vừa lòng người vợ hiền sắp qua đời, ông cũng gật đầu lầy lẹ. Còn cuộc tình duyên chớm nở kia, ông trao cho thời gian sắp đặt... Tuổi trẻ vẫn bồng bột... rồi họ sẽ quên nhau.

Một hôm, Franz tiếp được mảnh giấy nhỏ của Caroline báo tin mẹ qua đời. Franz vội vã đến thăm. Trong phòng khách lộng lẫy, nơi đã chứng kiến những cái cười tình tứ, những câu nói ngây thơ nhưng ý tình súc tích, nay như hoang vu, giá lạnh, cô gái xinh đẹp hồng hào trước kia, nay là một thân tượng tiêu biểu cho sầu thảm đau thương. Nàng nhìn Franz... Cái nhìn bao hàm bao nhiêu tình và hy vọng... Bất giác, chàng ôm nàng vào lòng. Chiếc hôn nồng ấm đầu tiên... Từ nay nàng không còn vắng vẻ cô đơn nữa... Cuộc đời nàng đã có đích. Và cũng từ nay Franz mỗi ngày đến gặp Caroline một lần. Nấp dưng cảm ít khi mờ nữa. Họ ngồi sát nhau kề lễ tâm tình thao thao bất tuyệt. Nàng nghe say đắm đoạn đời hoa gấm của chàng, dang tiếng chàng khắp nơi những buổi hòa nhạc... rồi những hoài bão tương lai. Caroline, rung động ngán ngời ngã mình vào lòng chàng... người anh hùng của nàng từ nay.

Mối tình đầu dù bồng bột đến đâu cũng chưa một ngày

mà thành công. Cả hai chưa đầy ba mươi cái xuân xanh thì chưa sao thành vợ chồng được. Tuy nhiên, họ đâu có chịu thua. Nếu chưa tình cảm sắc thì hẳn bám lấy tình cảm kỹ. Gặp mặt nhau hằng ngày là thỏa mãn lắm rồi.

Một hôm, Franz tặng nàng một chiếc nhẫn, bên trong có khắc một lời thề sắc son... Buổi học nhạc hôm ấy lại kéo dài hơn mọi bữa.

Tuy bận nhiều công việc, thân sinh Caroline cũng biết tường tận cuộc giao thiệp giữa đôi trai gái mỗi ngày càng nặng về tình mà nhẹ về học tập. Ông ta nhìn tương lai con qua sự nghiệp ông, phương chi, ông nào có lãng mạn, dễ dãi như vợ, nên dứt khoát không tán thành lời trấn trối bà ta.

Thề rồi một đêm, vào năm 1828, Lizst nhận một phong thư của bá tước thượng thư, chậm dứt lớp học nhạc của con.

Mối sầu không một mà hai

Franz vô cùng đau đớn nhưng cũng đủ can đảm từ bỏ tòa nhà thân yêu, nơi chàng đã hưởng niềm vui sướng đầu tiên và cũng chịu cảnh

phũ-phàng nặng nề nhất Tin Caroline đau nặng làm chàng xao xuyến khóc rưng rức mây đêm. Nỗi khổ chưa nguôi đã chồng thêm nỗi khổ. Thề rồi nàng khỏi bệnh. Vào tuổi ấy, ai đã có thể chết về tình được. Tình ái đã không thỏa, thì nàng, trù tình vào nhà tu để cõi nợ trần vậy.

Tin này làm cho Bá tước hoảng kinh. Ông bỗng nhớ đến một người bạn ở xa làm chánh án có người con trai 27 tuổi đang là một Quan Tòa, sự nghiệp tương lai không kém gì cha.

Một cuộc thảo luận, vài lần cho đôi trẻ gặp nhau... Cuộc nhân duyên thành tựu Caroline nghiêm nhiên thành bà Bertrand Dartigaux.

Từ nay, Lizst đã mất người yêu, sự nghiệp công danh nào có còn nghĩa lý? Chiếc dương cầm nhện phủ, hàng phiếm ngà mốc bụi... Suốt ngày chàng nằm trong phòng cửa đóng kín lẩn lộn khóc than. Chàng đau mây hôm và đôi nơi đã loan tin thân đồng Lizst qua đời. Dự luận xôn xao... Có người nói:

«Thần đồng trẻ tuổi ấy tất đi không khác những cây

sinh trái quá vội vã để rồi phải chết theo vì sức lực quá hao mòn. »

Nhưng cũng có người sánh đời hơn lại nói :

« Cảnh hòa tươi thắm kia thà rụng sớm còn hơn, để làm gì rồi phải chịu phong ba bão táp dẫn dắt thân mình... »

Tuy thế, Franz vẫn không nguôi! Mẹ chàng không rời một bước, Urham người bạn thân, cây vĩ cầm số một ở Đại hí viện Balê không ngớt an ủi vỗ về.

Một hôm, bệnh vừa giảm, Franz ngồi lại đàn và dạo qua vài bản nhạc. Chàng bỗng nhiên như sống lại, sinh lực dồi dào hơn. Trước đây, chàng đã giết thì giờ trong mấy bộ tiểu thuyết của Chateaubriand. Chàng kết thân với các văn sĩ tiếng tăm như Hugo, Lamartine, Dauménais.

Một tối nọ nhân đi dự lần trình diễn đầu tiên vở kịch *Trois Glorieuses*, và nghe ba tiếng súng nổ trong vở, Franz tự nhiên thức tỉnh hẳn, và bao nhiêu tài bộ, năng khiếu phát triển lại như xưa.

Trở về bến cũ

Mười sáu năm trôi qua. Nơi

quê chồng, Caroline kéo dài một cuộc đời vô vị. Nàng khóc nhiều hơn cười. Suốt ngày tìm nơi vắng vẻ, tò mò, tìm kiếm trong các báo từ thủ đồ về có tin tức nào về người yêu đầu tiên không. Nhờ đó, nàng biết được sự nghiệp đang vươn lên của chàng, những bản nhạc mới, tiếng tăm, và ngồi lại dương cầm, nàng đánh theo, mê say đắm đuối.

Cứ mỗi buổi hoàng hôn, ngồi tựa cửa, nhìn ra dãy Pyrénées trùng trùng điệp điệp, nàng lại nhớ người xưa, chàng thiếu niên với mái tóc vàng, hào hoa phong nhã, mà mỗi nét, mỗi cử động đã in sâu trong lòng nàng không bao giờ phai nhạt.

Lắm khi nàng tự hỏi : Chàng có được hạnh phúc chăng? Hỏi thế để thêm yêu chàng, chứ thân phận nàng, đâu còn dám sánh? Vết thương lòng nàng đã cứ mang thông khổ từ ngày cha ép gả cho Dartigaux. Có địa vị, học thức mà chi? Dartigaux không có qua một đức tính nào ví dù không gây được hạnh phúc cho nàng thì ít nhất cũng

giúp cho cuộc đời nàng không quá vô vị.

Liszt hạnh phúc chăng? Hoàn toàn không. Cuộc tình duyên mới với nữ bá tước D'Agoult chưa hưởng được vui đã bị mây sấm bao phủ và sau đó, mỗi người đi một ngã.

Có lắm khi Liszt nhớ đến bạn lòng xưa. Chàng muốn bay đến tận nơi để nói lại những cái gì u ám mà ngày bị xa cách nhau qua vội, chàng chưa kịp tỏ với nàng... Cuộc biệt ly ấy là vết thương không bao giờ hàn gắn — đi với chàng cũng như Caroline — vì nó mà hai người xuýt chết cho nhau.

Vào mùa thu năm 1844, nhân chuyến đi hòa nhạc miền Nam nước Pháp, Liszt ghé thêm một địa điểm — Pau — tỉnh quê chồng nàng — Lẽ đáng chàng đến làm gì chỗ nhỏ bé này, nhưng mục đích là để viếng thăm người mà chàng còn yêu cũng như vẫn tha thiết yêu chàng.

Vừa nghe tin, Caroline như sống lại một cuộc đời mới. Tim nàng đập dồn dập... Tuổi thanh xuân như rào rạc dâng lên. Nàng đã hiểu ngay thâm ý của Liszt — Chàng về đây để

nổi lại — biết rằng giây lát, mối tình thơ mộng đứt khoảng từ năm xa xưa — Nàng mơ đủ chuyện, vì người nàng trong giờ này là cô bé Caroline ngày thơ năm 1828... Nàng đang chơi với trong ảo tưởng bỗng cánh cửa mở nhẹ, có tiếng gọi mẹ. Đứa bé xinh xinh, đứa con độc nhất của nàng bước vào...

Thực tế là thế... tất cả chỉ là giấc chiêm bao...

Vẹn mối tình xưa

Đêm ấy, Caroline ngồi ở hàng ghế thứ hai. Chiếc áo nàng màu xám — nàng khéo chọn phù hợp với số kiếp mình. Cũng gương mặt ngây thơ của cô bé thuở nào, nhưng đôi mắt màu hoa sim say đắm trước kia nay như rộng hơn, buồn thắm hơn, sâu kín hơn.

Liszt về đây vì nàng — nàng có mặt ở đây, vì Liszt. Giọng thông cảm truyền nhau thắm kín giữa đôi tim gần bó bắt chấp hàng ngàn khán giả. Năm sáu bản tuyệt tác trình diễn đêm nay, Liszt đã chọn riêng cho nàng và nàng cũng đã hiểu. Thế giới thu hẹp lại cho hai người : một đang diễn tả hết nỗi lòng mình trong hàng phiếm ngữ, và kẻ kia trong

hàng thính giả — một thiều phụ đang khóc khỏi tình tuyệt vọng.

Qua sáng hôm sau, Liszt ghé thăm nàng. Bàn tay thời gian 16 năm qua đã in nét phong trần trên hai gương mặt.

Caroline với cái già dặn của cô gái trên ba mươi. Sắc có tàn nhưng nét buồn khổ cô hữu. Vì nàng chưa từng hưởng hạnh phúc, đã nói lên được nàng vẫn không khác xưa.

Còn Liszt, không còn cái ngây thơ của anh chàng giáo sư nhạc cũ. Mặt chàng gầy nhỏ và dài đi với quảng đen đời đời trên đôi mắt. Mái tóc rậm không dọn sóng như xưa mà lại phân ra từng mảnh bao hai bên thái dương xuống đến cái cằm nhọn nhụi.

Bốn mắt nhìn nhau, nói không nên lời. Xúc cảm mãnh liệt đã làm họ nghẹn ngào... Rồi Caroline kể lại cuộc đời nàng — những chuyện mà chàng đoán không sai. 16 năm trong cảnh nhần nại, trong hy sinh cao độ của một kẻ ngoan đạo chịu nhận lãnh lấy số kiếp không một tiếng than. Rồi đến chuyện nàng theo dõi từng bước đường danh vọng của chàng... và

nàng đã yêu, đang tiếp tục yêu chàng ra sao...

— Anh ạ! — Nàng tiếp — hãy để em mặc tình nhớ đến anh. Đừng lay thê làm bận lòng... Xin anh hãy cho em tôn trọng anh, bám vào anh như ngôi sao sáng rạng chiều, độc nhất cho đời em — cho em không khi nào quên lời cầu khẩn ma từ ngày tình duyên phũ phàng chưa có một lần nào em quên nhắc đến: Chúa ơi! hãy thương con và ban thưởng cho con, người đã chịu hy sinh theo ý Chúa.»

Mối tình đậm đà ấy đã chứng tỏ cô gái năm 1828 kia vẫn còn sống trong người thiều phụ năm 1844. Xưa kia, nàng muốn sống mãi như một đứa bé, bên cạnh Franz trong những cánh đồng cỏ mông mênh xứ Hung-gia-lợi. Ngày nay, nàng chỉ còn có thể là một người em trong một mối tình « huynh đệ siêu phàm »...

— Anh ạ! em sẽ ghi nhớ, gìn giữ trong tận đáy lòng mọi hạnh động anh từ lớn chí nhỏ, như xưa kia Mẹ Maria đã ghi nhớ những lời của Đức Chúa Con..

Bóng đêm đã xuống. Franz và Caroline, chậm rãi im

tặng, đi song song trong hoa viên. Lá thu đã bắt đầu rụng dưới làn gió nhẹ, quăng một lát rồi thình lình rơi xuống, cắm nghiêng ngửa vào đất mềm... Mới giờ nào đây còn xanh còn sống, giây phút này đã chết... Lá cũng như người đã gặp nhau trong khung cảnh tang tóc. Lời nói làm gì thêm bạn, im lặng là hơn.

Mặt trời đã chìm hẳn sau dãy núi xa xa. Những chóp núi phủ những tuyết đã chuyển sang màu tím nhạt như đôi mắt nàng.

Vĩnh biệt

Qua tuần sau, Liszt trình diễn lần thứ hai. Ngồi lại bên chiếc dương cầm quen thuộc của Caroline, chàng bỗng thây trên mặt đàn bộ tuyên tập các bản nhạc bình dân vùng miền nam nước Pháp.

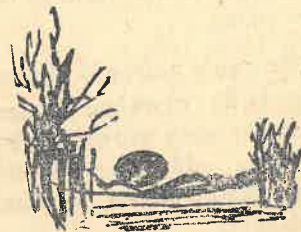
Liszt ngồi lại mở nắp đàn và đầu tiên dạo điệp khúc sáu phẩm nhất của thi sĩ Despourrins tô điểm nỗi buồn của chàng Chấn Chiên bạc phước:

*Trên kia, trên sườn núi cao,
có anh chàng chấn chiên đau khổ.*

*Ngồi dưới bóng cây sồi mà
đôi hàng lệ tuôn rơi.*

*Thờ than rằng:
Ái tình sao hay đang dở đời thay!*

Bài thơ phổ nhạc nẩy từ xưa đã ghi vào tâm khảm chàng. Thật vậy, những mối tình ẩn kín dưới những lớp hào nhoáng sẽ trôi qua vô vị, và chỉ lưu lại buồn thảm, đắng cay... Và đêm nay, Franz làm nó sống lại không ngoài ý nói ra tâm sự của chàng..



Tiếng than thở của chàng chấn chiên vang lên trong thâm u vắng vẻ của vũ trụ... Nhưng liền đó giọng tỏ nổi lên, lần át cả tiếng chàng. Để tài được thi vị hóa ấy đã phù hợp với tâm trạng chàng, và đêm nay, hiến riêng cho Caroline, chàng cũng muốn trải nó ra cho mọi người thông cảm.

Cảnh vật ở đây cảm chân chàng nhạc sĩ giang hồ. Chàng đã muốn ra đi nhưng mấy lần,

MỐI TINH BẤT HỮ

chân không muốn bước. Chàng còn muốn ở nán lại để hít lâu không khí của địa phương mà người chàng yêu đang bắt buộc phải sống.

Lại một lần nữa trôi qua. Chàng phải ra đi vì không thể làm lỡ dở các chương trình khác. Trước khi lên đường, chàng đến viếng nàng lần chót.

Tim chàng thất lại, đôi mắt rưng rưng. Chàng hôn bàn tay mà nàng cúi mặt nhìn lơ trao cho chàng...

Bên ngoài những lá thu cuối cùng là đá rơi xuống vàng mặt đất dưới ngọn gió nhẹ nhàng. Ở xa xa, dãy núi Pyrénées trùng điệp chuyển qua màu xanh biếc...

Chàng nghệ sĩ phiêu lưu đã trở lại náo động số mạng.

Phũ phàng

Ba năm sau, nhân chuyến viễn du hòa nhạc ở Nga, Liszt kết duyên với một công chúa Ba Lan, xinh đẹp, trẻ trung nhưng oái oăm thay, cũng tên là Caroline.

Sống trong môi trường mới, Liszt vẫn không quên người bạn cũ.

Chàng kể lại cho vợ nghe thiên tính sự đau thương và

nói tiếp :

— Cha nàng đã tạo ra bao nhiêu đau khổ cho anh, và nàng, mặc dù ông có lý của ông, lý mà ông cho là thích hợp nhất thế gian... Anh mong một ngày kia sẽ đưa đầu nàng về với chúng ta... Nàng là người độc nhất mà anh ưa chuộng như em đã biết. Em sẽ là người chị, người mẹ của nàng... Nàng sẽ là người hiền hậu, dịu dàng, sẽ luôn luôn kính mến yêu thương em...

Năm 1860, Liszt lập bản đi chúc và nhờ vợ trao cho Caroline sau khi ông qua đời, một chiếc nhẫn có nạm một bảo vật quý giá nhất của ông.

Nhưng mộng ấy không thành, Caroline qua đời ngày 16-4-1872

Từ ngày mùa thu năm 1844 gặp lại tình xưa, không một hôm nào nàng quên lặp lại lời cầu nguyện mà nàng đã đọc cho chàng nghe dạo ấy.

Buổi chiều của cuộc đời nàng đã trở về với nàng thanh bình an lạc. Đời nàng, nàng không có gì tiếc rẻ. Trong 40 năm dư. trong con người ấy, một ngọn lửa không bao giờ ngưng cháy, ngọn lửa của thủy chung.



s ầ u

* YÊN-BÀNG

Tôi nhìn lên bóng chim
trong khung trời hoa cỏ
tôi chợt thấy phát - thèm
bóng buông dài thành - phở

vùng tuổi xanh mới lớn
căng sầu trong tim đen
nụ cười thôi lẫn trốn !
như vì sao trong đêm

tôi ngắm mình trong mơ
qua phương trời ánh sáng
thấy đời trai mơ - hồ
như mây chiều phiêu - lãng

tôi quay về tuổi nhỏ
nụ cười trong mắt thâm
để thời gian đứng đó
muôn đời trong âm - thầm...



Buổi trưa

Cuộc sống không kết liễu, cũng chẳng bắt đầu. Cuộc sống chỉ tiếp diễn. Trái tim không chết, nó chỉ giả vờ ngủ.

★ Mai-Thảo

CON phố nhỏ thình lình hiện ra trước đầu mũi xe và trái tim Thu cũng bắt đầu đập thật mạnh trong lồng ngực. Mười hai năm nay, trái tim nàng lặng thình, như không, như chết. Bây giờ trái tim đập, trời ơi trái tim đập, đập dồn dập, và cái cảm giác bàng hoàng mới lạ vừa làm cho Thu sung sướng vừa làm cho nàng khiếp hãi.

Sung sướng đến cực điểm. Trái tim không chết, trái tim sống lại rồi. Nhưng cũng khiếp hãi đến run rẩy, bởi chiếc xe taxi đang chạy vào con phố

nhỏ, nó không chạy bình yên trên mặt nhựa đường, nó đang dầy Thu bay biến trên một bờ vực thẳm, và Thu lao đầu trên đó, choáng váng đến chóng mặt đến đứt hơi.

Thu ném một cái nhìn dọc theo hai bên hè phố. Nàng nhìn và cảm thấy yên tâm được đôi chút. Buổi trưa thành phố đứng bóng. Nắng đỏ chói chang trên mặt nhựa óng ánh. Những căn nhà thấp với những vách tường màu vàng ngợt nhạt, cửa ngõ đều im lìm đóng kín, một vài người đi lại lác đác thảy đều lạ mặt. Thu chưa từng gặp,

BUỔI TRƯA

ở đâu, một lần nào, trong đời.

Chỉ có người tài xế taxi là kẻ duy nhất biết ý đưa nàng tới con phố khuất nẻo này. Nhưng đó là một ông lão già và Thu biết người già thường không lắm chuyện, ít chú ý đến những điều ở ngoài cái thế giới cuối chiều tàn tạ của họ, mà chỉ còn bị ám ảnh bởi những giây phút sự thật cuối cùng, đưa dần đưa dần vào cửa ngõ buốt lạnh và tịch mịch của cái chết đã nhìn thấy.

Ban này, từ nhà nàng khép mau cánh cửa đi ra, Thu đã nhìn trước nhìn sau. Nàng không quên cẩn thận bắt đầu đoạn đường bằng xe cyclo, đến ngang cửa chợ Bến Thành, xuống cyclo, lặn vào đám đông, đi bộ một quãng, rồi mới gọi taxi đi nốt đoạn cuối. Cặp mắt rất đẹp của nàng dấu kín sau một cái kính râm lớn. Mái tóc hàng ngày búi cao được thả buông về phía trước, trùm lên gò má. Giá có gặp người quen, kẻ đó tinh mắt lắm mới nhận được ra Thu.

Khi bước lên xe, Thu còn cẩn thận quay nghiêng mặt đi, và suốt đoạn đường, Thu ngồi thụ mình thật nhỏ vào một góc. Cẩn thận đến thế là cùng.

Tưởng như có kẻ nào vẫn lảng lảng theo dõi sau lưng và Thu phải tìm đủ cách đánh lạc đường sự theo dõi đó. Vậy mà nàng vẫn sợ. Sợ có người nhìn thấy. Sợ có ai nhận ra. Sợ có kẻ biết mình.

Thực ra, nỗi sợ không dấy lên từ trưa nay. Mà từ lâu. Từ tuần lễ trước. Sợ vu vơ, vô cớ. Nhưng mà sợ. Tại sao vậy? Nào phải tại sao, chỉ là Thu khởi đi từ sợ hãi chính nàng, chính sự đổi thay của nàng, chính cái đã đến với nàng. Cái ý tưởng táo bạo đột ngột thành hình trong đầu, và vòm trời tâm hồn của Thu nổi gió.

Tình yêu đến, không khác gì một va chạm dữ dội. Không thể đến được nữa, vậy mà ở cái phần đời, cái tuổi đời lảng động và kín khép của nàng, tình yêu đã đến tuy nàng không chờ đợi.

Người ta không nên nói chắc một điều gì bao giờ, vì cuộc đời quả thật vẫn có hàng ngàn nẻo quanh bất ngờ của một con đường định mệnh không bao giờ song song phương hướng. Thu nhớ đã đọc ở đâu. Nghe thấy ai nói, lúc nào đó, lâu rồi, một điều tương tự như vậy. Nhưng Thu không chịu tin.

Mười hai năm rồi, Đêm, Thu không năm mộng. Mười hai năm rồi. Những buổi chiều phẳng lặng. Mười hai năm rồi. Những buổi sáng thức dậy để thấy nó nhạt nhẽo y hệt như buổi sáng hôm qua. Tĩnh không một đổi thay nhỏ bé. Đã hoàn toàn lắng chìm mọi biến động. Biển của đời Thu, thời đã sóng reo, đáy biển đen đặc nín thình không sáng nữa những chùm lập tinh nở hoa thành những vùng xôn xao cảm giác. Rừng của đời nàng; mùa xuân ấy cũng giống mùa Thu này, chỉ là mộ lá kín trùm. Mùa hạ ấy cũng như mùa đông kia, đã chết những mầm xanh báo hiệu những mùa hương. Cho nên, từ lâu, Thu đã tưởng và đã muốn xem cuộc đời này như một cuốn truyện đã viết xong giòng cuối, giòng cuối cùng của cuốn truyện buồn nói rằng đời nàng đã hết.

Thu làm quá. Phải đâu như thế. Nửa đêm về sáng của một đêm thành phố nồng nực, Thu chợt thức giấc, một hình ảnh chợt hiện trong thần trí thảng thốt của nàng, đôi mắt nàng mở lớn ngăm nhìn trần trời cái hình ảnh đó và Thu biết nàng lầm. Cuộc sống không kết liễu, cũng chẳng bắt đầu. Cuộc sống chỉ tiếp diễn, trái tim không chết, nó chỉ giả vờ ngủ. Những đường tơ cảm giác

không trùng. Từng giây một, từng cung, từng phím một, những đường tơ cảm giác đang ngân, đang dấy lên.

Và, thế là đã đến với nàng, chuyện không định trước, chuyện chẳng đợi chờ, bởi sự dàn xếp tinh quái của định mệnh. Nó đến như một đợt nhập bất thần, khi Thu nhận thức được hiểm nguy, thì nó đã đầy đặc trong nàng, đã chiếm ngự nàng trọn vẹn, khiến nàng không kịp từ tay.

Đêm của hình ảnh ấy hiện lên cũng là đêm thao thức không ngủ thứ nhất trong cuộc đời người đàn bà bấy lâu sống ngoan và yên trong cái khung vàng bồng phận. Trời đầy sao bên ngoài. Không khí ngọt ngọt và im ửng. Tiếng đồng hồ đầu đó ngân nga thả giọt vào đáy đêm khôn cùng. Thân thể đầm đìa mồ hôi của Thu chợt rợn lên như có một bàn tay chiếm dẫn từng tấc da thịt bốc lửa bằng những ve vuốt mê đắm. Gối chần nhàu nát bởi những vật vờ của tay chân chơi với như một chốn chạy tuyệt vọng và vô ích. Bàn tay, bàn tay của một tượng tượng sượng sần và một kích thích dữ dội, mười ngón như một loài bạch tuộc quấn riết lấy thân thể nàng bị giam giữ đến tận cùng. Bàn tay của người đàn ông trong đêm dạ hội.

Tại sao Thu lại đến buổi dạ hội có khiêu vũ do vợ chồng một người bạn tổ chức tại tư thất cuối tuần lễ trước như thế? Không biết. Có lẽ cũng vẫn do sự dàn xếp tinh quái của định mệnh. Chắc chỉ là như thế. Thu ghét những nơi chốn ồn ào, chẳng thích khiêu vũ, không mê âm nhạc. Chồng nàng đau, bảo nàng đi một mình, Thu chỉ việc từ chối, thiếu gì cớ, một mối, buồn ngủ chẳng hạn, tại sao nàng lại đi? Có lẽ cũng vẫn do sự dàn xếp tinh quái của định mệnh.

Thế là nàng đã đến. Đề xin lỗi vợ chồng bạn là chồng nàng đau không tới được. Người bạn cười, đưa nàng vào:

— Chị đại diện cho anh ấy là được rồi. Chắc chị phải về sớm. Yên trí. Lát nữa chúng tôi sẽ bảo đánh xe đưa chị về trước.

Căn phòng đầy người. Bàn ghế được dọn gọn vào những góc tường. Dân nhạc trên bục cao, ở cuối đây. Ánh sáng chìm lẩn trên một lưng chừng cao, và dưới thấp là cái mờ mờ thân mật của bóng tối đồng loa. Thoang thoang sàn nhầy trơn nhầy như gương. Phấn phấn trong bầu không khí bị sáo trộn bởi những điệu nhạc khi trầm bổng réo rắt, khi cuống quýt dồn đờ, mùi nước hoa, mùi phấn sáp tỏa ra từ những mái đầu nương vào nhau mà chuyển đi,

hiện ra rồi lẫn vào đám đông đang sống với những bước chân dan và những điệu đàn.

Người đàn ông đến bên cạnh Thu lúc nào nàng không hay.

— Cho tôi được hôn hạnh.

Thu chưa kịp chối từ, chưa kịp định thần, một bàn tay đã nắm lấy tay nàng, kéo nàng vào vùng chen lấn khít khao của một sàn nhầy quá nhỏ cho một đám người quá đông đảo. Rồi nàng bị ôm ghì lấy. Và rồi thân thể, tay chân của nàng chỉ còn là sở hữu của một thân thể và tay chân khác, điều khiển nàng quyết và mạnh bạo, giam nhốt nàng bằng một giam nhốt nồng nàn và lời lả.

Hơi thở của người đàn ông thổi vào mái tóc nàng, từng đợt dồn dập: « Mái tóc bà thơm như một trái cây chín vừa trong nắng mùa thu ». Đầu óc Thu bưng bưng trước lời khen tặng táo bạo. Vòng tay ôm lấy lưng nàng, ôm chặt hơn nữa. Năm đầu ngón tay đặt trên da thịt nàng, như ấn tới, sâu hơn, và không cảm thấy nữa, sự ngăn cách mỏng tanh của làn vải áo. Bàn tay kia nắm lấy tay nàng, chuyển từ một nâng đỡ hững hờ thành một cầm giữ siết chặt, nắm ngón khỏe mạnh lườn đàn trong năm ngón nàng mềm thon. Nhạc từ đàn cao truyền xuống,

mỗi phút một dặm đà thêm như một khuyến dụ khó bề cưỡng chống lại. Bóng tối làm mờ ảo những khuôn mặt, làm lung linh những tròng mắt, làm sâu thẳm những cái nhìn.

Một tiếng thì thầm rót mật vào tai nàng :

— Bà là người đẹp nhất của buổi dạ hội này.

Rồi gò má nàng bị gò má của người đàn ông dịu dàng đặt lên thành một khối nặng ấm và êm ái. Thu hoảng hốt đến cùng người. Nàng đẩy mạnh người đàn ông ra. Sự rời cách của hai thân thể có được trong khoảng khắc. Khoảng khắc mà thôi. Trong vài bước mà thôi. Cánh tay người đàn ông đã lại vòng hết lưng nàng, một hơi thở nồng nàn lại phả xâu vào mái tóc nàng, một cái nhìn đắm đuối lại kiếm tìm mắt nàng. Thu không chịu đứng nổi cái nhìn. Nàng quay đi, để gò má nàng lại phớt ra ở đúng cái vị trí lý tưởng cho má người đàn ông đặt xuống.

— Bà đến một mình.

Sao nàng không trả lời nàng đến với chồng nàng. Nhưng Thu đến một mình mà! Và nàng trả lời, nàng trả lời bằng sự thật :

— Dạ.

Chắc hẳn người đàn ông đã

biết được điều y muốn biết, và nghĩ ngay đến điều y có thể làm. Nàng đến một mình. Nàng có là của ai đâu mà không được chứ. Chuyện thường, rất thường, khi người ta đến dự những buổi tiếp tân, khi người ta đang khiêu vũ với nhau, khi chung quanh bao nhiêu cặp đang rất tự nhiên làm như thể hết. Khởi sự, cái hôn đặt nhẹ vào mái tóc Thu, như một thăm dò. Rồi xuống tới vành tai, nhích rất nhẹ và rất từ từ lên dần gò má. Sự táo bạo của cái hôn, hơn là chính cái hôn, đốt lửa vào những đường giây cảm giác đã căng thẳng tới cùng độ của Thu.



Vẫn cái tiếng ấy, thì thầm, rót thêm một lượng mật nữa vào tai nàng :

— Lát nữa, tôi xin được đưa bà về.

Thốt nhiên, Thu bừng tỉnh và nói như kêu lên :

— Không. Không được.

Một tiếng cười nhỏ :

— Không được thì thôi, bà đừng sợ hãi.

Trên đàn nhạc, tiếng nhạc dần mau và cao vút báo hiệu bản nhạc sắp chấm dứt. Người đàn ông biết là bản nhạc sắp chấm dứt. Y hôn vội, một lần nữa, lên mái tóc Thu. Tiếng y nồng nàn và quyến rũ hơn bao giờ, lần sâu vào từng chân tóc :

— Mong được gặp lại bà.

Tiếng nói ấy lại rót mật vào tai nàng :

— Đây là địa chỉ của tôi. Phở vắng lắm. Không ai biết, không ai có thể biết. Cứ đi thẳng vào ngõ.

Thu đẩy mạnh người đàn ông ra, cũng là lúc, nhạc ngừng dần bật sáng, và mọi người buông nhau ra. Từ phút đó, Thu tìm một cái ghế, ngồi xuống, cúi nhìn xuống, và như thế cho đến lúc vợ chồng người bạn bảo tài xế lái xe đưa nàng về.

Chiếc taxi ngừng lại trước lối vào của một ngõ hẹp, vắng tanh không một bóng người. Thu đưa mau vào tay người tài xế già tờ giấy năm mươi đồng, không lấy tiền thối lại, mở cửa xe, hấp tấp bước xuống. Nàng đứng yên nhìn cái bóng của mình trên mặt nhựa, một tay đề lên mặt thành một cử chỉ che

dấu, chờ chờ chiếc xe rú máy chạy vụt đi. Từ suốt đầu đến cuối con phố nắng dài chói chang nhà cửa hai bên đóng kín, chỉ còn một mình Thu đứng đó, lắng nghe theo tiếng máy xe xa dần, yếu dần rồi mất hút. Thu không muốn nghĩ. Phút này, nàng không cho phép nàng cái quyền được nghĩ nữa. Không thể, Thu không giám nghĩ. Thu không giám đặt cho nàng một câu hỏi nào nữa, nàng ở yên trong trạng thái xô đẩy không cưỡng chống của ý định táo bạo liêu lĩnh, nàng ở yên trong sự điên cuồng thẳng thốt và nàng bước mau sang bên kia đường, đi dần, như chạy, mấy bước nữa, cho vào hẳn trong lòng ngõ. Nàng đang đào cho nàng một con dốc. Và chạy lao xuống, không thẳng lại. Nàng đang đào cho nàng một vực thẳm, và ném mình, cho rơi xuống, rơi xuống đến cùng.

Thu tìm ra căn nhà, thật mau chóng. Một hàng hiên thấp. Một cánh cửa hé mở, như đợi chờ. Người đàn ông ở trong đó, và hẳn là y đang đợi chờ nàng. Nàng sẽ đẩy cánh cửa mà bước vào. Từ trong bóng tối nồng nàn, một bàn tay sẽ thò ra, nắm chặt lấy tay nàng. Không, tôi sẽ không cưỡng chống được. Một sức mạnh vô

hình và ma quái đưa tôi đến đây, và tôi biết tôi sẽ không thể nào cưỡng chống được. Tôi sẽ ngã xuống trong gối chần lơi lả; trong cảm giác bốc lửa, trong tiếng kêu thét thảng thốt của khoái lạc cực điểm, trong mê đắm bàng hoàng. Rồi ngọn triều dữ dội đưa tôi đi, chìm xuống, nhồi lên, và thân thể tôi và định mệnh tôi chỉ còn là sự buông thả tận cùng vào cái không bến bờ của một cõi chết êm ái, và khi đó tôi sẽ quên hết, quên hết trước sau, quên hết cuộc đời, quên hết.

★

Nhưng Thu không vào, và suốt phần đời còn lại, Thu không bao giờ hiểu được điều đó. Hồi tưởng lại, nàng chỉ nhớ mang máng rằng nàng thấy lạnh buốt toàn thân, lạnh như mùa đông, lạnh như cõi chết,

và nước mắt giàn dụa chảy ròng ròng trên gò má, nàng đã quay trở ra. Làm sao Thu ra khỏi được cái ngõ vắng tanh không một bóng người ấy, bằng cách nào Thu về được tới nhà? Không biết. Không bao giờ biết. Chỉ biết rằng, khi, như một kẻ mất hồn, Thu đẩy cánh cửa nhà nàng bước vào, nàng thoáng nghe thấy tiếng chuông đồng hồ thả giọt vào căn phòng yên tĩnh. Rồi đứa con nhỏ nhắt của nàng chạy tới, ôm chầm lấy nàng. Thu đẩy mạnh đứa nhỏ ra, giận dữ đánh cho nó một cái tát. Đứa nhỏ đứng sững, đôi mắt đen lay láy mờ lớn. Nó òa khóc, và Thu đã ôm ghì lấy nó vào lòng, thàng thốt nói như vẫn còn trong một giấc mơ « Mẹ xin lỗi con. Mẹ xin lỗi con ».

★

★ **ĐẠI HÀ TIÊN**

Một nhà tỷ phú nhưng có máu kiệt hạng nặng, một hôm chẳng may gặp nạn mất máu khá nhiều, cần phải có người sang máu gấp, may mắn ông ta gặp được một thầy thư ký đồng máu kiệt sẵn sàng sang giúp, lần thứ nhất nhà tỷ phú cho thầy thư ký 5000đ, lần thứ nhì nhà tỷ phú cho 3000đ lần thứ 3 : 1000đ. và lần thứ 4 : 1000đ. Thầy thư ký kinh ngạc hỏi :

— Sao ông không cho tôi tiền à ?

Nhà tỷ phú nghiêm mặt bảo :

— Ấy có lẽ máu kiệt của ông ngấm nặng trong tôi nên tôi không cho ông tiền đấy chứ gì.

bắt khuất

★ NGUYỄN QUANG



Hồn thúc dục hồn, tay xiết chặt tay

Trí suy tư tìm mãi ý thơ say

Dù chiều nay mưa buồn tê lạnh lắm

Nhưng không gian vẫn còn vài khoảng ấm

Đề chim trời lạc hướng sườn hồn đơn

Đề riêng ta khóc ngất sườn căm hồn

Đời áp bức chìm ta vào u tối.

Vì quê hương bị đọa đày tù tội,

Bốn bức tường đá xám bọc hình hài

Giây xích xiềng ràng buộc chí người trai

Và song sắt cách ngăn tình sông núi.

— Yêu quê hương phải chăng nhiều tội lỗi ?

Thương giống nòi có phải nghĩa diệt vong ?

Chí quật cường là bó gối ngồi trông ?

Hồn oanh liệt phải chăng là căm nín ?

Muốn gào thét nhưng cổ ta ứ nghẹn

Ôm khối sầu da diết đến nghìn đời

Tình quê hương sông núi và giống nòi

Dành chôn chặt vào linh hồn bắt khuất !

NGHỆ thuật truyền tin xa, từ xưa luôn được con người chú ý đến. Những bộ lạc thuở trước đốt lên những ngọn lửa ở đồi núi cao để ở xa thấy được. Người Hy Lạp thời thượng cổ hoàn hảo hệ thống truyền tin, dùng đèn pha và cờ màu thay thế ngọn lửa. Những quân đội Carthage và Roma thời ấy đã dùng những phương pháp này để truyền tin với nhau. Người Trung Hoa dựng những đèn pha ngay trên Vạn Lý Trường Thành. Người da đỏ châu Mỹ thì thích dùng khói và đánh trống. Vào thế kỷ 18, Claude Chappe dùng ba thanh gỗ cho ghép lại với nhau để làm dấu hiệu. Năm 1794 đường thông tin đầu tiên được thiết lập.

Nhưng qua 1801, Volta khám phá ra pin điện, rồi Ampère chế tạo máy điện báo năm 1844. Phương pháp của ông dùng giấy điện và kim nam châm. Người đầu tiên đánh điện tín từ Washington đến Baltimore là ông Samuel Morse. Qua năm 1855, cuộc truyền tin được thực hiện giữa Paris và Lyon và dần dần phương pháp được bổ túc để khoảng cách ngày càng tăng thêm.

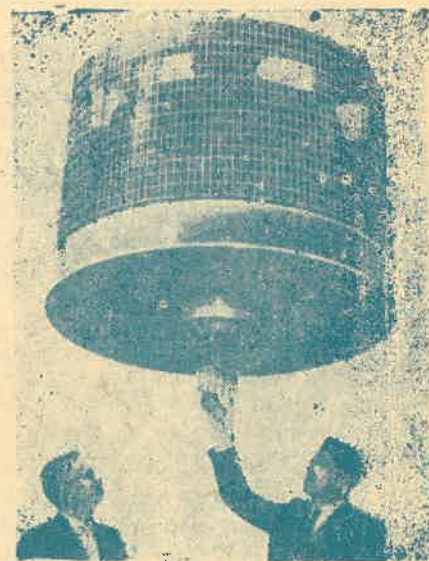
Muốn điện thoại từ lục địa này qua lục địa khác, muốn

vệ tinh điện thoại

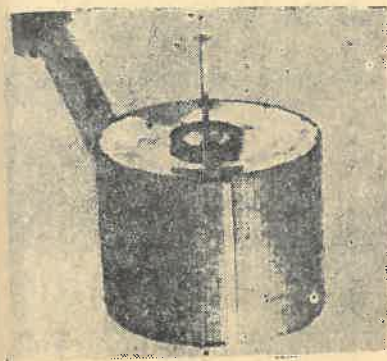
★ Vô-Quang-Yến

tiếng nói vượt băng đại dương, từ trước người ta phải đặt dưới đáy biển những sợi dây điện không lò. Đến khi cuộc truyền tin vô tuyến ra đời, người ta tưởng đã bỏ được những sợi giây đặt dưới lòng đại dương. Nhưng không, các máy phát thanh vô tuyến điện thường dùng những luồng sóng điện ngắn để

NHÂN HAI VỤ BẢN NHỮNG
VỆ TINH NHÂN TẠO EARLY
BIRD VÀ MOLNYA I



Vệ tinh SYNCOM



Vệ tinh AERLY BIRD

truyền được nhiều tin mà những luồng này thì chỉ truyền những đường thẳng nên không truyền xa được. Người ta nghĩ cho đặt nhiều trạm trên mặt đất để tiện việc chuyển tin nhưng mỗi lần qua

trạm thì tiếng nghe nhỏ lại, hình lại mờ ra. Vì vậy, hệ thống một số trạm đặt trên mặt đất không thể thực hiện được.

Ngày nay, nhờ cuộc tiến triển trong ngành khảo cứu không gian, người ta bỏ ý nghĩ đặt trạm trên mặt đất mà dùng vệ tinh nhân tạo làm trạm trên không trung, càng lên cao càng thấy, càng tiếp xúc được xa: một trạm, hai đường thẳng là tin truyền xa được

hàng ngàn cây số. Nguyên tắc thật là cực kỳ đơn giản : luồng sóng điện từ một địa điểm nào được chiếu lên vệ tinh, vệ tinh phản chiếu lại xuống 1 chỗ khác trên mặt đất, tựa hồ hai đứa bé chơi đập bóng vào một bức tường, đường bóng hình dung đường luồng sóng điện.

Echo, Big Shot, Czar

Những vệ tinh thông tin đầu tiên được bắn lên là những quả bóng không lồ Echo. Những quả bóng này được xếp kỹ càng, khi lên đến quỹ đạo mới phồng lớn ra. Đây là những vệ tinh loại thụ động, nghĩa là vệ tinh giống như một cái gương chỉ phản chiếu lại âm thanh, hình bóng đã nhận được mà không thêm vào chút năng lượng nào. Khuyết điểm của vệ tinh loại này là tiếng vang nhỏ yếu : người ta tính khi quả bóng bay cách xa mặt đất 1000 cây số thì chỉ phản chiếu lại được có 1/20.000 sức mạnh của tin phát lên. Đáng khác, máy nhận tin ở mặt đất cũng chỉ nhận được 1/20.000 tin từ vệ tinh truyền lại. Như vậy, nếu lúc ban đầu tin phát ra mạnh 10 kilowatt thì khi truyền lại chỉ còn có 25 microwatt. Năng suất này chỉ có thể dùng trong một cuộc truyền

tin nhỏ và không thể dùng để truyền hình được. Sau này người ta còn để ý với thời gian, tiếng vang càng ngày càng nhỏ dần, có lẽ mặt bóng bằng chất dẻo bị nhăn dần như tấm gương bị lu mờ và càng ngày càng ít phản chiếu lại.

Trước những khuyết điểm của các Echo, một loại vệ tinh khác ra đời, các bóng Big Shot. Vệ tinh này lớn hơn : đường kính 43 thước, nặng 225 kilô (so với 30,5 thước và 51 kilô của các Echo). Mặt bóng cũng hoàn hảo hơn : hai lớp nhôm bọc ngoài hai lớp chất dẻo mylar, dày tất cả 1,9 ly (so với một lớp chất dẻo sơn thêm một lớp nhôm, dày tất cả 1,3 ly của các Echo). Nhưng rủi ro xấu số, Big Shot I bắn lên cao 370 cây số, phồng lớn, tiến lên cao độ 1475 cây số rồi lại rơi xuống cháy trong khí quyển. Big Shot II may mắn hơn, nhưng cuộc truyền tin thử không đem lại kết quả khả quan : mục đích các quả bóng vệ tinh chỉ để khảo cứu cách truyền đạt các luồng sóng trong khoảng không gian gần quả đất.

Người ta còn nói đến những vệ tinh Czar nặng đến 1700 kilô, có mang theo nhiều máy tự động để có thể hướng tin

theo một chiều định trước nhưng chưa thấy ra đời. Ngoài ra cũng nên nhắc đến kế hoạch Westford, không phải nhằm bắn vệ tinh thụ động, mà là một số 32 kilô kim dài 1,8 phân, đường kính 0,25 ly, làm thành một cái đai bay cách mặt đất 3000 cây số. Mặc dầu nhiều nhà thiên văn học đã lên tiếng phản đối, một lần đầu vệ tinh Midas đã thả ra một mớ kim này và rồi dây còn thả nữa để gây một vòng mảnh kim loại quanh quả đất, nhằm cho phản chiếu lại những tin từ mặt đất phát lên.

Telstar, Relay, Molnya

Như vậy, các loại vệ tinh thụ động dần dần nhường chỗ cho một loại khác có mang theo máy móc điện tử để tích trữ tin tức, thêm vào năng lượng trước khi lại phát ra : đây là những vệ tinh phát động. Thật ra những vệ tinh phát động ra đời ngay cả trước các vệ tinh thụ động : nếu Echo I được bắn hôm 2-8-60, Big Shot ngày 15-1-62 thì từ hôm 10-12-58, vệ tinh Score có mang theo hai máy phát và nhận tin đã chạy quanh quả đất. Theo sau đây, vệ tinh Courier IB, thực hiện theo mục đích quân sự, đã được bắn ngày 5-10-60. Vệ

tinh lớn 1,30 thước, ngoài mặt mang nhiều pin quang học, lấy năng lượng mặt trời để cho chạy bốn máy nhận và phát tin. Mỗi khi nhận được thông điệp từ quả đất gửi lên thì vệ tinh cho vào máy ghi âm, đợi chạy ngang một trạm nhận tin mới lại đánh về.

Các vệ tinh loại phát động này bay cao hơn các vệ tinh thụ động nên so với mặt đất thì chạy chậm hơn, như vậy thời gian dùng được dài hơn vì từ đài nhận tin và đài phát tin người ta tiếp xúc với vệ tinh được lâu hơn. Tuy nhiên sau này những vệ tinh có thành tích lớn như Telstar và Relay được đưa lên những quỹ đạo thấp hơn, chạy quanh mỗi bầu trời khoảng một nửa giờ, một giờ hay nhiều lắm là hai giờ. Đây chỉ là một vấn đề kỹ thuật : hồi các phòng thí nghiệm hãng Bell khảo cứu về các vệ tinh Telstar chẳng hạn, vấn đề hòa tiền chưa được giải quyết xong nên các vệ tinh này chỉ là phản ảnh kỹ thuật không gian mấy năm trước đây.

Telstar nghĩa là ngôi sao thông tin, tên chuyên môn là TSX 1 (Telecommunication Satellite X 1), hình quả bóng lớn,

đường kính 88 phân, gồm có 72 mặt, nặng 77 kilô. Vệ tinh có một cái sườn làm bằng maghêsi bọc nhôm. Điện trong vệ tinh do 19 bộ pin niki-cadmi phát ra, công suất 15 watt. Khi nào hết điện, 3600 pin quang học bằng sili bắt ánh sáng mặt trời biến hóa thành điện dẫn vào thay thế các bộ pin niki-cadmi. Bộ phận điện từ gồm có 15.000 phần tử, trong ấy có 1.064 transistor và 1.464 điôt. Trên mặt vệ tinh, hai anten bao quanh ở giữa, có thể phát và nhận tin bất cứ hướng nào. Tiếng nói và hình ảnh vệ tinh truyền lại thật là rõ ràng.

Vệ tinh Relay của Hiệp hội vô tuyến RCA tương tự giống vệ tinh Telstar, tuy nhỏ hơn (đường kính 70 phân, cân nặng 70 kilô) nhưng mạnh hơn với 8.215 pin quang học. Quỹ đạo của Relay (hai điểm gần và xa quả đất nhất là 1.100 và 4.800 cây số) không khác quỹ đạo của Telstar mấy, (900 và 5.600 cây số) còn luồng sóng điện thì hoàn toàn giống nhau: 4.170 MHz. Đây là điều mong ước thống nhất cách thông tin bằng vệ tinh của cơ quan Nasa.

Xin nhắc qua bên cạnh

những vệ tinh của Mỹ này, chiếc Molyna I (chớp 1) của Nga cũng thuộc loại vệ tinh phát động, bay cao nhất trong số các vệ tinh thông tin (39.380 cây số), quanh quả đất mỗi vòng 11 giờ 48 phút. Vì chạy chậm, vệ tinh này có ưu điểm là tiếp xúc được lâu từ hai trạm phát và nhận tin ở mặt đất.

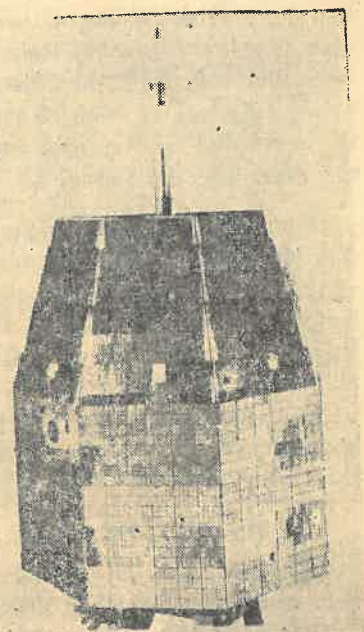
Syncom, Advent, Early Bird

Rút kinh nghiệm ở hai chiếc Telstar đã được dùng thử, nhiều kỹ thuật đã và sẽ được hoàn hảo thêm. Các pin quang học bị các bức xạ vũ trụ làm hư hỏng cần phải được bao bọc kỹ càng hơn. Quỹ đạo vệ tinh cũng cần phải được thay đổi. Hiện nay Telstar chỉ được tiếp xúc đồng thời giữa châu Âu và châu Mỹ có 20-30 phút một hay hai lần mỗi ngày. Như vậy quá ít. Người ta tính nếu vệ tinh chạy qua hai cực của quả đất thì cứ mỗi 2 giờ 40 phút thì có thể tiếp xúc liên tiếp 15 phút giữa hai châu trên bắc Đại tây dương. Đẳng khác, vì khó điều khiển một vệ tinh lên đúng một quỹ đạo định trước, phải cần bắn một lô nhiều vệ tinh rồi chọn vệ tinh nào chạy đúng quỹ

đạo định trước nhất. Người ta còn tính cũng cần phải 40 vệ tinh bay qua hai cực, 15 vệ tinh vùng nhiệt đới mới thông tin được khắp mặt đất.

Trước những khó khăn ấy, một thay đổi lớn lao khác đã được các chuyên gia chăm lo thực hiện: nếu bắn vệ tinh lên cao 39.000 cây số với một tốc độ góc giống tốc độ góc của quả đất thì so với mặt đất, vệ tinh đứng yên! Vệ tinh này như vậy là thuộc về loại quỹ đạo cao. Chiếc đầu tiên do hãng Hughes Aircraft chế tạo, đặt tên là Syncom (Synchro: đồng bộ). Những vệ tinh này, vì đồng bộ với quả đất, còn được gọi là vệ tinh « 24 giờ ». Kích thước Syncom 1 tương đối nhỏ, hình hộp tròn, cao 60 phân, đường kính 70 phân, nặng 28 kilô, có mạng theo 3.900 pin quang học, sản xuất 25 watt với điện thế 27,5 volt. Syncom II lớn hơn, đường kính 1,4, thước nặng 240 kilô, năng suất 115 watt.

Người ta thường nói đến vệ tinh Advent còn lớn hơn, nặng đến 570 kilô. Nhưng vệ tinh được nói đến nhiều nhất những ngày vừa qua là chiếc Early Bird (Chim ban sáng). Tên kỹ thuật là HS 303, nặng 40



Vệ tinh RELAY

kilô, chiếc vệ tinh này được đặt trên không phận Đại tây dương, nối liền hai châu Âu và Mỹ. Tuy chỉ với năng suất 40 watt, vệ tinh có thể cho điện thoại cùng một lúc 240 lần.

Theo hãng Hughes Aircraft, công của tiêu tốn để đặt những vệ tinh đồng bộ loại Early Bird

VỆ TINH

chỉ bằng một phần mười số tiền tiêu dùng để đặt những vệ tinh phát động loại Telstar hay Relay. Như vậy, một cuộc điện thoại liên lục địa qua vệ tinh rẻ sáu lần hơn so với những giây nói đặt dưới lòng đại dương.

Đồng thời, hãng Hughes Aircraft đang dự tính chế một vệ tinh khác gọi là ATS (Application Technology Satellite) để khảo cứu những khả năng của những vệ tinh đồng bộ. Một chiếc vệ tinh ATS có thể chẳng hạn dùng để kiểm tra tình hình khí tượng quanh quả đất.

HS 303, HS 304 ...

Mặt khác, hãng Hughes Aircraft còn muốn hoàn hảo thêm chiếc HS 303: tăng năng suất lên 300 watt trong chiếc HS 304, để sau đấy tiến lên đến một vệ tinh không lồ với năng suất 500 watt, nặng 750 kilô... Một vệ tinh cỡ này có thể truyền hình dễ dàng và ta có thể nhận ngay tại nhà, khỏi cần qua trạm nhận tin đặc biệt!

Tuy nhiên, còn hai điều kỹ thuật nữa cần phải giải quyết: Thứ nhất là tiếng nói chuyển từ mặt đất lên vệ tinh rồi từ vệ tinh về lại mặt đất có theo sau một dư âm nhỏ, tương tự như khi người ta la lớn trong một nhà thờ vắng người. Một bộ máy đặc biệt hiện nay đang được khảo cứu để làm mất bớt ít nhiều tiếng vang này.

Thứ nhì là thời gian tiếng nói cần để đi từ mặt đất lên vệ tinh và từ vệ tinh trở về lại mặt đất. Khoảng thời gian ấy là ba phần mười giây. Vì vậy, khi điện thoại người ta có cảm giác như nói thông thả, chậm rãi. Những nhà chuyên môn bảo là chẳng có gì quan trọng. Có lẽ họ có lý.

Như vậy vệ tinh điện thoại đồng bộ có thể nói là hoàn toàn thành công. Điều đáng chú ý là chiếc EARLY BIRD đã được đưa ra dùng trong thương mại chứ không phải dành riêng cho những nhà khoa học hay những

Dùng **midol** *trị các chứng đau nhức và cảm cúm*
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC

VỆ TINH

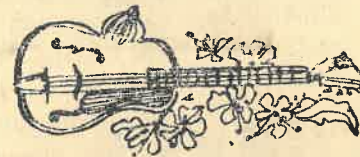
nhà quân sự. Kỹ nguyên không gian lần đầu tiên thấy cuộc khảo cứu được đưa ra ứng dụng trong công chúng.

Tình hình vệ tinh

Từ ngày vệ tinh nhân tạo ra đời đến nay, đã hơn 1.000 chiếc được bắn lên không trung! Trong số các vệ tinh ấy, 104 chiếc của Mỹ, 98 chiếc của Nga, 2 của

Anh, 2 của Canada, 1 của Ý hiện nay đang chạy quanh quả đất. 17 chiếc, vừa là vệ tinh, vừa là hỏa tiễn, bắn lên thẳng hướng sao Kim hay sao Hỏa, hiện nay bay quanh mặt trời. Đáng khác, 140 vệ tinh Mỹ và 78 vệ tinh Nga đã bị rơi xuống lại khí quyển hoặc bị tiêu tan, hoặc vỡ ra thành những mảnh nhỏ hiện nay vẫn còn chạy quanh quả đất.

(Tháng 5-1965)



* THẦY THUỐC VÀ CON BỆNH

Một con bệnh ùng ùng chạy vào phòng mạch, mặt tái mét, vừa ôm bụng vừa run:

— Dạ thưa bác sĩ, cứu tôi mau, nếu không tôi chết.

Bác sĩ khám bệnh một lúc, ngẩn lên hỏi:

— Anh bệnh gì?

— Dạ, tôi lỡ nuốt một con chuột nhắt vào bụng, nó cứ chạy mãi đau, quá tôi chịu không được.

Bác sĩ vỡ lẽ, vội chạy đi tìm một con mèo, vừa reo:

— Khoái nhé, phen này tôi sẽ cho con mèo vào trị con chuột.
Bệnh nhân ???

Dùng **midol** *trị các chứng đau nhức và cảm cúm*
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC



PHIẾM LƯÂN

TIÊU THUYẾT * Hoàng-bái-Thủy

KIẾM

HIỆP

KIM-DUNG

một nhà văn mới nhận xét, về hiện tượng tiêu-thuyết kiếm hiệp

● TẠI SAO NGƯỜI TA THÍCH ĐỌC TRUYỆN KIẾM HIỆP?

● TIÊU THUYẾT KIẾM HIỆP

ĐƯỢC HOAN NCHÊNH CÓ PHẢI VÌ BÁO CHÍ TA SUY ĐỒI CHĂNG?

Đất là người đọc tiêu thuyết, khó có ai tránh được sức hấp dẫn của loại tiêu-thuyết kiếm-hiệp. Những người đọc tiêu thuyết phái nam, trẻ tuổi, trước khi mê đọc truyện tình, thường mê đọc truyện kiếm hiệp. Nếu quan-niệm rằng đọc tiêu-thuyết tức là một cách thoát ra ngoài cuộc sống bình nhật tầm thường «quanh năm không xây ra một trận đấm đá, sợ bị cảnh-sát bắt bớ, làm lỗi thôi», thì chúng ta phải nhận rằng đọc tiêu-thuyết kiếm-hiệp là một cách giải-trí hiệu-nghiệm, làm cho người đọc say mê nhất và cũng làm cho người đọc ít phải suy luận nhất.

Trước năm 1946, tiêu-thuyết kiếm hiệp — theo như nhận xét của tôi — được đọc nhiều, được xuất-bản nhiều ở miền Bắc hơn trong Nam. Hà-Nội, Thủ đô miền Bắc, ngoài những bộ truyện Tàu Vô-Hiệp được dịch ra tiếng Việt như Càn Long du Nam, Càn Long du Bắc, Hoàng Giang Nữ-Hiệp, Hòa Thiêu Hồng Liên Tự, Đại phá Thiêu Lâm Tự, Tam Quốc Chí, Thủy Hử, những truyện thuộc loại Kiếm Tiên Hoang-đường như Phong Thần, Tây Du, còn có những bộ truyện Kiếm-Hiệp do các tác-giả Việt-Nam viết. Vài bộ truyện loại này nổi tiếng nhất, đáng kể nhất là Chu Long Kiếm, Sơn Đông Quái

Khách, Hồng Long Kiếm Khách, Bồng Lai Hiệp Khách v.v... Đồng bào miền Nam — trước năm 1946 — thực tế hơn, đọc tiêu-thuyết của cụ Hồ-Biêu-Chánh, đọc truyện ăn cướp lái xe ô-tô «torpedo» của Phú Đức. Đọc giả bình dân miền Nam đọc hai tác-giả trên và các truyện dịch của Tàu của nhà Tán Đức Thư Xã như Phấn Trang Lâu, Tiết Nhân Quý, Ngũ hồ Bình Đông, Bình Tây v.v...

Tiêu thuyết kiếm hiệp ở Bắc chỉ được đọc giả trẻ con từ mười lăm tuổi trở xuống tìm đọc. Những ông thợ viết Việt Nam viết kiếm hiệp nghèo trông tượng «độc tổ» một cách vô lý và ngu si cho nên loại truyện họ viết chỉ độ lên một thời rồi sẹp ngay. Có truyện viết tả một lão đạo sĩ ngồi luyện công trong hang đá, chỉ dùng mắt nhìn mà làm vách đá lổn vào một lỗ to tướng. Có truyện tả một vị vô hiệp năm... hút thuốc phiện, luyện phép ném ám phi bằng cây tiêm thuốc phiện làm mù mắt kẻ thù! Những chuyện ngu muội ấy làm cho độc giả con nít thiếu suy xét nhất cũng phải bất mãn. Do đó, loại tiêu thuyết kiếm-hiệp không được các báo — nhật báo cũng như tuần báo — trọng vọng mấy. Tiêu Thuyết Thứ Bảy, tờ báo tuần chuyên về tiêu thuyết thời đó, không đăng qua một chuyện kiếm hiệp nào.

Sau 1946 và kể từ năm 1950, báo chí Việt Nam được ấn hành đều đặn. Tiểu thuyết tình tiểu thuyết "ăn cướp" và tiểu thuyết phóng-sự được phát triển, nhưng trong một thời-gian dài tới mười năm—kể từ 1950 tới 1960—không ai nhắc tới kiểm hiệp và loại tiểu-thuyết này hầu như mất mặt hoàn toàn trên báo Việt.

Nhưng một hiện-tượng "lạ" đã xảy ra một «phê-nô-men»—từ sau năm 1960, tiểu thuyết kiểm-hiệp đột ngột nổi bật và đi sâu vào đời sống của đại đa số nhân dân ta. Độc giả kiểm hiệp không còn chỉ toàn là con nít như trước 1946 nữa. Kiểm hiệp «hôm nay» được tất cả mọi giới và mọi lứa tuổi ưa đọc: học sinh, quân nhân, công tư chức, thương gia, bác sĩ, dân thất nghiệp, nữ sinh và các bà nội trợ. Số nữ sinh đọc kiểm hiệp «hôm nay» tương đối ít nhưng các bà nội-trợ đọc kiểm hiệp khá đông. Sự việc đó chứng tỏ một cách hùng hồn nhất là truyện Kiểm hiệp hôm nay được nhiều người đọc, vì độc-giả phụ nữ thường chỉ thích đọc truyện tình.

Những danh-từ «chương, đánh chương, công lực, chương lực, nhất dương chi, cần khôn

đại nã di tâu hỏa nhập ma, chân kinh, tâm pháp, đại bán, quan ngoại» được đồng bào ta dùng đến đề nói, đề trao đổi tư tưởng với nhau luôn luôn. Tiểu thuyết kiểm hiệp đầy dẫy trên các báo, chiếm hết đất của các loại tiểu-thuyết khác. Mỗi tuần báo đăng ít nhất là hai tiểu-thuyết kiểm hiệp thật dài, mỗi nhật báo cũng đăng ít nhất là hai tiểu thuyết kiểm hiệp. Những ông thợ viết dịch được chữ Hán đua nhau và tha hồ kiếm tiền.

Kiểm hiệp bắt đầu được nhắc nhở tới từ ngày vài nhật báo Saigon đăng tải các bộ truyện «Anh Hùng Xạ Điêu, Bích Huyết Kiếm» của Kim Dung. Nhân vật Viên Thử Chí trong Bích Huyết Kiếm đến trước mô-đường và dọn đường «vinh quang» cho Trương Vô Kỵ— «Tiểu tử hồi thời kia.. sao dám xé váy cô nương?» Triệu Minh— trong Cô gái Đồ Long. Từ ngày Bộ «Ý Thiên Kiếm Đồ Long Đao» của Kim Dung được đăng ra, tiểu thuyết kiểm hiệp đã đi vào một giai đoạn cực thịnh ở nước ta và chiếm ngôi độc tôn ấy mãi cho tới nay. Nói đến chuyện làm báo là người ta nói

ngay đến chuyện làm sao tìm được truyện kiểm hiệp hấp dẫn đề đăng trang trong. Những tờ báo có màu sắc chính trị, tôn giáo đều rậm rạp đăng tiểu thuyết kiểm hiệp. Trong số từ ba mươi năm đến bốn mươi tờ nhật báo hiện đang xuất bản tại Thủ đô của chúng ta, không có một tờ báo nào là không đăng truyện kiểm hiệp. Hàng ngày, chúng ta nghe những người quanh chúng ta nói danh từ kiểm hiệp, chúng ta cũng nói danh từ kiểm hiệp dở báo ra chúng ta đọc truyện kiểm hiệp, vào tiệm sách, chúng ta thấy bày bán toàn truyện kiểm hiệp, đến rạp hát bóng, chúng ta xem phim kiểm hiệp: Bích huyết Kim Thoa, Đoạt Hồn Kỳ và Cô gái Đồ Long đã được quay thành phim. Tiểu thuyết kiểm hiệp Trung Hoa xâm chiếm cuộc sống của chúng ta một cách toàn diện. (1).



Trong bài này, tôi chỉ nói đến tiểu thuyết kiểm hiệp của Kim-Dung, vì tôi thấy số dĩ tiểu thuyết kiểm hiệp được hoan nghênh như vậy là vì Kim-Dung. Kim-Dung đã viết Vô lâm Ngũ-bá, Thần Điêu Hiệp Lữ, Anh Hùng Xạ Điêu, rồi Đồ Long Đao.

Bốn bộ truyện có liên tục với nhau kéo dài trong một thời gian

ba bốn trăm năm. Riêng bốn bộ truyện trên có thể dài tới mười ngàn trang, vượt xa Alexandre Dumas, Eugène Sue: những «Feuilletoniste» nổi danh của thế-giới. Kim Dung viết Kim Sa Kiếm rồi Bích Huyết Kiếm, hai bộ này cũng liên tục với nhau. Kim Dung còn viết Thiên Long Bát Bộ—Lục Mạch Thần Kiếm rồi Nhất Dương Chỉ... Ba bộ truyện này cũng nối tiếp nhau với bốn vai chính Đoàn Dự—Tiêu Phong—Mộ Dung—Du Thần Chi... và kéo dài chưa biết đến bao giờ mới chấm dứt. Những tên nhân vật Tạ-Tồn Vô Kỵ—Triệu Minh—Chu Cẩm Nhược và Hồng Thất Công, Âu dương Tây Độc, cùng Đoàn Dự, Tiêu Phong, v.v... trở thành những cái tên quen thuộc trong đời sống hàng ngày của chúng ta.

Với tôi, Kim Dung là một thiên-tài, một người có óc tưởng tượng phong phú kinh khủng. Tôi không lạ khi nghe nói các truyện của Kim Dung được lên lút đưa vào lục-dịa Trung-Cộng và được dân lục-dịa lên lút đọc, Kim-

(1) Nguyệt-sạp Văn Học, trong số tháng ba năm nay, cũng phải làm một số đặc-biệt với đề tài Văn chương kiểm hiệp.

Dung được Chánh Phủ Trung-Cộng trình trọng mời về, và ở Hương-Cảng, người Tàu lập một hội gọi là « Hội Nghiên Cứu Kim Dung » y như Hội Nghiên Cứu Mạc - Xít. Trước kia, khi chưa đọc Kim Dung — tức là khi chưa đọc Cô Gái Đồ Long — tôi nghĩ rằng việc đăng kiếm hiệp là báo bán chạy và độc giả mê đọc kiếm hiệp là một bằng chứng của sự suy đồi trong ngành tiểu-thuyết đăng báo của ta và báo chí của ta đi xuống dốc. Sau khi đọc Kim Dung, tôi thấy rằng kiếm-hiệp được hoan-ngênh không phải là vì báo chí ta tòi, văn nghệ ta suy kém mà chính là vì Kim Dung viết kiếm hiệp hấp dẫn quá, hay quá. Ngoài một bộ óc tưởng tượng phong phú, ly kỳ, thơ mộng — một bộ óc mà chỉ có người Trung Hoa mới có — Kim Dung còn biết khéo léo và hữu hiệu áp-dụng nghệ thuật và kỹ thuật viết tiểu thuyết của tác giả Thủy Hử, Tam Quốc Chí, Liễu Trai hòa hợp với kỹ thuật viết truyện trinh thám, truyện « suspense » của các tiểu

thuyết gia Âu Mỹ, cùng với kỹ thuật Cinéma. Đọc Kim Dung, tôi không lạ vì sự thành công của ông, tôi chỉ lạ là tại sao Kim Dung lại có thể trông tượng ra được những cốt truyện ly kỳ đến như thế. Tiểu thuyết Kiếm Hiệp, cũng như các loại tiểu thuyết có động tác như trinh thám, gián điệp, ăn cướp, chỉ cần có cốt truyện ly kỳ và người đọc cũng chỉ đọc vì cốt truyện. Nhưng truyện Kim Dung, ngoài cốt truyện ly kỳ, còn có những đoạn tả cảnh thần sầu, những đoạn tả tình đứt ruột, những « flash-back » — những đoạn trở về dĩ vãng, kể lại chuyện cũ, những đoạn chúng ta thường thấy trong phim xi - nê, khi một người kể chuyện và hình ảnh đang có mờ đi, nhòe đi để nổi lên hình ảnh một chuyện cũ — những « flash-back » của Kim Dung đâu ra đấy, chẳng hạn như đoạn Tạ Tốn đã bị mù ở Băng Hòa Đảo, ngồi kể chuyện năm xưa đi tìm giết Tống Viễn Kiêu và gặp Sư Không Trí ra can, dùng Thất Thương Quyền

đánh ra sao v.v... Qua truyện Cô Gái Đồ Long, tôi sẽ lần lượt dẫn với các bạn những đoạn nào Kim Dung dùng kỹ thuật viết tiểu thuyết của Trung Hoa, đoạn nào ông dùng kỹ-thuật Xi-Nê-Ma, đoạn nào ông dùng Suspense của Mỹ, và — lẽ tự nhiên — cả những đoạn nào Kim Dung viết lố, viết dở, những đoạn nào ông mắc cái lỗi thông-thường nhất của những người viết truyện đăng dẫn trên báo hàng ngày feuilleton — là quên và lẫn lộn.

✱

Xem phim cao-bồi, chúng ta thường lấy làm bực mình khi gặp những phim có cốt truyện trẻ con như hai anh cao-bồi không có thù hằn gì với nhau cả, gặp nhau trong quán rượu, nhìn nhau rồi tự dưng rút súng ra bắn nhau, những anh nằng nặc đòi đấu súng vì — « nghe nói mày bắn súng cừ nhất miền này, tao muốn so tài với mày. A-lê... rút súng ra... » Đó là loại phim cao-bồi con nít, nghĩa là chưa trưởng-thành. Hollywood trong thời gian gần

đây đã bỏ bớt loại phim cao-bồi trẻ con ấy để thay thế bằng những phim cao-bồi người lớn hơn như Rio Bravo — John Wayne, Dean Martin — những phim có cốt truyện đàng hoàng, những nhân vật có thù hằn ghê gớm với nhau, mới tìm giết nhau và chỉ bắn giết nhau khi cùng bất đắc dĩ không thể làm khác.

Truyện kiếm-hiệp — những truyện tầm thường, nhàm nhí — thường thường, hoặc có thể nói là tất cả, đều trẻ con như loại phim cao-bồi trẻ con mà tôi vừa kể trên đây. Nghĩa là không có cốt truyện đàng hoàng, ra hồn, chỉ có những trận ử thí võ nghệ, những nhân vật không thù hằn gì nhau cả, gặp nhau nói — « nghe đồn nhà ngươi võ-nghệ cao cường lắm, ta muốn nhà ngươi chỉ-giáo cho ta vài hiệp... » thế là xáp lại đánh nhau què chân, gãy tay, hộc máu mồm, máu mũi.

Đại biểu của loại kiếm hiệp trẻ nít, nhân vật du-đăng này là bộ Bích Huyết Kim Thoa của Kim Đồng. Đọc bộ này, tôi đoán

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYI./D.P.D.C.

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYI./D.P.D.C.

KIẾM HIỆP KIM DUNG

chắc các bạn sẽ phải khóc thét lên vì sốt ruột. Nhân vật Bích Huyết Kim Thoa đánh nhau toi bời, không thù nhau cũng đánh nhau, cứ gặp nhau là đánh, có nhân vật chết đi sống lại đến mười lần, chết hẳn rãng ra rồi — chết đến không còn ai có thể chết hơn được nữa — lại cho uống thuốc «Hà thủ ô thành hình nhân sâm ngàn năm v.v...» lại sống hẳn và lại ngoe nguầy đi đánh nhau để rồi lại bị độc chường ngã lăn quay ra chết nữa.

Nhưng kiếm hiệp Kim Dung thì không thế. Truyện Kim Dung nào cũng có cốt truyện vững vàng, những nhân vật đều có «uyên nguyên» với nhau — «uyên nguyên» cũng là một danh từ kiếm hiệp — truyện Kim Dung có lý, hợp lý với những mối thù bất cộng đởi thiên, không giết nhau không được. Những nhân vật chính trong truyện Kim Dung

đều chiếm trọn vẹn cảm tình của người đọc, như Vô Kỵ, Tạ Tốn, như Tiêu Phong, những nhân vật này bị xô đẩy vào những thảm kịch dẫm máu trái với ý họ. Họ có võ công kinh người nhưng không hung ác, họ chỉ muốn sống những cuộc đời yên lành, và bị du vào những cuộc chém giết «mưa máu, gió tanh», họ vẫn tranh đấu để tự giải thoát. Nhân vật có cảm tình hung hãn nhất là Tạ Tốn chỉ giết người vì muốn báo thù cho bố mẹ vợ con và trước đó, đã tu theo Minh Giáo. Cuối cùng, Tạ Tốn, bỏ thanh đao Đờ Long xuống, đánh một chiêu làm mù mắt kẻ thù. Thành Khôn, rồi tự phế hết võ công — xương cốt chuyễn động kêu rảng rảng — để đi theo các sư Vô Kiếp, Vô Ách, Vô Nạn vào đường tu đạo, Hòa Thượng Vô Ách nói với Kim Mao Sư Vương trước mặt quần hùng sau núi Thiếu Lâm — «Tạ thí chủ bỏ đao mổ trâu xuống là thành Phật liền».

(Còn tiếp)



Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/B.Y.T./DPDC.

đơn côi

* PHƯƠNG-DUYÊN

Hè lại về theo sắc phượng hồng,
Sao hồn vẫn cứ nhớ mệnh mông
Chiều nay tìm những giọng thơ cũ,
Sương khói bay về một bến sông!

Một bạn không tròn nỗi nhớ thương
Từng đêm thao thức giữa canh trường
Từng đêm viết những bài thơ nhỏ
Nghe nỗi sầu xa tận viễn-phương!

Canh vắng năm nghe nỗi ngậm ngùi
Nghe buồn đeo đuổi mãi khôn nguôi
Nghe lòng rưng rức âm thầm khóc
Phiền toái dài theo với tuổi đời...

thùng rượu nhỏ



Guy de Maupassant
● VŨ-MINH-THIỀU

DUONG Chi-Cô, chủ quán ở thị trấn Ê-brơ-vin, dùng chiếc xe thô mộc trước trại bà già Ma-loa. Gã cao lớn, trạc bốn mươi tuổi, mặt đỏ gay, bụng phệ, vốn vẫn có tiếng là tinh ranh quý quái ở trong vùng.

Gã buộc ngựa vào cọc hàng rào, rồi vào sân. Gã có một thửa đất, sát liền đất của bà cụ mà gã vẫn thèm muốn từ lâu. Có đến hai mươi lần gã gạ mua, nhưng bà Ma-loa vẫn từ chối.

Bà nói :
— Tôi đẻ ở đất này, tôi sẽ chết ở đây.

Gã vào thấy bà già đang gọt khoai trước cửa. Bà đã bảy mươi hai tuổi, người khô đét, răn rui, lưng gập làm hai, nhưng còn khỏe như gái đôi mươi. Dương Chi-Cô vỗ vào lưng bà cụ tỏ vẻ thân thiện, rồi kéo chiếc ghế đầu ngồi gần bà.

— Thế nào, bà vẫn mạnh khỏe chứ ?

THÙNG RƯỢU NHỎ

— Còn ông ?
— Ô, đau mình mẩy một chút, nếu không thật hoàn toàn.

— Thôi thế là hay lắm rồi !

Rồi bà im lặng không nói gì. Gã nhìn bà gọt khoai. Những ngón tay bà lão co quắp, rầu riu, rắn chắc như càng cua, cầm những củ khoai ở giỏ ra như cua quắp, và nhẹ nhàng thoăn thoắt, bà gọt vỏ bằng một con dao nhỏ cũ kỹ. Gọt xong, bà lại bỏ củ khoai vào một thùng nước. Bà con gà mái, quá bạo, con này đến con khác, lại sát gần bà già, mổ những vỏ khoai và quắp mang đi.

Gã Chi-cô ngáp ngừng, e dè như muốn nói điều gì, lại thôi. Cuối cùng gã nói :

— Này, bà Ma-loa...

— Có gì thế ?

— Cái trại này vẫn không muốn bán cho tôi à ?

— Cái đó thì không, ông đừng có nghĩ đến. Tôi đã nói, đã nói rồi, ông đừng trở lại chuyện này nữa.

— Bởi vì tôi thấy có thể giàn xé giữa hai người.

— Thế nào.

— Thế này nhớ. Bà bán cho tôi, song vẫn ở đây, như vậy có thiệt gì, bà hãy nghe tôi.

Bà cụ già ngừng gọt khoai, nhìn gã chủ quán với cặp mắt sắc.

Gã nói tiếp :

— Tôi cắt nghĩa bà nghe nhé. Mỗi tháng tôi đưa bà một trăm năm mươi quan. Bà nghe rõ chưa : mỗi tháng, tôi đi xe, đem đến đây cho bà ba mươi đồng một trăm xu. Và cứ như vậy, không có sự gì thay đổi ; bà vẫn ở nhà bà, bà không phải để ý đến tôi, bà không thiếu đủ gì tôi cả. Bà chỉ có việc nhận tiền của tôi, như vậy bà có ưng không ?

Gã nhìn bà già vẻ vui tươi, sung sướng.

Bà Ma-loa thì nhìn gã, ngờ vực, xem có mưu mô thâm độc gì chăng. Bà hỏi :

— Đó là việc riêng với tôi, còn cái trại này không thể để cho ông được.

Gã nói :

— Điều đó bà đừng ngại. Bà vẫn ở đây mãi mãi. Bà vẫn ở nhà bà. Riêng bà chỉ làm cho tôi một tờ giấy ở chường khế, để sau khi bà chết đi, đất này sẽ về tôi. Bà không có con cái, chỉ có cháu xa, bà chẳng để ý đến. Như vậy có được không ? Suốt đời, bà vẫn giữ đất đai của bà, và cứ mỗi tháng tôi đưa bà ba

THÙNG RƯỢU NHỎ

mười đồng một trăm xu. Đó là món lời của bà đó.

Bà lão ngạc nhiên, bản khoăn, nhưng lại ham muốn. Bà nói :

— Cũng không phải là tôi từ chối, nhưng tôi muốn nghỉ lại đã. Tuần sau, ông lại đây. Tôi sẽ trả lời ông rõ.

Và gã Chi-cô đi, hài lòng như một vị vua chúa vừa chiếm đoạt được một đế quốc.

Bà Ma-loa về tư lự. Đêm sau, bà cũng không chợp mắt được. Luôn trong bốn ngày, bà do dự. Bà cảm thấy như có điều gì xảy ra cho bà, nhưng nghĩ đến ba mươi đồng một trăm xu mỗi tháng, những đồng tiền sáng ngời lêng xêng chày vào túi áo, như từ trên trời rơi xuống mà chẳng khó nhọc gì, bà lại ham muốn hết sức.

Bà liền đi tìm viên chường khế và kẻ trường hợp của bà. Viên chường khế khuyên bà nên nhận điều kiện này, nhưng đòi Chi-cô đưa mỗi tháng một trăm năm mươi đồng một trăm xu, chớ đừng lấy ba mươi đồng, vì cái trại của bà, giá hạ nhất cũng phải sáu mươi ngàn quan.

Viên chường khế nói :

— Nếu bà còn sống mười lăm năm, với cách này, hẳn cũng mới trả bà có bốn mươi lăm ngàn quan.

Tưởng tượng đến việc nhận mỗi tháng một trăm năm mươi đồng một trăm xu, bà cụ run lên, nhưng bà vẫn còn do dự, e ngại trăm ngàn rủi ro, những mưu mô thâm kín, bà ở lại đến tận chiều, hỏi đi hỏi lại mãi ông chường khế, không sao rời đi được, sau cùng bà thuận làm giấy tờ và trở về nhà, lòng bối rối như vừa uống luôn ba bốn ly rượu mạnh.

Khi gã Chi-Cô đến hỏi thăm tin tức, bà đề cho gã khăn nài mãi, nói ý bà không muốn bán, riêng lòng lại lo lắng nếu gã không thuận trả mỗi tháng một trăm năm mươi đồng. Sau cùng vì gã vật nài quá, bà mới ngó ý của bà.

Gã giật mình và từ chối.

Bà liền dẫn giải cho gã siêu lòng về thời gian bà còn sống.

— Đã chắc đâu tôi sống được năm sáu năm nữa. Nay tôi đã bảy mươi ba tuổi rồi, lại chẳng khỏe mạnh gì. Buổi tối hôm nọ, tôi nghĩ là đã chết, tưởng như có ai lôi hết ruột gan mình ra, đến nỗi phải khiêng tôi vào giường nằm.

Nhưng gã Chi-Cô đâu có cần câu ngay.

— Nay thôi, này thôi, bà bạn già ơi, bà còn vững như một tháp chuông nhà thờ đó. Ít nhất bà

HÙNG RƯỢU NHỎ

cũng sống đến một trăm tuổi. Chắc chắn là bà sẽ chôn tôi.

Cả ngày hôm đó, hai người bàn cãi. Nhưng vì bà già không nhượng bộ, nên sau cùng gã chủ quán đành chịu mỗi tháng một trăm năm mươi đồng.

Ngày hôm sau, hai người ký giấy.

Ba năm qua. Bà già vẫn khỏe mạnh, như không già đi chút nào. Gã Chi-Cô chán nản quá. Gã tưởng như trả số tiền này đã có nửa thế kỷ rồi, như gã bị lường gạt, phá sản. Thình thoảng gã đến thăm bà lão, như hồi tháng bảy, người ta ra đồng thăm lúa chín đã gặt hái được chưa. Bà tiếp gã, vẻ mặt tỉnh ranh, tưởng như bà đã xô được gã một vỏ nặng. Còn gã, vội vã lên xe, miệng lầm bầm :

— Mi vẫn chưa chết sao, bộ xương già kia !

Gã không biết xử sự ra sao. Trông thấy bà già, gã muốn bóp cổ. Gã thù bà sâu độc, nham hiểm, cái thù của một kẻ nhà quê bị người lường gạt.

Rồi gã nghĩ mọ.

Một ngày kia, gã đến thăm bà, hai tay xoa vào nhau, như buổi đầu gã đến thương nghị mua đất.

Sau khi hàn huyên, gã nói :

— Nay, bà lão, sao khi đến Ê-brơ-vin, bà chẳng lại tôi ăn bữa cơm cho vui ? Họ bàn tán đó, họ nói ăn ở như vậy đâu có là bạn bè được, tôi thấy thật buồn. Bà hiểu lại tôi có phải trả tiền gì đâu. Tôi có nhờ mọn gì tính cả đến bữa ăn. Mỗi khi bà muốn xin cứ tự nhiên đến tôi, tôi rất vui lòng.

Không phải nhắc lần thứ hai, ngày hôm sau nữa, khi bà đi chợ, do anh người ở Sê-lét-tanh lái xe, bà cho đất ngựa đến gửi ngay ở chuồng của gã Chi-cô và đòi bữa ăn gã hứa hẹn.

Gã chủ quán vui vẻ thết bà như tiếp đón một nhà quý phái, nào gà chiên, dôi lợn, đùi cừu, bắp cải nấu mỡ. Nhưng bà lão chẳng ăn gì, vốn điều độ từ bé, sống quen với một ít súp và màu bánh mì quệt chút bơ.

Dùng **midol** *trị các chứng đau nhức và cảm cúm*

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1369/BY.T./D.P.D.C.

THÙNG RƯỢU NHỎ

Gã Chi-cô vật nài, thất vọng. Bà cũng không uống rượu nữa và từ chối cả cà-phê.

Gã hỏi :

— Vậy bà uống ly rượu nhỏ nhé.

— À ! cái đó tôi xin vâng, tôi không dám từ chối.

Gã gọi hết sức lớn, đến cuối quán cũng phải nghe thấy :

— Rô-da-li, mang rượu ngon, rượu thượng hạng lại đây.

Và cô đầy tớ gái chạy lại, mang một chai rượu hình dài, ngoài có dán một nhãn vẽ một lá nho.

— Xin bà nâng cốc, đây là chén rượu ngon nhất, và bà già nhấp từ từ, như muốn kéo dài thú nhấm nháp. Khi bà uống hết ly, uống cho đến giọt cuối, bà nói :

— Đúng thế, thật là rượu hảo hạng.

Bà chưa nói hết, Chi-cô đã rót ly thứ hai. Bà muốn từ chối, nhưng đã muộn, rồi bà lại nhấm nháp như ly trước.

Gã mời ly thứ ba, nhưng bà từ

chối, gã khần khoản :

— Uống như uống sữa mà, bà thấy chưa ? Tôi uống mười, mười hai ly như không. Uống vào ngọt lịm như đường. Không một chút nóng ở bụng, đầu không choáng váng; người ta thấy như rượu bốc hơi ngay khi vừa nhắm vào lưỡi. Thứ rượu này uống vào thật khỏe!

Còn thêm, nên bà nhượng bộ, nhưng chỉ uống nửa ly nữa thôi.

Với một giọng hào phóng, gã Chi-cô liền nói :

— Này, bà lão, xem như bà ưa thích, vậy để tôi biếu bà một thùng nhỏ, cũng để tỏ cho mọi người biết mình là bạn bè với nhau chứ !

Bà cụ không từ chối và từ giả đi, hơi say một chút.

Ngày hôm sau, gã chủ quán vào sân bà Ma-loa, lẩn ở trong xe ra một thùng rượu nhỏ đóng đai sắt. Ồi gã mở thùng để tỏ cho bà-già biết là cùng một thứ rượu ngon, và sau khi hai người mỗi người uống ba ly, gã đi và tuyên bố :

— Này, bà lão, hết thì lại có

THÙNG RƯỢU NHỎ

đấy ! bà đừng ngại. Tôi không nhỏ nhen đâu. Càng mau hết, tôi càng vui.

Rồi gã lên xe đi.

Bốn ngày sau, gã lại đến. Bà già đứng ở cửa, đang cắt bánh mì để nấu súp.

Gã lại gần, chào bà cụ, kề vào gần mặt nói, như muốn đánh hơi. Và gã ngửi thấy mùi rượu, mặt gã tươi hẳn lên.

Gã nói :

— Bà cho tôi uống một ly nhé.

Và hai người lại uống hai, ba ly.

Rồi, cách ít lâu, trong vùng có tiếng đồn đại bà già say rượu luôn. Lúc người ta thấy bà nằm lẩn ở bếp, lúc ở ngoài sân, có lúc ở cả ngoài đường, phải khiêng

bà về, như một xác chết.

Gã Chi-cô không thấy lai vãng lại nhà bà cụ nữa, và khi thấy ai nói về bà lão, gã thì thào, vẻ buồn rầu :

— Vào tuổi này, say sưa thật khổ ! Bà thử xem, về già mà không có của cải, lại mắc vào tật này, thật là một vố nặng !

Quả vậy, thật là một đòn nặng cho bà lão ! mùa rét năm sau, bà chết vào ngày lễ Giáng sinh, nằm say bí tỉ trên đồng tuyết.

Gã Chi-cô hưởng cái trang trại của bà cụ và nói :

— Mụ già này, nếu chẳng có rượu vào, phải còn sống mười năm nữa !

★ CON NGON

Mẹ :

— Con à, khi nào có khách lạ tới, con hỏi bạn hay đòi nợ. Nếu người ấy bảo bạn, con gọi má, nếu người ấy đòi nợ, con báo má vắng nhà nhé.

Con :

— Mẹ yên tâm, con sẽ theo lời mẹ.

Lát sau, một bà tới, chú bé hỏi :

— Bác là bạn hay tới đòi nợ má cháu ?

— Cả hai.

— Dạ, nếu thế má cháu đang nấu bếp mà má cháu cũng vắng nhà. Bác cố vào phải báo là bạn trước, đòi nợ sau kẻo má cháu buồn cháu nhé.

Dùng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm.
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1300/BX/DPDC.



Tuấn

DÂN CHÚNG
LỊCH SỬ
XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI 1910
NƯỚC VIỆT 1960

● Nguyễn-Vũ

(tiếp theo P.T. 149)

PHONG trào « Chấn-hưng Phật giáo » bùng-bật trong những năm 1931, 32, 33, 34, xét kỹ chỉ thích-hợp với lớp Trí-thức từ 40 tuổi trở lên và có tinh-thần chống Pháp tiêu-cực, nhất là ngấm ngấm chống ảnh-hưởng và uy-quyền của Thiên-Chúa-giáo lúc bấy giờ được Chính phủ Bảo-hộ rất kính nể. Đồng thời các nhà Sư chủ trương phong-trào ấy cũng có một tinh-thần ái-quốc kín-dáo, khéo che đậy dưới một cuộc hoạt động tôn-giáo hoàn-toàn vô tội. Những nhân-vật nổi-bật của phong-trào « Chấn-hưng Phật-giáo » là Sư cụ Lê-khánh-Hòa,

trụ-trì Chùa Linh-Sơn, Sài-gòn; và ông Commis Chán, Hội trưởng và Đệ-nhứt Phó Hội trưởng Hội « Nam Kỳ Nghiên-cứu Phật-học hội » (1), Hòa-Thượng Thích Mật-Thê và ông Lê-Đình-Thám, « Y-sĩ Đông-Dương » (Médecin Indochinois) ở Bệnh-viện Trung Ương Huế. Hội-trưởng hội S.E.E.R.B.A, (Trung-Kỳ Phật-giáo Khuyến-học hội), và ở Hà-nội là ông Nguyễn-văn-Vinh, và Sư Tồ Vinh-Nghiêm. Về sau, chính phủ Bảo-hộ muốn kiểm-soát phong

(1) Nay gọi là « Linh-Sơn Nghiên-cứu Phật-học Hội ».

TUẤN, CHÀNG TRAI

trào Phật-giáo Bắc-Kỳ, đã tìm cách đưa ông Nguyễn-năng Quốc, Tổng-Đốc hưu trí, vào làm Hội-Trưởng Hội Phật-giáo Bắc kỳ.

Tuấn, chàng trai trưởng thành trong thế hệ Nguyễn-Thái-Học, đầu óc bị kích thích quá mạnh, và tính tò mò quá độ, chuyên gì cũng muốn biết, muốn xem, muốn học hỏi, nhưn cuộc đi Sài-gòn để lập một Kỳ bộ Việt-Nam Quốc dân đảng nhưng không thành, đã tìm hiểu các đảng cách mạng khác, và đồng thời cũng ghé thăm Chùa Linh-Sơn. Đi ngang Trung Kỳ, chàng ghé Huế và viếng Chùa Từ-Đàm, Chùa Bảo - Quốc, Chùa Linh-Mụ, và gặp ông Lê Đình-Thám. Về Hà-nội, chàng tìm hiểu những hoạt động của Hội Khuyến học Phật-giáo Bắc-kỳ ở Chùa Quán-Sứ.

Chàng nhận xét hai điều :

Một là thanh niên không tham gia vào các phong trào này. Thấy trên bàn của chàng những tạp chí « Đuốc Tuệ » (Hà-nội), « Viên Âm », (Huế), « Niết-Bàn » của Hội Thông Thiên học

Sài-gòn và các sách Phật của Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học, nhiều bạn của chàng lại chế nhạo chàng là « gàn », « 21, 22 tuổi mà muốn đi tu », v.v...

Và lại, đối với những thanh niên không theo cứu đến Phật-giáo, những tạp chí trên kia quả thật là khó hiểu. Chúng thuộc về các loại sách mà giới sinh viên học - sinh thời bấy giờ gọi là « loại sách nhồi sọ » (bourrage de crâne). Chỉ có những thằng vơ-vơ gàn-gàn thích những triết-lý vờ-vơ, mới đọc những sách báo nhồi sọ ấy. Tuấn bị một số đồng bạn-bè liệt vào hạng « cụ non » bắt hủ ấy.

Những ngày Rằm, mồng-một, hoặc những ngày Vía Phật. Tuấn đến Chùa Quán-Sứ chỉ thấy toàn là các cụ, các ông, các bà, với vẻ mặt thành kính, tin - tưởng. Thịnh-thoảng mới có một vài cô thiếu-nữ đi theo các bà cụ, nhưng để bụng các quả dền, hương, oản, chuối, để cúng nhà Chùa. Trên điện thờ, tượng Phật ngồi điềm-nhiên, lạng lẽ, mắt nhắm như không muốn

PHONG-PHU

NEUROTONIC

BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 20-11-68

nhấy cảnh tín-ngưỡng nhộn-nhip chung quanh.

Các nhà Sư cũng vậy, kh'ng niềm-nở sốt sắng, ông nào cũng có vẻ trầm ngâm, đạo-mạo, như sách hẳn ra ngoài vòng thế-tục.

Phật-giáo như một thế-giới riêng-biệt huyền-mơ trong hương khói, không trực-tiếp liên-quan gì đến đời người.

Hai là phong trào Chấn-hưng Phật-giáo có lẽ vì thế mà không được bành-trướng trong xã-hội. Tuấn suy-nghĩ về tình hình tổng-quát của nước nhà, nhận thấy rằng sau một cuộc chiến tranh hay một biến-cố rừng-rợn khủng-khiếp như cuộc khởi-nghĩa đầy máu lửa của Việt-nam Quốc-Dân đảng ở các tỉnh Bắc Kỳ (2) và cuộc xử chém Nguyễn Thái Học và 12 đồng chí, lòng người dân Việt-nam đâm ra chán nản, tự nhiên quay về tìm Đạo Từ Bi, Đạo Phật, để được yên tĩnh trong tâm hồn. Những người đến Chùa lạy Phật, không có quan niệm chen đua với đời, nên phong trào Chấn-hưng Phật giáo chỉ có đôi chút

nôn nao trong khung cảnh lặng lẽ của nhà Chùa mà ít có tiếng vang ra ngoài trần thế.

Phái thanh niên cả Nam lẫn nữ, ở Bắc Kỳ cũng như ở Trung và Nam Kỳ, không những đã không tham gia vào phong trào Phật học, mà trái lại hùa theo phong trào lãng mạn vừa chớm nở, sau 1931.

Tuấn cũng theo sát các biến cố gây ra phong trào này. Nói đúng hơn, đây là một cuộc phục hưng của phong trào lãng mạn 1925 (Renaissance du courant romantique de 1925).

1925, Tuấn học ở Qui-Nhon, mới 13 tuổi chưa biết gì, hầy còn là một cậu học trò quê mùa, ngớ ngẩn, thì ở Hà-nội trường Cao-Đẳng Đông Dương (Université Indochinoise), — Đại-học « lô can » — đang đào tạo một lớp sinh viên Tây học hoàn toàn theo ảnh hưởng Văn học Pháp.

(2) Một người Pháp, Albert de Poubourville có viết một quyển sách nói về đêm khởi nghĩa ở Yên Bái, nhan đề là « La Nuit rouge de Yên Bái », 1931.

Một trong đám Sinh-viên trẻ tuổi ấy, ở lớp Sư-phạm, là Hoàng-ngọc-Phách, có viết một quyển tiểu-thuyết nhan đề là *Tổ-Tâm*. Đó là quyển tiểu-thuyết lãng-mạn đầu tiên, do nhà sách Nam-Kỳ ở Bờ-Hồ, Hà-nội, xuất bản.

Trong lúc các Sinh viên trường Cao-dẳng được trọng vọng triệt-đề, phong-trào các cô « tiểu-thư » khuê-các chỉ ham lấy chồng Cao-dẳng được lan tràn trong giới nữ-lưu, « Phi Cao-dẳng bắt thành phu-phụ », tiểu-thuyết « *Tổ-Tâm* » ra đời bỗng nhiên đưa phong-trào ấy lên đến tuyệt đỉnh.

Tác-giả, Song-An Hoàng-ngọc-Phách, Sinh-viên Cao-dẳng Sư-phạm, trở thành thần-tượng của tất cả các cô gái Hà-nội, và quyển « *Tổ-Tâm* » thành quyển truyện gối đầu của toàn thể thanh niên nam-nữ vào lứa tuổi từ 17, 18 đến 30. *Tổ-Tâm* được bạn trẻ thế hệ 1925 hoan-nghênh nhiệt-liệt, chính vì nó là quyển truyện ái-tình, trong đó diễn tả tình yêu của một sinh-viên Cao-dẳng với một « tiểu-thư » khuê-các, tượng-trưng cho tất cả những tình-yêu lãng-mạn thời bấy giờ.

(còn tiếp)



★ AI LÀ NAPOLÉON

Trong một bệnh viện điên, hai bệnh nhân cứ đánh nhau về một chức: Ai làm Napoléon hoàng đế nước Pháp.

Viên giám đốc chữa mắt không được tức giận nhất cả hai vào một phòng giam chật. Ba hôm sau, Bác sĩ quay lại và hỏi một người.

— Sao, bác đã hạ anh ta rồi chứ?

— Không ạ.

— Sao vậy?

— Dạ tại vì nó đã phong tôi làm hoàng hậu Joséphine...

PHONG-THU

Đông **NEUROTONIC** BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

575 BYT 26-N-65

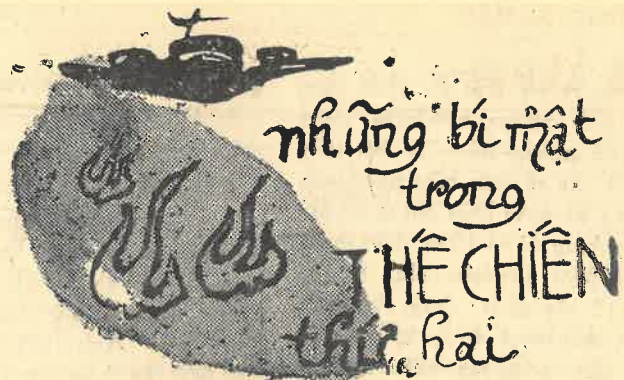
biên khuya

Biên khuya sóng vỗ lên hồn,
Ta nằm nghe lặng tiếng cồn dâu xanh
Vàng trắng lửa hạ treo nhành
Vực sâu rêu phủ mấy cành củi khô
Ngàn xưa hoa trắng phiêu du
Nước sa buồn với mùa thu cách nguồn
Trăm sông buồn cũng xô luôn
Quanh co bến lạ máu xương rụng sầu
Sóng đời giấc ngủ đêm thâu
Vàng trắng ngọc thạch chìm sâu vực đời.

đêm trắng

uống trà với bạn đêm trắng
sầu thiên cổ rụng sông Hằng xa khơi
nhìn nhau không nói thêm lời
ngày mai anh đã ra nơi chiến trường
tôi về ngủ giữa màn sương
hát cho tan cuộc máu xương giống nời

● TRẦN TUẤN KIỆT



★ Thiệu-Sơn

(tiếp hèo P.T. 149)

● CHUẨN BỊ CUỘC ĐỒ BỘ

Ở mặt trận phía Đông, Nga không ngớt yêu cầu Đồng Minh mở mặt trận phía Tây để quân đội Quốc xã phải đối phó với cả hai trận. Như thế lực lượng của chúng sẽ phải chia hai và Nga sẽ đỡ được phân nửa gánh nặng. Nhưng việc làm không phải là dễ vì Đồng Minh còn phải chờ có đủ điều kiện. Trước hết phải diệt trừ được những tàu ngầm của Đức ở Đại-Tây-Dương. Kế tới là phải có 1 lực lượng không quân chiếm ưu thế tuyệt đối so với không lực của địch. Sau hết là phải loại nước Ý ra ngoài vòng chiến cuộc để khỏi đối phó với nước này.

Ba điều kiện nói trên tới năm 1944 mới hội đủ.

Thủ-Tướng Churchill tuyên-bố : « Cuộc hành quân rộng lớn này chắc chắn là phiền-phức và khó-khăn chưa từng có ».

Khó khăn vì quân địch đã đề phòng đề chiến-dấu. Quân Đức đã thiết-lập một bức tường-thành gọi là bức tường Đại-Tây Dương (le Mur de l'Atlantique) để canh giữ bờ biển từ miền Bắc nước Pháp cho tới miền Nam nước Pháp. Chúng đặt những chướng ngại-vật để ngăn-cản không cho tàu đồ bộ, không cho lính lên bộ với quân nhu khí-giới của họ. Chúng còn thiết-lập những công-sự kiên-cố có trí đại-bác và liên-thanh để tiêu-diệt những cánh quân lên bờ.

Nhưng sự thật thì Đức cũng gặp phải những khó-khăn trong vấn-đề phòng-thủ. Có hết thảy 5000 cây số bờ biển phải canh phòng mà quân Đức chỉ có 60 sư-đoàn trong đó có 10 sư-đoàn thiết-giáp. Một sư-đoàn chỉ bảo-vệ được 5 cây số là cùng. 60 sư-đoàn chỉ bảo-vệ được 300 cây số. Nếu phải phân tán khắp nơi thì không đủ quân số. Chính Thống-chế Von Rundstedt, vị tư-lệnh tối cao của Đức ở mặt trận phía Tây cũng đã nói: « Các anh đã đánh giá quá cao một cách lỗ-bịch những phòng-thủ của ta. Bức tường Đại-Tây-Dương chỉ là một ảo-tưởng được Tuyên-truyền ủng-hộ để dối-gạt bọn Đồng-Minh. »

Đồng-Minh không bị gạt nhưng cũng không dám khinh-thường nên đã chuẩn-bị châu-dáo cuộc hành-quân đổ-bộ này.

Suốt năm 1943, riêng nước Mỹ đã sản-xuất được 21.525 tàu đổ bộ. Ngoài ra còn phải sản-xuất thêm đủ loại vô-khí cần-thiết cho cuộc đổ-bộ nói trên. Đồng-Minh còn làm ra những hải-cảng tiên-chế để thiết-lập ở những nơi thiếu địa-lợi cho cuộc hành-quân.

Trước ngày đổ bộ thật Đồng-Minh đã tổ chức hai cuộc đổ bộ

giả. Họ cố tình làm như những cuộc đổ bộ đó thất bại để gạt lại đối phương.

Đồng Minh tính đổ bộ thật sự vào thượng tuần tháng 6 năm 1944. Nhưng trước ngày đó họ đã chuẩn bị oanh tạc những đường giao thông của địch. Từ 1/3 đến 1/6 không lực Anh Mỹ đã liệng 268.000 tấn bom trên đất Pháp phá thiết lộ, phi trường đường xá và cầu cống. Từ Le Havre tới Paris họ đã phá sập được gần hết cầu cống ở trên khoảng đất này. Hơn nữa họ còn oanh tạc những trung tâm kỹ nghệ ở Đức, những giếng dầu lửa ở Lỗ Mã Ni. Họ buộc không quân Đức phải lên nghinh chiến để hạ bớt thêm một mớ và tức là để làm suy giảm lực lượng đối kháng của địch.

Hitler và tướng lãnh Đức tiên đoán rằng Đồng Minh sẽ đổ bộ nhưng không cậu nào biết chắc là họ sẽ đổ bộ tại đâu. Một tướng Đức viết: « Hitler thác loạn tới cực độ. Ông sợ một cuộc đổ bộ tại Na-Uy, tại Hòa Lan. Rồi ông lại cho rằng sẽ có đổ bộ tại Normandie, Bretagne, Bồ đào Nha, Tây ban Nha v.v... Ông lấy bản đồ ra coi cùng khắp mọi nơi, rồi ông tóa hóa, mắt ông muốn lọt ra khỏi đầu ông. »

Làm cho kẻ địch hoang-mang, không biết mình sẽ đánh đâu mà nó đỡ là Đồng Minh đã ghi được một thắng lợi về tâm lý chiến.

Ngày 7 bắt đầu

Thống Tướng Eisenhower quyết định đổ bộ sẽ khởi sự vào ngày 7. Ngày 7 tức là ngày 6/6/1944. Trong thời gian trước và sau ngày đó biển động liên miên. Những chuyên viên khí tượng Đức cả quyết là trong suốt thời gian đó không thể nào đổ bộ được. Nhưng họ không dè ngày 6/6 có vài giờ tương đối êm dịu. Và Đồng Minh đã lợi dụng những khoảnh khắc đó để thi hành kế hoạch của mình. Và họ đã thành công.

Sáng bữa đó 31.000 phi công Đồng Minh đã ném 10.000 tấn bom xuống những căn cứ sẽ tấn công. Kế tới là 5.143 chiến hạm cùng với 4000 tàu đổ bộ tới sát bờ biển Normandie, có 11.000 chiếc phi cơ hộ tống. Quân Đức không kịp đề phòng và không biết ở đâu mà đề phòng nên cuộc đổ bộ của Đồng-Minh đã thành công ở buổi đầu. Tới khi quân Đức kéo tới để ngăn-chặn thì đối-phương đã thiết-lập được những đầu cầu vững chắc không thể nào đánh bật họ ra biển được nữa.

Chiều ngày 6/6 họ đã chiếm

được 200 cây số ở bờ biển.

Tới ngày 4/7 nghĩa là không đầy một tháng quân số Đồng Minh đã lên tới 1 triệu người với 183.500 chiến xa và quân xa đủ loại.

Tới đầu tháng 9 thì quân số đã lên tới 3 triệu.

Đồng Minh còn thiết lập được một ống dẫn dầu lửa dài 90 cây số đặt ngầm dưới biển Manche từ Anh qua Pháp để tiếp tế nhiên liệu cho chiến xa mỗi ngày ước lượng tới 1 triệu lít xăng.

Quân Đức chống trả kịch liệt, nhưng không cản được bước tiến của Đồng Minh.

Những viện binh mà chúng đưa ra các mặt trận đã gặp phải những trở lực khó khăn do đường sá bị cắt, cầu kỳ bị phá, phi cơ oanh tạc và còn do kháng chiến Pháp phá hoại và cầm chẹn, một nhà báo ngoại quốc ước lượng quân kháng chiến Pháp đã làm công việc của 20 sư đoàn. Chính Thống Tướng Eisenhower đã chánh thức tuyên bố: « Tổng Hành Dinh của chúng tôi cho rằng nhiều khi lực lượng kháng chiến ở nội địa Pháp đã giúp chúng tôi bằng sự giúp đỡ tương đương của 15 sư đoàn. Nhờ thế mà quân đội

Đồng Minh tiến tới một cách dễ-dàng và nhanh chóng.

Sau hai tháng đồ-bộ, Đồng Minh đã bắt được 200.000 tù-binh, giết chết và làm bị thương 200.000 khác. Không-quân Đức đã thiệt-hại 2.378 chiếc trên không và 1.167 chiếc dưới đất.

Tổng Tư Lệnh Đức ở mặt trận phía Tây bị thay đổi nhiều lần. Trước hết là Von Rundstedt. Kế tới là Von Kluge. Và sau nữa là Model từ mặt trận phía Đông đổi về. Von Kluge có liên-can tới một vụ âm-mưu lật đổ Hitler. Cuộc âm-mưu đã bại-lộ. Ông sợ rằng về tới Đức thì người ta sẽ bắt ông nên ông đã uống thuốc độc để kết-liệu đời ông. Trước khi bỏ viên thuốc độc vào miệng, ông còn viết một bức thư dài gửi cho Hitler, trong đó có những lời như sau :

« Nếu những vũ-khí mới mà ông nóng lòng chờ đi, nhất là những vũ-khí không-gian cũng không đem lại được một thắng-lợi quyết định thì ông đã bằng

lòng chấm dứt cuộc chiến-tranh này chưa? Nếu số mạng mạnh hơn tài trí và ý chí của ông thì đó là định mạng. Lịch sử sẽ chứng minh điều đó. Ngay từ bây giờ ông hãy tỏ ra có tâm hồn cao cả để chấm dứt một cuộc chiến tranh không hy vọng. »

Vũ khí mới mà tướng Von Kluge nói trên là những hỏa tiễn V1 và V2. Hitler trông đợi hoàn thành loại vũ khí này để tiêu diệt Anh quốc và lật ngược thế cờ. Nhưng hy vọng của ông chỉ còn là ảo vọng. Tình hình quân sự hết sức bi đát, chẳng những Von Kluge mà rất nhiều vị tướng lĩnh cao cấp đều thấy phải chấm dứt chiến tranh. Họ không muốn đất nước của họ bị tàn phá thêm nữa. Họ cũng không muốn quân lính của họ bị hy sinh thêm nữa. Nhưng họ không thuyết phục được Hitler. Họ âm mưu thanh toán ông ta nhưng lần nào cũng thất bại. Thảm hại nhất là biết bao nhiêu vị tướng lĩnh có tài, biết bao nhiêu anh hùng tên tuổi lại cũng có liên can đến cuộc âm mưu này.

PHONG-SHÍ

Đường **NEUROTONIC** BỔ ỨC
Tăng cường trí não

575 BVT 20-11-62

Hitler cho rằng hầu hết tướng-lãnh đã phản ông. Ông thẳng tay trừng-trị những kẻ bị bắt quả-tang. Nhưng đối với tất cả, ông đều nghi-ky và mất lòng tin-trưởng. Tổng-Trưởng Tuyên-Truyền Goebbels đã viết :

« Theo lời Hitler thì tất cả các tướng-lãnh đều nói láo. Tất cả các tướng-lãnh đều phản trắc, đều chống với chủ-nghĩa quốc-xã, đều phản-động. Thật ra, không phải hoàn-toàn đúng, nhưng về nhiều phương diện Hitler đã có lý. Ông không chịu nổi bọn tướng-lãnh. Họ đã làm cho đời ông chua chát thất-quá. Trình-độ trí-thức của họ thấp quá và không

thể nào có sự thông-cảm giữa họ và nhà Lãnh-Tụ. Họ bất trung, bất nghĩa, không cố-kết với ông... »

Sự rạn-nứt quả tình đã trầm-trọng trong giới lãnh-đạo Đức. Sức thu hút của chủ-nghĩa quốc-xã càng ngày càng suy-giảm. Ở mặt trận phía Đông cũng như ở mặt trận phía Tây, phe Đồng-minh càng ngày càng thắng thế. Phe trục trả lần trả hồi những khoảng đất họ đã chiếm ở khắp nơi và bù thêm vào đó, biết bao nhiêu xương máu của con dân vô tội.

Ngày 7 bắt đầu, là bắt đầu sự sụp đổ của Hitler.



★ DANH NGÔN

Có nhiều người thông minh có dư thông minh đến nỗi kh đống vai một người ngu dốt đần độn, họ cũng hơn hẳn những người khác.

Il y a des gens si intelligents que lorsqu'ils font les imbéciles, ils y réussissent mieux que quiconque.

(Maurice Donnay)

MÌNH ƠI!



ĐỆ TỬ
CỦA

PHẬT

BÀ TÚ :
— Mình kể nốt tiểu-sử của các vị Đệ-tử của Đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni cho em nghe.

Ông Tú, với một nụ cười thắc-mắc :

Sao em không hỏi anh về các vấn-đề thực-tế hơn, thay vì tiểu-sử của các vị Bồ-Tát ?

— Em không phải như những người khác, thấy phong-trào Phật-giáo đang lên thì hòa theo mà không hiểu gì về Đạo Phật cả. Em không thích s-dua theo Đạo Phật, em chỉ tìm hiểu về Đạo Phật mà thôi. Lịch-sử của Đức Thích-Ca-Mâu-Ni. Mình đã kể rõ cho em nghe rồi, nay em muốn biết thêm về lịch-sử của các vị Đệ-Tử. Em muốn hiểu Đạo trước rồi mới theo Đạo sau, nếu Đạo ấy hợp với em. Bây giờ em đang ở trong thời kỳ học hỏi cơ mà! Hôm nọ, Mình đã kể qua về 4 vị Đệ tử đã trở thành A-La-Hán: Sàriputra, Maudgalyyàyana, Mahàkàsyapa, và Ananda.

— Vị thứ 5, là **Upàli**. Ông này cũng là giòng họ Thích Ca. (Cakya) nhưng nghèo và làm thợ cạo râu. Ông làm Tỳ kheo (Bikkhu) theo hầu họ Đức Phật sau khi nhiều lần nghe Phật thuyết pháp. Vì làm nghề thợ

cạo nên ông được lãnh một công tác đặc biệt là cạo đầu cho những vị nào mới đi tu, và cho các vị Tăng già (Tỳ-kheo) và Tỳ-kheo Ni (Bikkhuni).

— Tỳ kheo Ni là gì, hả Mình ?

— Tức là Ni cô. Danh từ Ni cô của ta chính là do chữ Bikkhuni của Ấn Độ. Tỳ kheo **Upàli** thường hỏi Phật về thuyết Bát-chánh đạo cho nên ông rất thông hiểu về thuyết này và được Phật truyền thuyết Pháp về Bát-chánh-đạo cho chúng sanh nghe. Ông chết sau Đức Phật 30 năm, và chưa được lên chức A-La-Hán.

● Người đệ tử thứ 6 là **Aniruddha**. Ông này cũng là em họ của Đức Thích Ca Mâu Ni. Được làm Tăng già Aniruddha liền nổi danh vì có đôi mắt thần nhãn (Divyacakus) thấy được các huyền-vi của Tạo-hóa, và có trí-nhớ phi-thường, cũng như Tỳ-kheo Ananda. Sau khi Phật nhập diệt, Aniruddha buồn, về ẩn thân nơi làng Beluva, gần Vaisali, và chết nơi đây, được dân-chúng địa-phương tôn-thờ.

● Đệ-tử thứ 7 là **Rahula**. Rahula chính là con trai của Đức Thích-Ca Mâu-Ni, và là con độc-nhất. Khi Đức Phật trở về Kapilavasta để truyền Đạo, thì Rahula hãy còn là một thiếu-

niên. Mẹ của cậu, tức là Công-chúa Yasodhara, xúi cậu đến đòi cha chia gia-tài, Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni mỉm cười bảo: «Này Ràhula, đây gia-tài của ta truyền cho con, một vật mà thôi: Phật-Pháp, Dharma». Rồi Đức Thích-Ca truyền cho Ràhula cạo đầu học Đạo. Ràhula vâng lệnh cha, chăm-chỉ học Phật-Pháp, và trở nên một Tỳ-kheo (Tăng-già) kiêu-mẫu. Tuy còn trẻ tuổi, Ràhula thông hiểu tất cả các Kinh Phật và đã thuyết Pháp nhiều lần. Đến tuổi trưởng thành, Ràhula đã tu thành quả A-La-Hán. Ràhula chết trước đức Phật.

— Mình ơi, thế ra Đức Phật cũng có con nhỉ?

— Ràhula là con của Phật lục Phật hay còn là Thái-tử Siddharta, chưa đi tu, và vừa lấy vợ là Công chúa kiêu-diễm Yasodhara. Lúc Thái tử từ bỏ Cung-diện ra đi, thì Ràhula vừa mới ra đời.

● Đệ-tử thứ 8 là **Ajnata Kaudinya**. Ông này

là con trai một gia đình Bà-la-môn, thuộc hàng quý tộc. Lúc ông theo Phật thì ông đã lớn tuổi hơn Phật nhiều, vì vậy mà ông được tôn làm niên trưởng của đám Tăng-già. Ông thông hiểu Phật Pháp hơn các Tỳ-kheo khác, thuyết Pháp nhiều lần. Đến già, ông xin Phật cho phép ông về nhập thiền ở chân núi Hi-mã-lạp-son, nơi đây ông sống được 12 năm, do các bầy voi trong rừng đem đồ ăn đến nuôi ông, và che chở cho ông. Biết trước ngày giờ chết, ông về từ biệt Phật trước khi trở lại chụm núi Hi-mã-lạp-son để nhập diệt. Ông đã thành quả A-La-Hán, và đám tang của ông được các vị Thiên Thần và các đoàn voi cùng thú rừng tham gia đông đảo, cảm động. Toàn thể voi và thú đều khóc chung quanh xác ông. Sau khi hỏa thiêu, cốt A-La-Hán Ajnata Kaudinya được đưa về Phật.

● Đệ-tử thứ 9 là **Purna**, nguyên là một lái buôn rất giàu, ở thành phố Surparaka, phía Bắc Bombay hiện nay. Đi buôn hàng với một đoàn lạc-đà qua

Śravastī, gặp Phật đang thuyết Pháp, ông nghe Kinh, rồi từ bỏ nghề buôn, theo làm Đệ-tử trung kiên của Phật.

● Đệ-tử thứ 10, là **Katyayana**. Nguyên là một vị Đại thần ở triều vua Bà-la-môn Candapradhyota. Vua này nghe danh Phật, sai Katyayana đi tìm và mời Phật đến thuyết Pháp tại Kinh đô Bà-la-môn. Nhưng Phật không đi được, Katyayana ở lại nghe Kinh, được Phật thuyết Pháp, rồi theo Phật, xin làm Đệ-tử. Trở thành Tăng-già, Phật sai ngài trở về kinh đô Bà-la-môn của Vua Candapradhyota để thay thế Phật mà truyền Đạo ở nơi đây. Ngài đem Phật-Pháp truyền khắp nơi, theo dọc sông Hằng-Hà, và lâu lâu về thăm Phật, học thêm Pháp, tu-luyện được thành A-la-Hán.

● Đệ-tử thứ 11 là **Subhuti**. Trong Kinh Đại-thừa *Bát-Nhã-Ba-La-Mật-Đa* (Prajnaparamita-sūtra), Đệ-tử A-la-Hán Subhuti thường hỏi Phật và được Phật dạy bảo rất nhiều về Pháp Bát-Nhã. Một lần, ngài ngồi tham thiền ngoài nắng, vua Bimbisara thấy vậy có hứa sẽ che cho ngài một cái chõ. Nhưng rồi Vua

quên lời hứa. Subhuti cứ ngồi ngoài nắng tham thiền. Vì vậy, Trời không mưa, mồ hôi ướt mình vị A-La-Hán. Do đó, mà trong xứ bị nạn nắng cháy cả mùa-màng cây cỏ. Thấy thế, nhà vua vội vàng làm một chõ lá, mời Đệ-tử Phật vào. Subhuti vừa vào dưới chõ lá ngồi tham thiền thì trời đổ mưa. Vua và dân chúng vui mừng không xiết, và từ đó tôn thờ A-La-Hán và theo Ngài vô số kẻ, được Ngài thuyết Pháp Pháp, và qui-y cho hàng vạn tín-đồ.

● Đệ-tử thứ 12 là **Devadatta** một nhân vật lạ lùng, một kẻ phản bội Phật, cũng giống như **Judas** một đệ-tử của Jesus Christ đã phản bội Chúa.

Devadatta là một người em họ của Đức Thích Ca Mâu Ni, cũng như Ananda. Ông cũng xin theo Phật và được làm Tỳ-kheo cùng một lúc với Ananda. Lúc đầu, Devadatta rất ngoan đạo, một vị Tăng-già kiêu-mẫu trung trực. Nhưng đến tuổi già, tự nhiên ông đổi tánh, trở nên ghen ghét Đức Phật và tìm cách sát hại Phật để thay thế vào địa vị. Như lai Giáo chủ. Quen thân với thái-tử Ajatasatru. Ông được mời làm quân sư cho Thái tử, và

PHONG-THỦ

Quảng **NEUROTONIC** *BỔ ỨC*
Tăng cường trí nhớ

575 BYT

chính ông xui Thái tử giết vua cha Bimbisara để chiếm ngôi. Đức Phật không rõ tội ác ấy, vẫn tin Devadatta là một đệ tử có bổ-đề tâm kiên cố. Lợi dụng lòng tin của Bần sư, Devadatta tìm cách xúi đức Phật trao cho ông quyền điều khiển Tăng-già. Đức Phật làm thinh không trả lời.

Thừa lúc Phật đi thuyết Pháp, Devadatta âm mưu với thái tử phân phụ Ajatasatru cho lính hầu núp chỗ vắng bắn cung tên vào Phật nhưng tự nhiên mũi tên rớt dưới chân Phật, không trúng ngài. Một lần khác, đức Phật đi ngang qua sườn núi. Devadatta núp trên ngọn núi xô hai tảng đá lớn xuống chỗ Phật đang đi nhưng tự nhiên sườn núi trôi lên hai y đất chặn hai tảng đá lại. Một lần nữa, Devadatta cho một con voi hung dữ và uống rượu say, nhảy tới giết Phật, nhưng đến trước Phật tự nhiên voi bị một quyền lực gì huyền bí chặn lại, voi sợ hoảng, quỳ xuống chân Phật để sám hối. Thấy các âm mưu tội ác đều thất bại, Devadatta xúi nhiều vị Tăng-già nổi loạn chống

lại Phật, nhưng không ai nghe theo, Devadatta phải đi xa. Một hôm hối hận, thương nhớ Phật, ông định trở về với Phật, nhưng dọc đường ông tắm trong một ao nước bỗng đứng dậy ao nứt ra, ông bị lọt xuống một thế giới âm ty, gọi là Avici, nơi ngục thất của những kẻ đại ác, những loài ma quái.

Bà Tú :

— Trời ơi, một người như ông Phật mà cũng có kẻ ganh ghét mưu toan sát hại? Có thể như thế được sao?

Ông Tú :

— Có thể lắm chứ. Cho nên trên đời này dù ai có tài, có đức thế mấy đi nữa, cũng có kẻ tiểu hơn ganh ghen, đố kỵ, tìm cách làm hại đủ cách, để thỏa lòng hiểm độc của họ. Họ là giòng dõi Devadatta của Đức Phật, và của đấng Christ đó.

● Đệ tử thứ 13, là Angulimala. Nếu có một vị Tăng-già trở nên kẻ tội ác mưu-mô hại Phật, thì trái lại, có một kẻ cướp, đầy tội-ác, sau ăn-năn theo Phật, trở thành bậc Tu-hành đạo-đức. Đó

là Angulimala. Tên cướp này thường « làm ăn » trong rừng Yalini, ở vùng Kosala, có thói ác là cướp của người ta rồi chặt mấy ngón tay của nạn nhân, xỏ thành một vòng đeo nơi cổ. Vua ra sắc-lệnh ai giết được hắn, đem thủ-cấp về sẽ được thưởng vàng bạc. Mẹ hắn nghe tin, vội vô rừng báo cho hắn biết để hắn đề phòng. Đã không biết tội-lỗi, hắn lại quen thói toan giết mẹ. Nhưng Đức Phật bỗng hiện ra, ngăn cản. Hắn toan giết luôn cả Phật, nhưng Phật dùng phép huyền-diệu khiến hắn hoảng sợ. Phật

thuyết Pháp cho hắn nghe. Từ đó hắn xin theo làm Đệ-tử Phật, và cạo đầu đi tu, vào giới Tỳ-kheo. Mặc dầu vậy, mỗi lần dân chúng thấy nhà Sư Angulimala ôm bát đi xin cơm họ không cho cơm mà còn lấy đá ném Sư, nhưng Sư cúi đầu niệm Kinh sám-hối. Sau chết rồi, được lên A-La-Hán...

Ông Tú mới kể đến đây, thì có khách đến chơi. Ông hẹn với Bà Tú hôm sau nói tiếp...

★ *Diệu - Huyền*

(kỳ sau hết)



★ **TRÊN TÀU HỎA**

Một ông sợ vợ, dẫn vợ và con đi từ Saigon lên Đàlat. Lúc xe qua hầm, bỗng có tiếng ối ối rồi sau đó, khi qua khỏi hầm, người ta thấy ông chồng ngồi nhẩn nhó.

Vợ. — chuyện gì thế mình?

Chồng. — Thế tôi cứ ngỡ mình véo tôi.

Cò khách bên cạnh. — Dạ chính tôi, vì ông nhà có bàn tay khéo thương a.

Vợ trừng mắt nhìn chồng, bỗng thằng con bảo :

— Bà ơi, hồi nãy còn thấy cô này có sợi dây lòng thông, con kéo mà sao cô lại véo ba. hờ ba ?

- Chồng vợ : ? ? ?

NEUROTONIC BỘ ÓC Tăng cường trí nhớ



tiễn bạn
Lê ngọc Chấn phu nhơn

● SONG THU

Bên đường tơ liễu hãy còn xanh
Trân trọng đưa nhau một đoãn-đình
Cứu quốc anh hùng tròn nhiệm vụ
Tùng phu liệt nữ vẹn kiên trinh
Giọt sương còn nặng tình lưu khứ
Tiếng sáo mong tàn cuộc chiến tranh
Giấc mộng hương quan mau thức tỉnh
Chén mừng sân đọi trước sân Quỳnh.

ly tan

* LÂM-MỘNG-OANH

Năm đây năm hôm rồi
Sầu lên nghe chơi vui
Ốm đau làm chuyễn nữa
Cho lòng tê tái thôi

Ước mơ tàn tạ cả
Ngày vui sớm đi qua
Lưng lưng tròn mắt ướt
Chuông chùa ngân xa xa

Mười-lăm (răm) mùa gió trắng
Sao lòng nghe giá băng ?
Bóng ai ngoài hiên vắng ?
Hồn ma gọi ta chẳng ?

Sương đêm mờ mịt lắm
Như đời ta : âm thầm
Áo trắng màu tang chế
Buồn lạnh đến ngàn năm

Gió ơi ! đừng khóc nữa
Sầu dằng tịt ngàn xưa
Tâm tư không vẹn hương
Đường mai nhiều gió mưa

Hồn ơi ! đau đớn rồi
Ly tan về trên môi
Nhìn nhau xa cách lắm
Ra đi là hết rồi.

SỰ MÂU THUẦN
GIỮA BẮC KINH VÀ
MẠC TƯ KHOA NGAY
TRONG THỜI
KỲ NGUYÊN THỦY

XÂY DỰNG
Ý THỨC HỆ
CHỦ NGHĨA
XÃ-HỘI

MỘT BÍ-MẬT NGẤM NGẦM CỦA LỊCH SỬ CẬN ĐẠI

ÍT CÓ
BÁO CHÍ
ĐÔNG TÂY ĐỀ
CẬP TỚI

THEO Học Thuyết Mác Xít thì thế gian đầy đầy những mâu thuẫn. Mâu thuẫn giữa các sự việc khác nhau. Mâu thuẫn giữa ý niệm này với ý niệm khác, lý tưởng này với lý tưởng khác rồi

★ *Nghiêm-Phú-Lưu*

đi tới mâu thuẫn giữa các giai cấp này và giai cấp kia diễn biến theo từng trào lưu tư tưởng của mọi thời đại.

Vì có mâu thuẫn nên mới có quan niệm đấu tranh cách mạng. Vì có đấu tranh cách mạng không ngừng nên mới có thắng lợi và tiến bộ.

★

Trong mấy năm nay các báo chí trên Thế Giới đã nói nhiều tới mâu thuẫn ý thức hệ hiện tại giữa Trung Cộng và Nga Sô, chung quanh chủ nghĩa xét lại hiện đại.

Song rất ít có báo chí biết rõ rằng trước khi có cuộc mâu thuẫn và tranh chấp công khai này thì, trong lịch sử cận đại bắt đầu từ năm 1920 trở đi, Nga Sô và Trung cộng đã ngấm ngấm có những mâu thuẫn trầm trọng trong mọi việc áp dụng những đề cương căn bản của chủ nghĩa Mác Xít trên bình diện

SỰ MÂU THUẦN

chống phong kiến quan liêu và tư bản bóc lột để xây dựng Chủ nghĩa Xã Hội trong khối 650 triệu người trên lục địa Trung-Hoa. Trong thời kỳ đó những danh từ về Chủ Nghĩa xét lại hiện đại, Chủ Nghĩa Cơ Hội tả khuynh hay hữu khuynh, Chủ Nghĩa Phiêu Lưu, Chủ Nghĩa giáo điều cùng Chủ Nghĩa Sô Vanh nước lớn đều chưa thấy xuất hiện hay nêu ra trong mọi mối tương quan giữa hai nước Cộng Sản Nga-Hoa.

Muốn tìm hiểu một cách sâu rộng và trên đủ mọi khía cạnh vụ tranh chấp hiện nay, nên đề cập tới vụ tranh chấp trong thời kỳ nguyên thủy xây dựng Chủ Nghĩa Mác Lê tại Trung Hoa Lục Địa.

Dưới đây là diễn biến tổng quát của những mâu thuẫn nguyên thủy đó.

Theo giáo-diều của Các-Mác thì thông thường tại mọi nước Cộng Sản đều có hai cuộc cách mạng Chủ Nghĩa Xã Hội

Cuộc Cách Mạng thứ nhất là cách mạng dân chủ dân tộc.

Cuộc cách mạng thứ hai là cách mạng xây dựng Chủ nghĩa xã hội.

Trong thời kỳ sơ khởi, khoảng năm 1920 cho tới năm 1949, thì tại Trung hoa lục địa, đầu tiên có

cuộc cách mạng dân chủ và dân tộc trước đã. Cách mạng dân chủ dân tộc là cách mạng chống ngoại xâm, cách mạng để đem lại nền độc lập dân tộc bằng cách dành lại chủ quyền, tự chủ cho đất nước.

I. — Một chút lịch sử cận đại

Nói tới Nga Sô người ta liên tưởng ngay tới cuộc thế chiến thứ nhất (1914 — 1918), cuộc cách mạng chủ nghĩa xã hội tháng 10 năm 1917 đạt tới vụ hạ sát gia đình Nga Hoàng rồi tới việc thành lập Liên Bang Sô viết năm 1922, và Thế Chiến thứ Hai (1939 — 1945).

Cuộc xây dựng Chủ Nghĩa Xã Hội tại Nga Sô là một công cuộc trường kỳ đấu tranh theo đuổi các chỉ tiêu vừa chống đối với những tàn tích phong kiến quan liêu của chế độ quân chủ cũ vừa đối chiếu với những lực lượng phản động kết hợp bên ngoài và cấu kết với nhau để cản trở việc tiến triển công cuộc phát triển tại Nga Sô.

Hai cuộc thế chiến thứ 1 và thứ 2 toàn thế đều chứa mui dùi sâu nhọn nhất, nguy hiểm nhất, vào đất nước Nga cả.

-- Còn Trung-Hoa?

Về Trung-Hoa, một nước đứng

hàng đầu trên Thế Giới về dân số và đứng hàng thứ 2 về diện tích, lịch sử cận đại đã bắt đầu từ cuộc khởi nghĩa thắng lợi của Cách Mạng 10-1911 tại Vũ Hán thủ đô tỉnh Hà Bắc ở ngay kề cận với Hán-khẩu nơi tập trung nhiều các cơ sở và tổ giới của ngoại quốc.

Cuộc thoả lại của Chánh Quyền phong kiến Mãn Thanh đã được ký kết ngày 12-2-1912.

Rồi tới thời kỳ của chánh quyền Viên thế Khải phản bội cách mạng, thời kỳ rối loạn Nam Bắc tiếp diễn mãi cho tới ngày 22-3-1927 là ngày quân đội Quốc Dân Đảng đã chiếm đóng được Nam Kinh, Thượng Hải, v.v...

Tôn Dật Tiên ở Nhật về đã mất ở Bắc Kinh từ ngày 12-3-1925.

Với việc khống chế được Bắc Kinh ngày 4-6-1928, chánh quyền Quốc Dân Đảng đã thống nhất tạm thời được hai miền Nam và Bắc của Trung Quốc.

Giai đoạn thứ 2 của lịch sử cận đại của Trung quốc đã được đánh dấu bằng tiếng súng nổ vang tại Lư Cầu Kiều (gần Bắc Kinh).

Tiếng súng này đã mở đầu cho việc quân Nhật tấn công Trung Hoa và cũng là tiếng súng thúc đẩy toàn thể quốc dân Trung Hoa

vùng lên kháng chiến chống Nhật xâm lăng áp bức.

Rồi cách 4 năm rưỡi sau, đúng ngày 7-12-1941 có cuộc quân đội Nhật tấn công Trân Châu Cảng, làm cho Hoa Kỳ phải dự chiến và đem lại biết bao nhiêu sóng gió cho khu vực Thái Bình Dương và Ấn Độ dương từ tháng 12-1941 cho tới tháng 8-1945.



Một sự việc chủ yếu.

Trước khi có cuộc tham dự chiến tranh của Hoa-Kỳ thì tại Á đông từ 7-6-1937 cho tới 7-12-41, riêng chỉ có Trung Hoa là kháng chiến với Nhật thôi. Trong bốn năm rưỡi đó, vì phải chống đối với một quân thù tàn bạo và đứng mạnh, có mưu toan nô dịch toàn thể Trung Hoa, nên muôn người như một, toàn thể các tầng lớp dân chúng bình dân Trung Hoa đã tự cảm thấy cần phải đoàn kết và nâng cao trình độ giác ngộ để anh dũng chống lại quân xâm lăng.

Là một nước có căn bản hoàn

toàn nông nghiệp, đại đa số dân chúng này là thành phần nông dân và một số công nhân.

II.— Sự tiến triển của chủ nghĩa xã hội tại Trung Hoa

Chính cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện chống Nhật xâm lăng này đã làm tăng cường dần dần thêm lên những lực lượng của các tầng lớp bình dân, nhất là lực lượng của Đảng Cộng Sản Trung-Hoa.

Đảng này đã được thiết lập và phát triển như thế nào trước sự truy kích hầu như liên tục của các nhóm Quốc Dân Đảng của Tôn Trung Sơn và Tưởng Giới Thạch.

Như đã ghi ở trên, tại Nga với cuộc cách mạng tháng 10-1917, chánh quyền dân chủ nhân dân đầu tiên đã được thiết lập theo các đề cương của Chủ nghĩa Cộng sản.

Tại Trung Hoa là nước từ nghìn xưa đã có nhiều lý thuyết triết học ngay từ năm 1860 và

1870 là năm phát khởi chủ thuyết Cộng Sản dựa vào những nhận xét căn bản về tình trạng kỹ nghệ và lao động tại tỉnh Munehester ở Anh, đã có một số học giả tại Trung Hoa khảo sát tới lý thuyết của Mác rồi.

Những cuộc tiếp xúc với Tây Phương về cuối thế kỷ 19 (Tôn Dật Tiên năm 14 tuổi đã sang Honolulu lần đầu vào năm 1879) một phong trào rộng lớn đã thúc đẩy các tầng lớp trí thức Trung Hoa tham khảo và tìm hiểu những học thuyết và tư tưởng mới của Tây Phương. Trong các lý thuyết này, vừa có cả những lý thuyết triết lý trừu tượng vừa có cả những triết lý khoa học dựa trên những căn bản vật chất phản ảnh và căn cứ vào thực tại của đời sống hàng ngày.

Theo các phong trào học hỏi này, bắt đầu từ năm 1916, tại Bắc Kinh đã có xuất bản một tập san Văn Học lấy lên là « Khoa học và Dân Chủ ». Tới năm 1919 thì tập san này đã khởi đăng rất nhiều bài về chủ nghĩa Mác Xi: Ang ghen và Lê-Nin.

PHONG-PHÚ

NEUROTONIC

BỔ ỨC

Tăng cường trí não

575 BYT 20-11-67

Rồi 2 năm sau, vào năm 1921, chính Ông chủ nhiệm tập san này đã thiết lập lần đầu tiên đảng Cộng Sản Trung Hoa trước sự thúc đẩy cuộc thắng lợi của cuộc Cách Mạng tháng 10 tại Sô Viết.

Thật ra tới năm 1927, khi có kế hoạch và đề cương của đảng Cộng sản Trung Hoa bắt đầu khởi sự cuộc võ trang đấu tranh với Quốc Dân Đảng thì Chủ nghĩa Mác Lê mới được đem ra tham khảo một cách rộng rãi tại mọi cấp bậc và tổ chức trung ương và địa phương của Đảng này nhất là về những hình thái và chủ trương cơ bản cần áp dụng riêng biệt cho Trung Quốc là một quốc gia hoàn toàn nông nghiệp, chứ không phải công nghiệp như khung cảnh vùng kỹ nghệ Manchester đã làm căn bản lý luận "người bóc lột người", và giai cấp đấu tranh đã ghi trong các sách của Các Mác.

Cũng như ở Nga, tại Trung-Hoa kể từ năm 1929, và nhất là trong khoảng 1935-1938 đã có nhiều cuộc tranh luận giữa các nhóm có những chủ trương và khuynh hướng khác nhau trong công cuộc áp dụng các lý thuyết trừu tượng của Mác, An-

Ghen dề xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong các vụ tranh chấp về ý thức hệ này, có ba khuynh hướng đã được nảy nở và phát triển tại Nga, mọi khuynh hướng đều có lý thuyết gia riêng biệt và đều thu hút được một số đảng viên cốt cán đảm nhiệm trách vụ và công tác tuyên truyền đề bênh vực quan điểm của mình.

Ba khuynh hướng đó là:

1. — Khuynh hướng theo sát mọi nguyên lý và giáo điều trung trực của Các Mác trong cuộc lý luận triết lý căn bản, trừu tượng cũng như việc áp dụng các chủ thuyết của Các Mác trong lãnh vực đấu tranh cách mạng, tổ chức chánh quyền nhân dân, loại trừ trường tồn các tàn tích phong kiến tư bản, xây dựng nền kinh tế chủ nghĩa xã hội thực sự v.v...

Đây là chủ thuyết và khuynh hướng của Lê Nin và đồ đệ của Lênine.

2. — Khuynh hướng thiên hữu hay là chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh của nhóm Boukharine phủ nhận mọi triết lý quá trừu tượng và chấp nhận mọi đường lối, mọi đề cương, mọi kế hoạch lấy nền cơ khí hay quan niệm vật chất

cơ khí làm căn bản hoạt động và phát triển.

3. — Khuynh hướng thứ ba là khuynh hướng cực đoan, hay là khuynh hướng « cơ hội tả/khuynh » thuộc nhóm Tô Rốt Ky qua lý thuyết quá mơ hồ, quá viễn vông, xa rời những sự kiện sinh tồn, xác thực, khó khăn quá máy móc hiện tại.

Từ năm 1920 cho đến năm 1935 — 1937 các chủ trương đấu tranh tư tưởng và áp dụng lý thuyết Mác Xít, Trung Hoa đều xoay quanh và tiến triển theo 3 chiều hướng kể trên.

Mãi tới năm 1938, tại Diên An mới thiết lập một hội các triết gia để tìm hiểu chủ nghĩa Các-Mác và đấu tranh theo các đề cương của Mác và của Lê Nin. Hội văn học này đã soạn thảo một tập san lấy tên là tập san « Văn Hóa ». Số đầu tập san này đã được xuất bản vào ngày 1-1-40 và đã mở đầu bằng một bài xã thuyết có chữ ký của Mao Trạch Đông.

Trong khoảng đó, tại Trùng

Khánh cũng có xuất bản một tập san tương tự lấy tên là « Lý thuyết và thực sự ». Tập san này còn tồn tại cho tới năm 1940 à năm toàn thắng của Đảng Cộng Sản Trung Hoa trên Lục Địa Trung Quốc. Một số tập san và cơ sở văn hóa tương tự khác cũng đã thiết lập tại Thượng Hải. Song cho tới 7-12-41 khi có cuộc chiến tranh ở Thái Bình Dương, sau đó có cuộc đổ bộ của Nhật ở Thượng Hải thì các tập san và cơ sở này đã bị quân đội Nhật phá hủy cả không còn nữa.

Đó là lược kê sơ qua sự tiến triển và xây dựng các tư tưởng Mác Xít tại Trung Hoa. Chính cuộc xây dựng và tiến triển này là một bằng cứ hùng hồn đã ghi rõ sự đối chiếu sâu sắc giữa Nga Sô và Trung Cộng trong thời kỳ nguyên thủy xây dựng cách mạng chủ nghĩa xã hội tại Trung Hoa từ năm 1920 tới ngày Xít Ta Lin từ trần (2-1953), trên lãnh vực lý thuyết tổng quát cũng như trên phương diện đấu tranh xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Đúng midol

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1350/B.Y.T./D.R.C.

Một nhận xét tiên quyết.

Tuy chống đối với Đế Quốc Tư Bản, thực dân mới hay cũ, song chính ngay trong giữa các nước xã hội chủ nghĩa với nhau chưa nói tới các nước tư sản khác thì việc tranh dành đất đai và ảnh hưởng bao giờ cũng vẫn còn là những mục tiêu chủ yếu của các kế hoạch đối ngoại. Lénine đã có tham vọng cộng sản hóa cả nhân loại. Muốn tiến tới chủ đích rộng lớn đó cần phải có cộng sản hóa Á Châu và Âu Châu trước đã. Mà muốn tiến tới việc thôn tính Âu Châu hay đất Âu Châu trong khu vực ảnh hưởng Nga Xô Viết thì phải bắt đầu khống chế được Trung Hoa, một nguồn nhân lực và tài lực vô tận quan trọng nhất Thế Giới. Vì vậy, Lê nin đã tuyên bố « con đường đi Ba Lê đoạn đầu phải chạy qua Bắc Kinh trước đã... »

Đề thi hành mưu toan rộng lớn này, ngay từ năm 1919, 1920 tức là sau 2, 3 năm có cuộc Cách Mạng tháng 10 thắng lợi, Nga Xô đã chia mũi rìu đấu tranh sang Trung Hoa và đã dồn dập gửi nhiều cán bộ tuyên truyền và các tài liệu học tập cùng các viện trợ tài chánh sang Trung Hoa.

Mục đích chủ yếu là thu hút cảm tình của các lực lượng xã hội chủ nghĩa mới trỗi dậy tại đây, rồi cố kiên trì tìm cách xen lẫn vào sự hướng dẫn mọi công cuộc tuyên truyền trong các tầng lớp dân chúng, theo các quan điểm của Nga Xô. Khi đã đột nhập vào các cơ sở tuyên truyền rồi thì dần dần sẽ nắm lấy vững vai trò chỉ đạo Đảng Cộng Sản tại Trung Quốc, một đảng mà ngay từ năm 1920, các lý thuyết gia của Nga đã dự đoán sẽ có nhiều khả năng phát triển rất nhanh vì :

1.— Dân số của Trung Hoa quan trọng nhất thế giới, và có cơ phát triển theo 1 tỷ lệ cũng quan trọng từ 2 cho tới 3% 1 năm.

2.— Cũng như một số các nước khác tại Á Đông bị ngập vùi vào vũng lầy nghèo khó, áp bức, dưới nanh vuốt của thực dân cấu kết với phong kiến, ích kỷ thối nát và tham những tay sai của ngoại bang. Trung Hoa đã có một hoàn cảnh thuận lợi nhất để làm tăng cường số người bất đắc chí, số người nghèo khó và số đảng viên C.S. lên do sự tăng cường liên tục của một số người chống đối với chánh quyền phong kiến, thối nát của Quốc dân Đảng hồi bấy giờ, trước tham vọng của đảng cộng sản Nga

so muốn nắm quyền kiểm soát và chỉ đạo. Đảng cộng sản Trung Quốc có thành tựu không ?

Đó là 1 cuộc chống đối và tranh chấp mãnh liệt giữa những cán bộ lãnh đạo của 2 đảng cộng sản Nga và Trung Hoa. Cuộc tranh chấp vừa ý thức hệ vừa về các đề cương và kế hoạch hoạt động này đã diễn ra một cách gay gắt, sôi nổi, rõ ràng tiềm tàng với âm ý không rõ rệt trong 40 năm liền, ngoài sự nhận xét phiến diện của các báo chí và học giả Tây Phương.

Các nhà học giả và báo chí này, vì không đi sâu vào vấn đề trên mọi bình diện và trong mọi khía cạnh, nên đã lầm tưởng rằng đảng cộng sản Trung Hoa vì ra đời sau nên đã lệ thuộc chặt chẽ vào quyền lãnh đạo của đảng cộng sản Nga Xô tức là đảng cộng sản khởi thủy của Lê Nin. Những diễn biến xảy ra trong 40 năm nay tại Trung Hoa đã chứng tỏ rằng Trung Cộng đã không theo một đường lối chung nào giống đường lối của cộng sản Nga cả.

III.— Mâu thuẫn ý thức hệ trong thời kỳ nguyên thủy

Tuy từ lúc khởi thủy cho tới 1959 xét về bề ngoài cuộc bang giao giữa phong trào C.S. Nga Hoa, không có diềm dị đồng nào quan trọng, song thật ra ngay từ năm 1921, 1922 trở đi, phong trào này đã đối chiếu nhau trong nhiều đề cương, ý niệm và lý thuyết căn bản trong các lãnh vực sau đây :

- xây dựng cơ cấu.
- tuyên truyền phát triển
- chỉ đạo nội bộ
- chỉ đạo tổng quát quốc tế.
- đấu tranh võ trang cách mạng.
- liên lạc quốc tế giữa các đảng anh em v.v..

Xây dựng cơ cấu và đấu tranh cách mạng : lấy nông thôn làm nòng cốt

Chủ Nghĩa Các Mác đã lấy sự phân tách khung cảnh và tình trạng nghèo khổ của giới công nhân thợ thuyền tại Manchester

PHONG-THÔNG

NEUROTONIC

BỔ ỨC
Tăng cường trí não

575 BYT 20-41-60

(nước Anh) về năm 1860 để làm căn bản nghiên cứu khảo luận và xuất phát mọi chủ đề lý thuyết và nguyên lý cơ bản.

Đề có thể nắm vững công cuộc chỉ đạo phong trào cộng sản tại Trung Hoa, và củng cố chủ tâm đề cho các cán bộ Nga Xô có thể dễ bề kiểm soát các tác phong và chiều hướng của các cán bộ Trung Hoa, các nhà lãnh đạo C.S Nga Xô đã khuyến cáo nhiều lần nên xây dựng Chủ Nghĩa C.S tại Trung Hoa dựa một trên lực lượng và hoạt động của công nhân và thợ thuyền tại các đô thị trước đã, phải lấy công nhân làm chủ động, lấy công nhân làm chủ lực và thành phần lãnh đạo và hoạt động cốt cán. Còn nông dân, vì trình độ giác ngộ và văn hóa tương đối còn sút kém, vì bản năng thường tiêu cực, nên chỉ động viên làm thành phần phụ lực mà thôi. Như thế, là lợi dụng theo đề cương ghi trong các giáo điều của Các Mác.

Các lý thuyết gia Trung Hoa thì lại có tư tưởng khác. Họ lý luận rằng khung cảnh xuất phát do Các Mác đã lựa chọn là một khung cảnh công nghiệp cao độ (vùng kỹ nghệ Anh Quốc). Còn trái lại, Trung Hoa lại là một nước nông nghiệp lạc hậu.

Tại đây, dân số chủ yếu không phải là công nhân mà là nông dân. Tuy những người nông dân này hiền lành, chất phác song họ đã bị địa chủ bóc lột và đã chịu đựng gian khổ rất nhiều, thành ra có trình độ giác ngộ chủ nghĩa xã hội, khá cao và mối căm thù truyền thống đối với tư bản địa chủ quan liêu phong kiến. Mối căm thù đó là nguyên động lực tranh đấu và có thể biến thành một sức mạnh quan trọng.

Mối căm thù của nông dân sẽ do đảng C.S. Trung-Hoa khai thác một cách toàn diện và triệt để thì chắc chắn sẽ dễ biến một tiềm năng mạnh mẽ, thúc đẩy mọi hành động tích cực, mọi cuộc đấu tranh cách mạng cũng theo phương thức đã ghi trong chủ nghĩa Mác Lê. Thật ra chính các lãnh tụ C.S. Trung Hoa, trong suốt thời kỳ nguyên thủ tới nay, đều đã mặc nhiên bác bỏ mọi lý luận và luận điệu của C.S. Nga-Sô để áp dụng lý luận thực tiễn của mình.

Và họ đã thành công sau khi đi tìm cách đặt mọi cơ sở tuyên truyền tại các vùng nông thôn, đặt mọi hệ thống tự vệ và đấu tranh kinh tài, tiếp tế, liên lạc, phát triển vào sâu các xóm làng để dễ bề tập hợp phân tán, vừa để chống

Nhật xâm lăng, chống Quốc Dân Đảng cấu kết với ngoại bang và... chống cả mọi dòm ngó của các cán bộ anh em Nga-Sô. Lúc đó, tại Nga-Sô, Nga đã truy kích 1 số nông dân thì tại Trung Hoa các lãnh tụ đó tìm cách thu hút mọi tầng lớp thôn quê đoàn kết để sát nhập vào một mặt trận duy nhất chống ngoại xâm và phong kiến.

Một sự việc khác quan trọng.

Trong khi C.S. Nga thấy không kiềm chế được C. S. Trung Hoa nên đã cử động cho C.S. Trung-Hoa hợp với Quốc Dân Đảng thì C.S. Trung Hoa đã bất chấp sự cớ vớ này và đã thiết lập 1 chính phủ của Nông dân tại Hà Nam để chống lại mọi chiến dịch đàn áp và mọi cuộc tấn công của các đạo quân Quốc Gia của Trương Giới Thạch.

Tới khi cuộc kháng chiến tại vùng thôn quê tỉnh Hà-Nam hầu như bất lợi và sắp bị tan rã thì trái với lời khuyến cáo của Nga Xô, muốn rằng các lãnh tụ C.S. Trung Hoa phân tán tạm thời để đột nhập vào chung quanh Thượng Hải và Quảng Châu, thì Hồng Quân lại không nghe như thế. Họ đã tự thiết lập lấy một kế hoạch sinh sống riêng biệt là tự rút lui theo

một con đường mòn nguy hiểm dài hơn 10.000 C.S. để đến trú ẩn trên một vùng dãy núi rừng bí hiểm tại Diên An sau khi đã vượt qua biết bao gian nan cơ cực.

Cuộc rút lui « vạn dặm » đầy chết chóc, đau thương, tang tóc đó đã được nhà văn, nhà báo các nước Tây Phương bình phẩm nhiều.

Trong những giai đoạn nguy nan của C.S. Trung Hoa, các lãnh tụ Nga Xô không những đã không giúp gì cả mà họ còn tìm cách liên lạc trực tiếp với Quốc Dân Đảng và điều đình với Nhật trên lưng C. S. Trung Hoa họ căm thù C.S Trung Hoa, vì đảng này không chịu để họ lãnh đạo và không chịu tuân theo các đề cương và ý niệm của Nga Xô.

Các nhà bình luận quốc tế đều công nhận rằng sự ủng hộ của Nga Xô đối với Trung Cộng chỉ là con số không hùng hồn không hơn không kém vì các quân trang, quân bị của Trung cộng tại các vùng thôn quê thì rất giản dị và thô sơ, đều do họ chế tạo hay biến chế lấy cả. Còn vũ khí đấu tranh thì không có vũ khí nào do Đảng C. S. Nga Xô tiếp tế mà chỉ có vũ khí cũ hoặc đã tước đoạt của quân đội Nhật, hoặc đã

SỰ MÂU THUẦN

tịch thân được của quân Quốc Dân Đảng trong lúc giao tranh thời.

Theo Nga Xô, phong trào C.S Thế giới chỉ có một đầu não, một bộ óc. Bộ óc chỉ đạo đó là Mạc Tư Khoa và Đảng C.S. Nga là đảng lãnh đạo. Còn các đảng khác chỉ là các đảng đàn em hay đảng « con cháu », tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh của Nga.

Các đảng C.S. Đông Âu đều chịu mệnh lệnh đó cả.

Duy còn Trung Hoa, thì Trung Hoa muốn rằng các đảng C.S. toàn thế đều bình đẳng cả và chỉ là anh em ngang với nhau thôi...

Mỗi tình đoàn kết thì tất nhiên phải có một cách vững chắc như một trục gang thép về



* Có nhiều người sẵn sàng chết cho lý tưởng... Nhưng nếu họ có sống, chưa chắc họ đã trung thành với lý tưởng ấy.

Bien des gens meurent volontiers pour un idéal auquel s'ils avaient vécu, ils ne seraient pas restés fidèles.

Maurice Donnay

ý thức hệ rồi. Song còn những phương châm, những kế hoạch hành động đề tự bảo vệ đề trường tồn và tăng cường mọi khả năng phát triển và tiến bộ theo tình trạng thiên nhiên hay những điều kiện xã hội chánh trị, kinh tế, văn hóa, kỹ thuật riêng biệt của mỗi nước thì những đường lối tranh đấu đó, phải do các đảng anh em, bất cứ đảng nào, cũng đều có quyền chọn lựa lấy theo tình trạng và hoàn cảnh của mỗi nước.

Chính những mâu thuẫn căn bản trong thời kỳ xây dựng nguyên thủy này, đã càng ngày càng đào sâu hố chia rẽ giữa 2 tập đoàn quan trọng nhất trong phong trào Cộng Sản Quốc Tế.



TRUYỆN NGẮN

* NHẤT - TUẦN

TÔI bỏ ngủ trưa, thức chờ Nga. Hẹn nhau đi chơi lúc này là thật sách lắm, và không mấy hứng thú; nhưng chẳng biết làm sao hơn! Mỗi lần ra khỏi nhà, trừ khi đi học là cả một vấn đề khó khăn đối với Nga. Ông chú kèm cặp từng ly, từng tí, mỗi chút sơ hở nhỏ nhất đều có thể mang đến cho nàng những trận la mắng, dẫn vật.

Có nhiều chuyện khe-khắt quá khiến Nga nghi ngờ... không biết ông chú thật tình tốt với nàng, hay muốn hành hạ để xứng với đồng tiền bát gạo mà ông đã bỏ ra nuôi Nga, trong lúc bơ vơ một mình tại đây. Đối với Nga, những giờ phút sung sướng nhất là lúc ở trường học, còn khi ở nhà làm bất cứ một cái gì theo ý mình, hay đi đâu...

nhật nhật đều phải có phép tắc của người nhớn. Vì vậy, những lần trước kia, khi hẹn đến nhà bạn chơi nàng phải thu xếp dọn cảnh từ ba, bốn ngày trước; và chỉ có một lúc thoát ra khỏi nhà êm thắm nhất, là lúc buổi trưa, ăn cơm xong cả nhà lên lầu đi nghỉ hết, một mình Nga ở trong phòng riêng. Nàng giả vờ đi ngủ sớm nhất, rồi từ từ trôn ra phía cổng sau.

Ba hôm liền, Nga đã lên đi chơi với tôi giữa lúc trời nắng chang chang như vậy. Hôm nay, nàng cũng hẹn tôi chờ ở nhà từ một tới hai giờ, nếu không thấy Nga lại... thì coi như cuộc đi chơi hủy bỏ.

Nhìn đồng hồ đã quá hai giờ lừ lúc nào, người tôi bỗng chồn như muốn điên lên. Tôi cứ ước mong, nếu không đi chơi được như những lần trước, Nga cũng vẫn đến, đến trong giây lát, để tôi có thể nhìn thấy nàng, cho vơi bớt nỗi sầu thương nhớ, ứ đọng trong lòng. Cuộc đời tôi bây giờ, chỉ có những giây phút sống bên Nga, mới là mộng tưởng, thần tiên. Tất cả những gì xảy ra đời với Nga, đều có liên quan đến

tôi; và tất cả nỗi vui buồn, hờn giận, trong cuộc sống của Nga, tôi đều chia sẻ...

Quá giờ hẹn đã mười lăm phút, nhưng tôi vẫn còn hy vọng Nga sẽ đến, đến để mang theo nụ cười tươi thắm, cái nhìn duyên nhớ sầu thương, và nguồn hạnh phúc tràn ngập mà Thượng đế đã dành cho mỗi mình tôi!

Đề nguyên cả giấy, và quần áo tôi nằm dài ra giường, chập chờn lúc tỉnh, lúc mơ, đầu óc quay cuồng, suy nghĩ. Thiếp đi một lát. Chợt khi tỉnh dậy, Nga đã ngồi cạnh từ bao giờ; nàng nép sát người vào thành giường, trông ngoan và nhỏ như một con mèo trắng. Đặt nhẹ bàn tay lên ngực tôi, Nga nói:

— Thấy anh ngủ ngon quá, em không muốn đánh thức nữa!

Đề mặc cho tâm hồn dạt dào trong tình yêu thương lúc bấy giờ, tôi nhìn Nga âu yếm:

— Nhưng... hơi buồn là anh đã... không được gặp em trong giấc mơ vừa rồi!

Nga cười chum chim:

— Em đang ngồi đây, thì làm sao anh thấy em ở trong mơ được nữa?

Kéo Nga nằm sát xuống, tôi trách:

— Em bắt anh... chờ lâu quá! Nga áp má lên môi tôi:

— Em đâu muốn thế... Hôm nay thứ bảy, ông Chủ cứ tra khảo mãi về bài vở ở trường. Tôi nâng cằm Nga lên, vừa đủ để mắt nàng chạm mắt tôi:

— Em về bảo... Ông chú coi chừng, có ngày anh...bắn đây.

Nàng vội bịt miệng tôi lại:

— Chết...anh đừng nói bậy chứ.

— Nói thật...

Nga phụng phịu:

— Anh nói bậy nữa..., em giận cho mà xem.

Tôi vội cười làm lạnh:

— Thề...thôi vậy, em chỉ được cái hay bắt nạt, dọa anh hoài....

Nga hôn nhẹ lên môi tôi, tình tứ:

— Anh bắt nạt...em thì có áy! Quàng hai tay ra phía sau, tôi ghi Nga thật chặt. Cảm giác đê mê, cuồng nhiệt mỗi khi da thịt chạm nhau, mỗi lần nàng quàng quai trườn người lên...cô thoát khỏi đôi vòng tay, làm cho mạch máu trong người tôi như muốn căng nứt, rồi tôi có cảm tưởng như sắp tắt thở vì sung sướng.

Nga vùng vẫy:

— Anh... anh Huân... chết em mất!

Tôi khẽ nói rộng tay, nói thật nhỏ vào tai nàng:

— Cho đáng với những lúc... phải chờ em gần muốn khóc!

Giọng Nga thều thào, yếu ớt:

— Thôi, em mệt lắm rồi, để em dậy đi anh.

— Dậy...đi chơi...nhé?

— Không được... em xin đi có nửa giờ mà!

— Thề thì... còn lâu..., anh mới để cho em về!

Nga lừ mắt, nhìn tôi:

— À...à...anh đừng có...chơi khôn nhé...

Rồi nàng hỏi lầy:

— Anh định tôi nay không đi chơi với em nữa hay sao đây?

Tôi mừng rỡ, ngồi bật dậy, hỏi dồn:

— Sao... sao? Tôi nay em đi chơi được ư?

Nga gật đầu, làm vẻ quan trọng, trêu tôi:

— Xin được phép rồi, nhưng chưa chắc em có đi không, vì sợ cái « bal » của con bạn hôm nay đông người quá!

Tôi vẫn giả-vờ như không biết Nga trêu:

— Thôi... nếu không đi « bal » thì chúng mình đi « Ciné », hay vào phòng trà cũng được!

Nga hỏi:

— Nhưng anh có bận việc gì không... đã chứ?

Khẽ cũng nhẹ lên đầu Nga, tôi cười:

— Bận vì... « con chó » này thôi, chứ còn việc gì mà bận nữa!

Nga đứng dậy:

— Nếu vậy... để em về bây giờ nhé?

— Một chút xíu nữa!

— Thôi... em phải về đúng giờ, kẻo bạn sau ông chú không tin... nguy lắm!

Tôi đành miễn cưỡng:

— Thê mà giờ đón em?

— Tám giờ rưỡi... tại nhà thờ Đức Bà?

— Sao không đón... ở gần nhà?

— Sở... giờ này tụi « nhóc » thường đi xem ciné, chúng nó nhìn thấy, về mách lại thì chết hết!

Đưa Nga ra tới cửa, nàng âu yếm hỏi tôi:

— Tôi nay, anh muốn em mặc áo đầm màu gì?

— Màu xanh... « carreau » nhỏ!

— Thôi... đi « bal » mặc áo đầm xanh nhà quê lắm, để em mặc đồ trắng cho... hách nhếch!

— Cũng được!

Nga đưa má cho tôi hôn và nói:

— Em về... anh nhớ tôi đón Nga nhé!

Tôi nhìn nàng say đắm:

— Anh nhớ rồi, nhưng em vẫn còn quên...

Nga hiểu ngay tôi muốn nói gì, nàng cười trớt môi:

— Anh là... chúa khôn, tham lam nữa!

Nói xong, Nga cúi xuống hôn thật nhanh lên má tôi, và chạy vội ra đường!

Chính vì sự thông - minh, chiều chuộng ấy, khiến tôi đã yêu nàng một cách say mê, tha thiết.

Tôi có cảm tưởng như lúc nào Nga cũng sẵn sàng hành động mọi chuyện theo ý muốn của tôi.



Nhưng bây giờ tất cả những hình ảnh đó đã chỉ còn là những kỷ niệm. Kỷ niệm buồn của một dĩ vãng đẹp trong quang ngày thơ dại, trong tình yêu ban đầu mà tôi đã sống với đầy đủ nỗi si cuồng. Có lẽ tôi không muốn nhớ, muốn

nhắc đến Nga, nhưng cứ mỗi lần hòa Phụng báo tin mùa Hạ tới lòng tôi lại dạt dào với bao nhiêu thương nhớ

Yêu Nga chưa tròn năm, Nga đi du học ở Mỹ. Xứ lạ quê người... xa nhau chưa đủ 3 tháng, những lá thư của mỗi tuần 2 chiếc đột nhiên chậm dứt. Một tuần rồi hai tuần. Một tháng rồi hai tháng... thư Nga không tới nữa. Năm ấy tôi hiểu là trong tình yêu của chúng tôi đã có một cái gì thay đổi. Những ngày du học bên Nhật của tôi vào mấy tháng sau, một mình tôi lặng lẽ sống với những kỷ vật Nga còn để lại. Tập Album nhiều ảnh, con búp bê nhỏ xinh, chiếc « médail d'amour » khắc trên nửa trái tim, bằng vàng một mặt đầu + một mặt đầu —

Tôi cũng không hỏi xem vì sao Nga bỏ tôi. Đàn bà... — bây giờ tôi mới biết — họ có bao giờ chung thủy? Tôi không giận chỉ thương và... nhớ nàng. Quả thật tôi vẫn còn yêu Nga...

Rồi những năm tháng qua đi, tôi vẫn không sao quên được buổi trưa mùa hạ Sài Gòn hôm đó tôi nằm chờ Nga đến. Hàng phượng nở bông đỏ chói, khoáng trời đầy mây trắng rục rờ ánh nắng hiện trên khuôn

cửa sổ căn phòng nhỏ trong doanh trại. Tiếng nói thủ thỉ tình tứ. Buổi trưa mùa hạ đó, tôi đâu có ngờ là lần cuối cùng với những giây phút mà chúng tôi được sống cho nhau.

Có lẽ tôi cũng đã trải qua một vài chuyện tình vụn vặt lãng nhãng, nhưng chẳng bao giờ tôi quên được Nga, cô gái học trò hồn nhiên ấy. Tôi không còn yêu ai như đã từng yêu Nga. Nhưng rồi những mùa Hạ cứ năm năm lại trở lại. Với hoa học trò đỏ chói. Với tiếng ve kêu râm ran giữa trời nắng gắt. Những mùa Phụng cứ đến mỗi năm, để tôi lại bất chợt có phút giây nào bỗng băng khuâng thần trí, tưởng như mùa hè năm xưa đang trở lại, khi Nga còn ở bên tôi, khi chúng tôi còn ở bên nhau với tình yêu thơ dại.

Đê rồi khi tan vỡ mộng, tôi lại lặng nhìn những bông mây giang hồ đang lang thang bay và lòng rưng rưng nhớ đến Nga bây giờ đang ở một phương trời rất xa. Nga ơi! không biết có bao giờ em nhớ lại mùa hè cuối cùng năm ấy?



CÔ HỒNG MINH

một thành
sư gần
và bào thù...

* Thái-Bạch

(tiếp theo P.T. 149)

THẤY Cô-hồng-Minh cho Âu châu là khôn nạn vì mắc bệnh kinh niên, Simone Téry có vẻ không vừa lòng. Nữ sĩ nói:

TRUNG HOA
TẬP ĐÁNH NHAU
ĐỂ CHỐNG VỚI
NGOẠI QUỐC
VÀ KHI
THỐNG NHẤT
THÌ
THIỆN HẠ
BIẾT TAY

— Ấy thế mà hiện nay Trung-hoa lại học đòi Âu châu và bắt chước Âu châu, mới thật là lạ thay! Như vậy, té ra Âu châu chẳng những đã không được Trung-hoa mở mang cho, dạy dỗ cho, mà trái lại còn biến người Trung-hoa thành những kẻ man rợ như chúng tôi nữa sao?...

Nghe hỏi vặn thế, Cô-hồng-Minh vẫn ngật ngưỡng ngồi trên ghế bành, không thay đổi thái độ, ông vừa cười vừa đáp:

— Không ngại gì, Trung-hoa lúc nào cũng là một nước kiên cô. Kiên cô lắm, không thế nào mà làm cho Trung-hoa rung chuyển được đâu.

CÔ HỒNG MINH

Bốn trăm triệu nhân dân, năm nghìn năm văn hiến, có quốc gia nào được kiên cô như vậy. Kiên cô lắm!...

Simone Téry nói:

— Thực trạng của Trung-hoa hiện nay đang rời rạc như ai cũng biết mà tiên sinh cho đó không phải là loạn, thì thật tôi không hiểu...

Ông giải thích:

— Vì đó chỉ là một thứ bệnh ngoài da, không đáng kể, Trung-hoa chúng tôi đã trải qua không biết bao nhiêu những thời kỳ rời rạc hơn nữa, mà cũng chẳng chết nào. Thật không có gì lo ngại cả. Chẳng những thế, mà sau mỗi cuộc rời rạc, Trung-hoa lại còn trẻ ra và còn mới ra nữa.

— Phải, trước kia, Trung-hoa không có những vũ khí tôi tân thì thế. Nay có rồi, tất cả những liên thanh, đại bác, những cách giết người kỳ diệu của Âu châu, cũng lại giết chóc nhau?

— Không phải. Ấy là hiện nay Trung-hoa tập đánh nhau cho quen để lấy kinh nghiệm chống lại những nước ngoài.

— Như vậy, tiên sinh không thể nhìn nhận những cuộc rời loạn ấy không làm cho

Trung-hoa suy yếu?

— Có thể nhìn nhận chứ, vì Trung-hoa dù cho có chết đến hàng mấy triệu cũng không đáng kể là thiệt hại. Trung-hoa có phải chết thế mà bị thiếu người đâu. Và lại đối với chúng tôi, chiến tranh còn là một cơ hội rất tốt để dạy tập quân sĩ. Tình hình hiện nay như cô thấy là người Trung-hoa tập đánh nhau đó. Khi tập giỏi rồi, Trung-hoa sẽ thông nhất, thông nhất rồi, thiên hạ sẽ biết tay Trung-hoa.

● Chúng tôi sẽ đánh Nga, sẽ cứu văn Âu châu, và dạy dỗ Âu châu...

Nghe cắt nghĩa, nữ sĩ Simone Téry thêm:

— Trung-hoa thông nhất rồi, sẽ cho binh sĩ về cày ruộng phải không?

Cô Hồng Minh trả lời:

— Đâu phải, chúng tôi sẽ đem đi đánh Nga để dẹp đảng quá khích. Thắng trận rồi chúng tôi sẽ đem văn minh Trung-hoa sang truyền bá Âu châu, để cứu văn Âu châu vì đến khi đó, Âu châu đã quá suy bại rồi.

— Trung-hoa cứu văn Âu châu bằng kế hoạch nào, thưa tiên sinh.

— Chúng tôi sẽ cứu vãn Âu châu bằng cách dạy cho người Âu châu những đức tính để làm một công dân cũng như dạy cho được biết thế nào là tinh thần cộng hòa chân chính chẳng những cứ nói ra miệng mà làm thì không đúng! Cái tinh thần ấy đã biểu hiện ở Trung hoa từ lâu. Vì thế ở Trung hoa không có sự phân giai cấp bằng giòng dõi, bằng địa vị, hay tiền bạc. Sang không kiêu, giàu không hợm, nghèo không Trên mọi địa hạt ai nấy đều bình đẳng, chẳng cứ riêng ở trước pháp luật. Chẳng hạn các con tôi đối với người vú già, đều gọi bằng dì, xem như là thân thuộc. khắp nước Trung hoa, nhà nào cũng thế. Ấy chính là tinh thần gia đình, tinh thần gia tộc, và là căn bản tự nhiên, là điều cốt yếu của bất cứ một xã hội nào, mà người Trung-hoa sẽ dạy cho người Âu châu đó...

*** Con gái tân thời là một họa lớn ở Âu châu — Cô phải lấy chồng, không thì Âu Mỹ sẽ thêm suy đồi và sẽ bị tiêu diệt**

Nghe Cô hồng Minh nói sẽ

dạy cho Âu châu về tinh thần gia đình và gia tộc, nữ sĩ Simone Téry chất vấn :

— Tiên sinh nói thế, vậy người Âu châu chúng tôi không có tinh thần gia tộc sao ?

Ông giải thích, và hỏi

— Không, tinh thần gia tộc là người nào đã ở vào địa vị mình rồi, cũng không bao giờ vượt ra khỏi. Thí dụ như cô, mà cô nay đã bao nhiêu tuổi rồi ?

Thầy Cô hồng Minh đã 71 tuổi, nên nữ sĩ nói thật số tuổi của mình ra. Nghe rồi ông lại hỏi :

— Thế chồng cô làm gì và hiện nay ở đâu ?

Nữ sĩ trả lời chưa. Ông tròn mắt lên sừng sốt nói :

— Trời ơi ! Cô chừng này tuổi mà chưa có chồng sao. Ấy chính đó mà các nước Âu Mỹ ngày một suy đồi và sẽ bị chết đó.

Ông vừa ngừng mặt lên trời vừa than, rồi lại hỏi nữ sĩ bằng một cách tình quái.

— Vậy vì lý do các cô không thích đàn ông, hay đàn ông không thích các cô ?..

Nữ sĩ Simone mặc cỡ, chưa kịp trả lời, ông đã trở lại

nghiêm trang, và thao thao cắt nghĩa :

Âu châu phải gấp rút vãn hồi cái gia đình La-mã chắc chắn mà đạo Thiên chúa giáo đã đặt ra để thay vào chế độ Hội xã thì mới được. Chứ như người con gái tân thời hiện nay quả là một họa lớn ở Âu châu. Họa lớn vì phá hoại gia đình và tiêu diệt nòi giống. Các cô không nên vịn vào cái khẩu hiệu « tôi đòi tự lập » nữa. Vì bao nhiêu đàn bà con gái mà thế cả thì bao nhiêu liên hệ đều đứt mà xã hội sẽ nghiêng ngửa, sẽ rối loạn. Ở nước Trung-hoa chúng tôi, đàn bà con gái biết nghe lời và biết tận tâm lắm. Khi đạo Phật tràn vào, họ là những người đạo đức quá, khiến đàn ông nhiều lúc phải tới những lầu cao viện hát với những ca nữ xinh đẹp. Tuy nhiên, họ thật là hoàn toàn, hoàn toàn chỉ sống vì chồng, vì gia đình.

Họ rất bằng lòng cho chồng lấy vợ lẽ, bất kể là đã có con, hay là bị hiềm con. Chả thế mà người vợ thứ hai của tôi, trước khi nhắm mắt đã than thở với tôi : « Em mất rồi thì

lấy ai để trông nom nhà cửa và săn sóc cho mình ». Than rồi, nàng mai mối cho tôi, người con gái của cô bạn thân nàng. Thế là trước khi góa vợ, tôi lại được thành một vị hôn phu nữa.

Cuộc diện kiến đến đây, nữ sĩ Simone Téry cáo từ. Nữ sĩ nghĩ, hèn chi mà người đàn ông Trung-hoa rất yêu người đàn bà Trung-hoa, nhưng không biết, trái lại người đàn bà Trung-hoa có yêu người đàn ông Trung-hoa không ? Cô hồng Minh đứng dậy, đưa chân nữ sĩ ra đến cổng. Ông tươi cười vái chào nữ sĩ và nhắc đi nhắc lại :

— Cô về lấy chồng nhé ! Các cô nên nhớ lời tôi, phải lấy chồng. Không thì Âu châu sẽ chẳng còn nữa đâu !

● Chúng ta muốn dạy cho nước người, nay được người nước ấy dạy cho cũng đáng

Cuộc diện kiến trên, sau đó được nữ sĩ Simone Téry ghi lại trong tập Fièvre jaune, (Tinh cảm kích của người da vàng).

Thật là những lời như châm chọc vào lòng. Nhưng vì cách

ăn nói của ông có vẻ phong nhã và lịch sự, nên nữ sĩ Simone Téry chẳng những đã thích nghe, đã không mất lòng mà còn khen ông là người đã sống nhiều năm bên Âu châu, nên tính tình thẳng thắn, nghĩ sao nói vậy, không e ngại dẫu điếm gì cả. Nữ sĩ kết luận :

— Những lời Cô - hồng - Minh nói là những lời đại biểu cho số đông người Trung-hoa vốn chẳng phục Âu châu, nhưng vì lẽ độ chẳng nói ra, khiến người Âu châu cứ lầm tưởng hết thầy Đông-phương đã phục mình như thánh. Nay những điều ông nói đã làm chúng ta hiểu rõ Trung-hoa và hiểu rõ thêm cả Âu châu mình nữa. Chúng ta có cái tự cao muốn dạy cho một nước văn minh cổ nhất trên quả đất, nay trái lại được người ấy dạy lại cho những bài học của họ, thì kẻ cũng đáng và cũng công bình lắm.

★ Hấp thụ Tây-học, nhưng vẫn sống theo nề nếp cổ Trung hoa

Là một người hấp thụ Tây học, lại có những ý kiến như trên về sự so sánh giữa hai

nền văn minh Âu Á, chẳng phải là người kỳ lạ sao. Song kỳ lạ hơn là ông còn thực hành chó không như những kẻ «chỉ nghe tôi nói đừng bắt chước tôi làm». Chẳng thế mà nhà ông ở từ kiến trúc đến trang hoàng đều hoàn toàn Trung-hoa. Suốt đời lúc nào ông cũng để đuôi sam, cũng mặc bộ quốc phục Trung-hoa.

Và cũng chính vì chỗ tán thành chế độ đa thê, nên ông đã lấy một thiếu nữ Phú-tang là Cát - diễm - Trinh - Từ làm thiếp.

Thầy ông để đuôi sam, kiên quyết không chịu theo phong trào «cắt ngắn», có người hỏi lý do, ông trả lời:

— Để đuôi sam cũng không khác nào đeo cà vạt. Cà vạt của các ông đeo đằng trước, còn của tôi, tôi bỏ ra sau.

★ Một thánh sư gàn và bảo thủ

Ấy ông trung thành tuyệt đối với văn minh của tổ quốc ông vậy. Nhưng ông chỉ được sự ngưỡng mộ của một số thượng lưu trí thức ở Tây phương mà thôi. Còn đối với người Trung-hoa thì trái lại, nhất là giới

thanh niên. Giới này hầu như toàn thê đều không phục vì ông là người số một đã chống lại tư trào tân tiến của họ.

Có người cho ông là một vị thánh sư gàn và bảo thủ.

Có người phê bình : « Ông là một tay thẳng tính, nhưng gàn và lập dị, nên suốt đời, bao giờ cũng thầy khác mọi người. Cái mọi người ưa thì ông ghét, cái mọi người ghét thì ông ưa. Giá phải mọi người Trung hoa để đuôi sam và mặc quốc phục hết thì người đầu tiên hớt tóc, mặc tây là Cô Hồng Minh vậy.»

Lại có người cười ông là khờ dại, là trung với Mãn Thanh mặc dù ông đã thanh minh rằng mình chỉ trung thành với học thuyết Khổng Mạnh, tức chính giáo của Trung hoa và tức cũng là văn minh Trung hoa.

Kẻ viết bài này, có lần nói chuyện về ông với anh Trương Minh, một ký giả Trung-hoa, đã sống lâu năm ở Sài-gòn. Anh này cũng đã tỏ cảm tưởng :

— Chúng tôi phục ông thì có phục, vì chúng tôi không thể nào làm được như ông. Song ông học giỏi quá thành gàn và tôi thành lười...

Mặc dù là đồng ý, nhưng tôi

còn hỏi thêm :

— Thế các anh không chịu có một người trung thành với văn minh của tổ quốc thê ư ?...

— Trung thành phải thê nào ? Anh Trương Minh trả lời : Các anh, những người Việt nam có thể khâm phục được những ông bà cho đến ngày nay còn nhuộm răng đen để bới tóc và cho chỉ có chữ Nho mới là chữ ông thánh, mới là nên học thôi. Các anh hẳn là phải cười những ông bà như vậy. Tuy thê cũng còn khá, vì nếu đem so với Cô-hồng-Minh của nước tôi, thì các ông bà ấy chỉ là những tay học trò mới vỡ lòng mà thôi.

★

● Ảnh hưởng của Cô-hồng - Minh trên lãnh thổ Trung-Hoa

Căn cứ vào những cái trên kia, chúng ta đủ biết Cô hồng Minh là một người Tây học giỏi đến bậc nào và trung thành đến bậc nào với những cái cô hữu của con cháu Thần Nông, Hoàng-Đê. Cứ khách quan mà xét, chúng ta phải kính phục cái tinh thần dân

tộc ấy của ông. Nhưng ông đã đi tới thái quá, thành ra đã phản lại tác dụng, khiến cho Trung-hoa trước đây, đã có một số người theo ông, mà nảy ra một phong trào « bảo vệ quốc túy », cản trở cho mức tiến của dân tộc không nhỏ. Họ hô hào cổ động phong trào ấy trên mây năm liền từ những chuyện tiếp xúc hàng ngày đến cả trên văn đàn báo giới. Có người chống lại như nhóm Khang-hữu-Vi, Đàm tự-Đông, Lương-khải-Siêu bằng thuyết Tân-dân, và bằng những ý kiến « nêu xưa mà đáng chuộng thì hà tất phải làm người đời nay ».

Song không đem lại kết quả gì, mặc dù người ta đã thấy rõ những cái quốc túy của mình để ra đề kêu gọi bảo tồn đã không thể nào giữ nổi cho nước Trung-hoa khỏi bị các cường quốc khi thị. Học thuyết của Khổng Mạnh cũng như của Lão, Trang, Dương, Mặc và Bách-gia chu-từ, hết thấy đều không thể nào làm cho người

Trung-hoa tìm ra đường lối để giữ nước Trung-hoa, ngăn cuộc tràn vào của Anh, Pháp liên quân và Bát quốc liên quân.

Nhưng cũng may thay là sau đó, phong trào ấy bị cuộc « Tân văn hóa vận động » đánh tan. Trong cuộc này phải nói nhà văn Lỗ Tấn là người đã đưa ra một ý kiến mới nhất, và cũng là mạnh nhất để giải quyết vấn đề. Ông không nói nhiều, nhưng đã làm cho các tay cừ khôi của phong trào đổi lập như không còn chỗ đất nào để mà dụng võ được. Dưới dấu bài « Bảo tồn quốc túy » đăng trên tạp chí Tân-thanh-niên, nhà văn họ Lỗ viết :

— Những người chủ trương « bảo vệ quốc túy » hiện nay có thể chia làm hai hạng : hạng chí sĩ ái-quốc và hạng các quan to đã từng đi ngoại quốc trở về. Mỗi hạng ở trong đều có một ý riêng. Hạng trước thì muốn làm cho sáng

lại những cái đã có của dân tộc, hạng sau thì muốn bảo các con em du học hãy giữ cái đuôi sam.

Vấn đề này xuất hiện ở Trung-hoa từ cuối đời Mãn-Thanh, đến nay Dân quốc thành lập rồi, dĩ nhiên không còn. Ấy thế mà giờ đây vẫn còn có kẻ hô hào. Không hiểu họ muốn gì, chứ thực ra nói « bảo tồn quốc túy », tôi cũng không hiểu nghĩa chính nó thế nào.

Cắt nghĩa theo mặt chữ thì quốc túy là cái riêng của một nước, tức cái đặc biệt, mà đã đặc biệt, lẽ tất nhiên là hay, mà đã hay có sao lại phải bảo tồn nữa. Thí dụ một người nào đó, mặt đã dài thông, lại có một nốt ruồi to, và một cục bướu ở ngay trán, thì đó là người ấy rõ ràng đã có cái riêng, là đặc biệt, và chính cũng là đã có cái túy vậy. Song cứ như ý riêng của tôi thì chẳng bằng đem cắt hẳn cái túy đó đi.

Có người bảo « quốc túy » của Trung-hoa chẳng những đã đặc biệt mà còn hay lắm nữa. Nhưng sao có « quốc túy » như vậy, mà mọi người may từ cũ đến mới đều phải

than thở, phải lắc đầu cho cái tình trạng của Trung-hoa.

Có người nhận xét, vì không bảo tồn quốc túy cũng như đã mở rộng hải cảng, nên mới sinh ra tình trạng ấy. Nhưng trước đó cả nước đều là quốc túy và đều là hay mà. Vậy sao từ Xuân-thu, Chiền-quốc, đến Ngũ-hổ, Thập-lục-quốc, trải bao thời đại, người xưa cũng vẫn cứ phải lắc đầu vì nước Trung-hoa cứ liên-liên rồi loạn.



Có người bênh vực nói : Tại lý do không biết theo cái đạo của Thành-Thang, Văn-Vương, Vũ-vương và Thu-Công. Nhưng sao ở thời các vị thánh nhân này, trước đã nảy sinh ra những kẻ bạo tàn như Kiệt, Trụ, dữ dội như giặc Ân, rồi tới đời Xuân-thu, Chiền-quốc, Ngũ-hổ, Thập-lục-quốc, thiên hạ lại ngày càng rồi loạn, khiến cho người xưa lại vẫn phải than thở lắc đầu ?

NEUROTONIC BỘ OC
 Tăng cường trí nhớ
 575 307 24-11-63

Nhân nói vấn đề này, tôi nhớ một ông bạn thường nói : «Người ta kêu gọi chúng ta phải bảo tồn quốc túy, song quốc túy phải bảo tồn chúng ta trước đã».

Chí lý thay. Bốn chữ « bảo tồn chúng ta » là cái nghĩa đầu tiên đó. Cho nên chúng ta không cần biết những cái cô hữu có phải là quốc túy hay không, mà chỉ cần những gì có thể bảo tồn được Trung hoa này thôi.

★

Ấy cái ảnh hưởng về sự bảo thủ của Cô hồng Minh đã đem lại nhiều cái bất lợi cho Trung hoa thế đó. Cho nên, nhận xét về ông, chúng ta có thể nói ông là một người học giả có tinh thần yêu nước, song từ tác phong đến hành động đều kẻ như hoàn toàn sai lạc.

Mới đây, nghe đâu có một nhà học giả đã tán tụng hết sức về ông, cho ông là một bậc vĩ nhân, vì ông là người đã làm cho hầu hết các thức

già Âu Mỹ phải phục và đem lòng ngưỡng mộ

Riêng tôi, tôi cũng đồng ý rằng Cô-hồng-Minh là người đã được Tây-phương khen ngợi đó. Nhưng phải xét xem trong cái khen ngợi ấy, có ẩn ý gì không ? Phải họ khen ông ở cái điểm trung thành với Tổ quốc như trên, ở cái điểm dám đá kích Âu châu, mặc dù những câu ông nói để bênh vực chỉ là những ngụy biện của kẻ đứng trên quan điểm một quốc gia hẹp hòi.

Than ôi ! Các người Âu Mỹ đem lòng ngưỡng mộ ông, ông giỏi thật. Nhưng rất may, trong cái khỏi dân số khổng lồ của đất nước Trung-hoa lại chẳng có mấy ai về hứa với ông, hay tin ông tất cả, nên nước Trung-hoa ngày nay mới còn là nước Trung-hoa vậy. Và đây cũng là một bài học cho những hạng trí thức đã lỗi thời rồi mà không tự xét, của nhiều quốc gia đương kim trong thế giới này.

● ★

cho thuê

● THÙY-DƯƠNG-TỬ

cho thuê giấc ngủ về đời
 về con sông lạnh nghe lời chua cay
 cho thuê giấc ngủ một ngày
 một năm một tháng một tay độc hành
 cho thuê trí óc còn xanh
 với thân vùi dập trăm lần đứng lên
 cho thuê thân mới giường êm
 tình không trao hết xin em đừng phiền
 cho thuê một giấc mộng miền
 để huê thân phận hai miền nghe em
 cho thuê ngày tháng tình lên
 bán thân không vốn, bán mềm xương da
 cho thuê giấc ngủ quan hà
 dù tình không đậu, dù ta không về
 cho thuê giấc ngủ còn mê
 gửi em em nhận dùm quê hương mình !

Dũng midol trị các chứng đau nhức
 và cảm cúm
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TAY
 1360/BY.T/ĐDCC



ĐÔI MẮT BÈ DÀU

Truyện ngắn : MẶC-TUỞNG

DƯỚI ánh đèn màu sắc mờ ảo, huyền hoặc — thứ màu sắc hư hư thực thực đầy sức quyến rũ lôi cuốn — Căn phòng của Dung khá rộng, trang trí theo kiểu tân thời, trên tầng lầu thứ nhứt của một khách sạn tương đối sang trọng. Bộ salon đặt giữa phòng. Phía trong đặt chiếc giường nệm, tủ áo bên cạnh tủ sơn nhỏ và một chiếc ghế ngả lưng. Chiếc tủ lạnh đặt gần cửa sổ cũng ở phía trong. Ánh sáng trong phòng giống thứ ánh sáng của những hộp đêm. Dưới ánh sáng đó có thể làm cho con người cuồng si điên dại, dễ người ta dễ che dấu khuôn mặt thật, tro trên, dễ lừa thế mà «thịt» nhau một cách ngang nhiên. Với không khí mờ mờ ảo ảo, những bộ mặt phấn son nhớp nhúa biến thành những dung nhan tuyệt trần, hấp dẫn đến đôi người ta có thể nhắm mắt lao vào dục vọng như con thiêu thân lao

ĐÔI MẮT BÈ DÀU

vào lửa. Dưới ánh đèn màu, những tiếng la hét, nói cười vô nghĩa, những tiếng khua động bàn ghế ly chai kéo khua lại trở thành một thứ nhạc điệu thần tiên êm dịu, như những bản tango bất tử của những nhạc gia trứ danh trên thế giới.

Dung đang ngồi đối diện với Thanh ở ghế salon, hai người có vẻ trầm lặng. Hình ảnh Dung mang vẻ đẹp khắc khổ trên gương mặt đã từng chịu đựng cay cực đầy vò, đôi mắt đen lánh và sâu, nụ cười chua chát cảm động. Nàng mặc bộ đồ ngủ hở cò, rộng, bằng một thứ hàng mỏng để lộ da thịt trắng ngà. Mái tóc buông dài làm bối rối người nhìn ngắm, nhất là người nhìn ngắm lại là thi sĩ. Nàng nhìn Thanh đang bật diêm đốt thuốc.

— Từ lúc anh trốn tàu bỏ đi cũng là lúc em bắt đầu cuộc sống mà bây giờ em vẫn còn kéo dài như anh thấy đây. Anh bỏ đi, em không hay biết gì, nhưng em có được tin anh trở lại thành phố này hơn năm rồi. Em cố dò hỏi bè bạn anh, nhưng không ai gặp anh, cũng không biết địa chỉ của anh cả.

— Em tìm anh làm gì ?

— Báo cho anh biết là bác Hai đã chết vì một bàn tay bí mật. Gia đình anh hiện giờ không còn người nào ở đó. Các anh chị mỗi người một ngã. Nghe nói anh Ba đã tử trận, còn những người kia không biết có còn sống sót hay không, em chẳng được tin tức gì. Có điều chắc chắn là họ đã đi rất xa.

— Em khỏi mất công nghĩ đến vấn đề đó, một sự việc tất nhiên, đã rồi. Có điều đáng tiếc là sự ra đi của anh quá vô lý, gần như một hành động trốn tránh. Nếu anh không bỏ đi thì có thể, hoàn cảnh khác đi nhiều. Nhưng thôi, tất cả đều vô ích. Điều đáng kể là chúng ta còn sống và hiện tại đang ngồi đây, dưới ánh đèn màu này. Và chính vì vậy mà anh đến tìm em, để giải thoát cho em và cả anh nữa.

— Sự thật em không muốn nghĩ gì hết. Nhưng không hiểu tại sao có đôi khi em rất khổ vì những người chết, những người bỏ đi...

— Tại vì chúng ta đang sống dưới ánh đèn màu, chúng ta chưa giải thoát được cho chính chúng ta, vì vậy mà muốn nghĩ đến những

ĐÔI MẮT BÈ DẦU

kẻ khác và muốn giải thoát những kẻ khác, dù không biết bao giờ chúng ta đạt được kết quả mong muốn.

— Ánh đèn màu ! Giải thoát ! Sao anh nhắc đến những thứ đó luôn. Ích gì ?

— Tất cả vấn đề rắc rối là ở đó.

— Em không hiểu gì hết.

— Có gì đâu, chỉ cần một chút can đảm để nhìn thẳng vào mặt em, vào mặt anh...

— Em đã mất can đảm từ lâu rồi, nhiều lần em định tự-tử.

— Em lầm. Chính sự chết còn cần can đảm nhiều hơn sự sống. Tự chọn cái chết đâu phải dễ.

— Em đã chịu đựng nhiều, anh đừng buộc em điều gì thêm nữa.

— Anh có buộc em gì đâu. Anh nói thế là muốn em hoàn toàn tự do lựa chọn.

— Anh muốn em lựa chọn thế nào ?

— Đúng là em không còn bình tĩnh để lựa chọn. Thế này, nếu em không đủ can đảm để chết thì phải đủ can đảm để sống. Có vậy thôi !

Bồng có tiếng gõ cửa. Đó là một người da trắng cao lớn, ăn mặc xốc xếch, hần đã say, Hần muốn bước vào nhưng nhìn thấy Thanh đang ngồi với Dung nên hần dừng lại. Dung ngược nhìn hần rồi quay lại nhìn Thanh. Thanh dơ tay ra dấu không cho hần vào. Mắt nhìn thẳng vào Dung :

— Em ra bảo hần đi khỏi chỗ này ngay.

— Anh không nghĩ, đó là nguồn sống và cũng là niềm an ủi của em lâu nay sao ?

— Nguồn sống ! Niềm an ủi ! Thật khốn nạn vô cùng ! Em ra bảo hần đừng bao giờ đến đây nữa. Em không thể khóa lấp những khoảng trống bằng sự vá vúi phù du được.

— Nhưng ..

— Không nhưng gì hết. Em phải nhìn sự thật.

— Vâng !

Dung như điên dại, đi thật nhanh ra đóng xăm cánh cửa lại,

ĐÔI MẮT BÈ DẦU

không nói một lời gì. Người đàn ông gõ cửa này giờ, có vẻ bức tức dữ dội. Hần rút điều thuốc xuống thang lầu với bộ mặt hăm hừ.

Dung trở lại, ngã mình vào thành ghế với dáng điệu uể oải khó chịu, Thanh vẫn giữ thái độ bình tĩnh.

— Vậy là em đủ can đảm sống rồi đấy. Anh cũng biết em không thích cuộc sống này, nhưng em không thể nào làm khác hơn được vì lý do này hoặc lý do khác. Điều khốn nạn là thế. Mình không thích, không muốn mà vẫn phải làm, vẫn phải nhận chịu một cách hết sức ngoan ngoãn và trung thành...

Bồng Dung đứng dậy, bước tới ôm choàng Thanh, như đôi tình nhân bị lưu đày lâu ngày còn sống sót và trở về gặp lại. Dung nhắm nghiền đôi mắt đầy nước, áp đầu vào ngực Thanh. Nàng nở như mê man :

— Anh ở đây vĩnh viễn với em. Đừng bỏ em đi nữa.

— Anh sẽ ở đây với em, với tư cách một người anh họ và cương vị của anh, cũng không thể đi xa hơn nữa, chúng ta vẫn còn bị thứ luân lý ràng buộc.

Tư cách ! cương vị ! luân lý ! câu đó anh đã nói với em một lần trước khi anh bỏ đi. Cho đến chết em không bao giờ quên được câu đó. Anh quên là chính nó đã gây cảnh dầu bè cho anh cho em rồi à ? Bây giờ anh còn nhắc thêm một lần nữa... Anh đã bỏ em, bỏ tất cả những người thân yêu khác, trốn đi một mình đến một miền xa, để giữ một thứ luân lý, một thứ cương vị, một thứ tư cách đó, và chạy trốn một sự thật mà đáng lẽ anh phải chấp nhận... Tại sao hồi đó anh yêu em mà anh không dám nói, cũng như em đã yêu anh trong sự thầm lặng. Nhưng em là con gái, anh phải chủ động mới phải chứ. Giá như hồi đó chúng ta dám nhìn sự thật thì anh đâu bị mất tất cả, em đâu đến nỗi này. Chịu đựng sự dầy vò nhỏ, để khỏi một cuộc bè dầu lớn có hơn không.

— Hồi đó thì anh không thể nào dám nhìn một sự thật như vậy.

— Thế bây giờ ?

— Bây giờ thì anh...

— Cũng không đủ can đảm chứ gì ?

— Không, anh chỉ đủ can đảm.

— Chỉ có cách đó mới giải thoát được cho em cho anh.
 — Như vậy thì cuộc sống này có một sự bắt buộc lẫn nhau, hơn là một sự lựa chọn tự do. Chúng ta đều lần thân cả em ạ!

— Thôi anh đừng nói thêm gì nữa. Anh hãy hôn em đi. Hôn em bằng một tình thương nồng nàn nhất. Em khao khát điều đó lắm. Thời gian qua, nhiều kẻ đã hôn em, đã bừa bãi trên thân thể em, nhưng em không nghe một rung động chân thành, không tìm thấy một tình thương nồng nàn là gì. Chỉ có một thứ thỏa mãn nhục dục trong giây lát, và sau đó, em nghe một sự khốn nạn đau khổ cùng độ. Điều khốn nạn nữa là trong khi nằm với một kẻ xa lạ, chưa nói một lời gì thông cảm, chưa làm một cử chỉ gì khả dĩ để có thể mến được hẳn. Thế mà em vẫn phải tỏ ra thân mật, chịu chuộng, nằm mơ trốn với hẳn. Nhiều lúc nghĩ suy đến sự phi lý bỗng đôi mắt em mờ đi, nước mắt em đã đầy từ lúc nào em không hay. Trong khi em cố tưởng tượng kẻ xa lạ nằm bên em là anh. Nhưng làm sao được! Có kẻ đã man đến đôi, thấy em khóc hẳn hỏi: «Sung sướng thế này còn đòi gì nữa mà khóc?» Thật là khốn nạn, những kẻ chưa từng chịu đau khổ nên họ mới dám đi bừa trên sự đau khổ của kẻ khác! Em cũng nghĩ là lúc anh nằm bên một người con gái khác, chắc anh vẫn tưởng tới em. Và chắc anh cũng đã từng gặp những kẻ nằm chung với anh mà khóc như em. Nhưng có điều em tin tưởng là không bao giờ anh dám đi bừa trên sự đau khổ của họ. Anh không thể cười đã man khi họ khóc.

Thanh ôm sát Dung vào lòng. Nàng ngửa mặt ra để Thanh hôn lên đôi mắt, bề dầu đầy nước. Nàng vòng tay sau lưng Thanh như cố bám lấy một thứ vĩnh viễn cần thiết cho sự sống mà nàng không thể tìm đâu được, nếu bị cướp đi. Thanh bế nàng đặt lên giường. Ánh sáng trong phòng xảm lại, không còn nhìn thấy rõ những vật chung quanh.

Họ thức giấc lúc trời vừa hừng sáng. Thường thì nàng thức dậy rất trễ. Từ hơn năm năm qua, nàng chưa bao giờ có dịp nhìn ngắm buổi bình minh đẹp như hôm nay. Nàng cảm thấy cuộc đời sung sướng vô cùng. Niềm tin đã trở lại cuộc đời họ. Họ không cần biết những cơn sóng gió có thể đến với họ bất cứ lúc nào. Họ đi nhau xuống phố thật sớm. Có ai biết được họ vừa trải qua một cơn đau bề vô lường?

NƯỚC
H O A

VÀ
NGƯỜI

Đ À N
B À...



* Minh-Đức

N GƯỜI đàn bà vẫn yêu những lọ nước hoa, dù có lắm khi không dùng đến, có phải là tại nghe nói rằng mùi hương thường gọi lại nhiều kỷ niệm hơn là một thứ gì khác chăng? Chẳng thể mà từ thời nào đến bây giờ nghệ thuật làm nước hoa đã được nghiên cứu rất kỹ. Mỗi một người đàn bà giàu sang đều muốn tạo cho mình một mùi

hương đặc biệt, do đó họ đã đến các hãng nước hoa để đặt riêng mỗi năm vài lít. Họ phải trả một giá rất đắt nhưng tiền bạc với các bà ấy có nghĩa lý gì. Ngày xưa các cụ bà nhà ta lại còn hay cài hoa lên búi tóc hoặc ướp trong quần áo, đấy cũng chỉ vì muốn có một mùi hương riêng, đặc biệt của mình mà người khác không thể nào nhận biết. Các cung nữ ở trong cung cũng như các bà vợ của mấy ông Sultan đời xưa đều

dùng những thứ hoa hương mong làm cho người đàn ông chú ý đến mình.

Nhà triết lý Pascal bảo rằng nếu cái mũi của Cléopâtre dài hơn một tí thì cái mặt của thế giới sẽ thay đổi. Sự thật Cléopâtre không đẹp nhưng bà nhờ thông minh, có giọng nói rất hay và nhờ pên kỹ nghệ về nước hoa phát triển sớm nhất ở trong xứ Ai cập so với các xứ khác. Cổ nhiên, dầu cho mũi bà có dài ra vài phân mà bên bà thoảng một mùi thơm quyến rũ như thế thì César làm sao có thể bỏ qua. Sau khi César chết rồi bà đã già hơn nhưng vẫn tiếp tục chinh phục được Antoine, đây không phải là những sự quyến rũ khác cái nhan sắc đầy sao. Ngoài Cléopâtre ra, chúng ta cứ nhìn về lịch sử các bà ái phi của các vị vua chúa Đông Tây đều chú trọng đến mùi hương nhiều hơn cả. Đã có lần chúng ta nói đến bà Poppée với bảy lửa cái đi đâu phải mang theo để lấy sữa cho bà tắm, sữa lửa hòa với nước trái cây ép do tự tay bà hòa lấy, hai mùi ấy đã tạo lên da bà một mùi thơm riêng, và đã làm cho Néron say mê. Một người đàn bà thứ hai rất đặc biệt là bà Anne de Boleyn, vợ thứ hai của Henri VIII vua

nước Anh. Ngày trước bà chỉ là một cô gái theo hầu bà hoàng hậu, nhưng nhờ nhan sắc với mùi thơm đặc biệt bà đã chiếm được địa vị hoàng hậu. Mỗi lần bà tắm là cả một buổi lễ có mời một vài cô gái con nhà quý phái đến dự, nước tắm của bà xong còn là một thứ quà quý mà các ông công hầu nâng cốc uống với nhau sau khi đã cầu chúc cho sức khỏe của bà được vĩnh viễn, nhưng có lẽ vì lòng họ không được thành, nên bà bị kết tội ngoại tình và bị xử tử lúc chưa đến ba mươi tuổi.

Người đàn bà phương Tây, cổ nhiên ở đây chúng ta nói đến những bà nhà giàu, mỗi ngày thay ít nhất là ba lần nước hoa. Buổi sáng lúc ngủ dậy đi ra phố hay đi dạo, họ dùng một thứ nước rất mát và nhẹ hòa hợp với bộ áo thề thao trẻ trung. Chiều họ mặc « tailleur » phải dùng một thứ nước hoa ấm hơn, đậm đà hơn, mùa hè và mùa đông khác nhau. Buổi tối lúc đi ăn cơm hay da hội yến tiệc với chiếc áo lễ phục, họ dùng một thứ nước hoa khác nữa. Giờ này họ có quyền dùng thứ thật nồng hay thật khiêu khích chẳng ai dám phê bình gì. Tuy vậy, cũng có một vài lời dặn của những nhà chuyên môn đề cho các bà đừng vượt quá giới hạn.

Họ dặn rằng : « mùi nước hoa không được cạnh tranh với mùi thơm của các món ăn. Mỗi dáng người một mùi hương riêng, nếu cô thanh tao thì phải dùng mùi nước hoa gì, trái lại nếu cô nóng nảy vật chất lại phải có một mùi thơm riêng, cũng nóng nảy như cô. Muốn vào hiệu chọn nước hoa, người đàn bà biết mua không bao giờ mua ngay mà không thử trước 24 tiếng đồng hồ. Các bà hay bôi vào sau tại hoặc cùi tay hay ở cổ, về ngủ một đêm xem mùi hương ấy có hợp với mùi hương tự nhiên của da mình không đã, ngày mai họ mới đến mua. Vì thế, mỗi hãng nước hoa đều phát không rất nhiều những lọ nước hoa bé xíu để làm mẫu. Các bà quý phái còn tránh dùng những thứ nước hoa nào rẻ tiền quá, hoặc nhiều người đã dùng.

Lắm người đặt câu hỏi tại sao mấy chục năm về trước mùi nước hoa giữ được rất lâu, mà bây giờ thì chỉ sau một vài tiếng đồng hồ là bay hết, không còn ngửi thấy mùi gì nữa. Có phải tại ngày xưa hàng tốt hơn chăng? Sự thật không phải như thế, nhưng tại bây giờ không khí đầy bụi khói với mùi xăng mà mỗi gà-ram xăng là chứa đựng bao nhiêu lít « gaz

nocifs » làm cho loãng tất cả những mùi thơm.

Kỹ nghệ nước hoa chia ra làm hai phần, phần rút ở trong thiên nhiên và một phần chế tạo, phần thứ nhất là do các thứ gỗ, hoa trái, rễ cây vỏ cây, nhựa cây và dầu. Bên cạnh đấy còn một phần lấy ở trong các thứ vật, thí dụ như ambre là do chất dạ dày của con cachelot, musc là một thứ lấy trong con mang (chevreuil), hải ly hương (castoréum) lấy ở cái hạch của con hải ly (castor), cây hương (civet) lấy trong con cây hương (civet) v.v... Phần chế tạo lấy ở những chất acétate de benzyle có mùi thơm giống mùi hoa lài hoặc mùi musc acétone sẽ gọi hương hoa cam v.v...



Các bạn có nhớ hai câu thơ của một vị vua ta :

« Đập cổ kính ra tìm lấy bóng
Xếp tàn y lại để dành hơi »

Hai câu thơ chứng tỏ lòng yêu và tiếc của nhà vua với người cung nữ. Các bạn có biết rằng ở Grasse miền Nam nước Pháp là nơi kỹ nghệ nước hoa thịnh vượng nhất, ở đây mỗi năm người ta đã xài tới 1.300.000 kg hoa lai, 1.500.000 hoa hồng và 1.800.000 hoa cam, có đến hai chục nhà máy làm nước hoa và dùng đến hơn hai nghìn nhân công.

Mấy năm gần đây các hiệu sản xuất nước hoa hay nhờ nhà báo đi phỏng vấn nam giới, những ông lớn nổi tiếng và hầu hết ông nào cũng thích người đàn bà phải thơm. Chẳng ai biết đến câu « hữu xạ tự nhiên hương », và đâu có biết họ cũng muốn quên đi vì nếu đưa câu ấy ra thì có bao nhiêu nhà hàng đóng cửa, bao nhiêu người thất nghiệp. Lắm ông còn muốn người đàn bà có thể không dùng son phấn nhưng không thể quên nước hoa.

Do câu nói ấy, người ta lại còn đặt thêm một câu hỏi, thế thì các nữ sinh các cô gái trẻ có cần phải dùng đến nước hoa không. Đã có người trả lời rằng không, vì tuổi trẻ của các cô đã là một thứ nước hoa quý lắm rồi tuy vậy, muốn đừng làm buồn lòng mấy nhà hàng bán nước hoa, các cô gái trẻ đã có quyền dùng những thứ mà người

ta gọi là « eau de toilette » chọn mùi hương các cô thích hợp rồi dùng sau mỗi khi tắm xong, chứ không được tìm những mùi nặng nề để dành cho các bà lớn tuổi.

Ngày xưa các bà ở Hy-lạp con diện với các thứ dầu thơm một cách quá quắt, chúng ta hãy nghe tà nàng nữ thi sĩ đầu tiên của thời cổ Hy-Lạp, mỗi lần đi ra hoặc có lẽ lạc gì phải tiếp khách, nàng dùng dầu cây kè (huile de palme) để bôi lên mặt và lên ngực, dầu kinh giới (marjolaine) để bôi vào tóc và lông mày. Dầu bạch lỵ hương (essence de thym) bôi ở cổ và đầu gối. Dầu bạc hà ở cánh tay, dầu cây Một được (myrrhe) bôi lên đùi và chân. Vì thời ấy chưa biết đến chất alcool để làm nước hoa như ngày nay nên tất cả đều dùng với dầu. Tưởng tượng đi bên cạnh một người bôi đủ thứ mùi như thế hẳn bây giờ mọi người phải bỏ chạy cả, nhưng thời ấy thì mỗi khi nàng ra nằm dài trên chiếc ghế dựa dài để tiếp khách trong phòng còn xông sực nức mùi hương trầm và các môn đệ nam nữ đến bên cạnh để chiêm ngưỡng các thứ hương thơm mới nghe mà đã ngai rồi.



MỘT QUAN ĐIỂM
VỀ HIỆN TRẠNG



Tại sao tình trạng sáng tác tân nhạc Việt ngày một nghèo nàn về phần?

Tại sao những nhạc phẩm có giá trị vắng bóng trên thị trường?

Tại sao những ca khúc được trình bày ào ạt trong thời gian gần đây đã chứng tỏ sự phá sản về nghệ thuật?

Đó là những nghi vấn đã được khá nhiều cây bút phê

bình văn nghệ đề cập tới nhưng vẫn chưa tìm ra lời giải đáp thích ứng khả dĩ chuyển hướng nổi ngành tân nhạc xứ sở.

Những nghi vấn kể trên cũng là trọng tâm của bài này. Người viết sẽ cố gắng đi sâu vào các nguyên nhân căn bản gây nên hiện trạng đó. Tìm hiểu được nguyên nhân tức đã nêu lên được một lời giải đáp, trong muôn một có thể giúp ích cho các nhà sáng tác tân nhạc nhận thức rõ rệt hơn về bộ môn hoạt động của mình, để tự tìm lấy một

đường lối dẫn ngành tân nhạc Việt ra khỏi vũng lầy.

Mâu thuẫn giữa nhu cầu quần chúng và đời sống sáng tác

Một sự thật đau buồn thể hiện nơi sự từ bỏ đời sống nghệ thuật của một số nhạc sĩ có thực tài, có căn bản vững vàng về nhạc lý. Nói rõ hơn thì đã có một số nhạc sĩ phải buộc lòng bỏ nghề chuyên môn để làm nghề khác, vì đời sống ca nhạc không nuôi nổi họ. Không phải họ không yêu nghề, không thiết tha, sống chết với đời sống nghệ thuật nhưng chính vì quá yêu nghề, quá thiết tha với đời sống nghệ thuật nên họ phải đau đớn từ bỏ. Sinh hoạt ca nhạc với tốc độ hỗn tạp kinh hoàng đã đánh bật họ ra khỏi hàng ngũ. Đã nhiều lần tôi được nghe tiếng than từ cửa miệng lớp nhạc sĩ có tâm hồn: « Muốn sáng tác vì nghệ thuật, cho nghệ thuật thì không thể sống được ».

Sự trạng kể trên tố giác sự vắng mặt nghệ thuật trong sinh hoạt ca nhạc hôm nay. Nguyên nhân sâu xa của sự vắng mặt đó gây nên bởi mối mâu thuẫn

giữa nhu cầu quần chúng và đời sống sáng tác.

Sống trong một guồng sống đầy rẫy những biến cố, căng thẳng, ngọt ngào, đa số dân chúng đều đi tìm nguồn giải trí để dài dài khỏi phải suy nghĩ, để quên bớt những lo âu, đe dọa của đời sống. Tâm trạng đó có thể gọi là tâm trạng chạy trốn, đào ngũ khỏi đời sống. Chính bởi tâm trạng đó nên trong thời gian gần đây, một số ca khúc thuộc loại lãng mạn giả tạo và kích động thời trang đã được đón nhận nồng nhiệt. Người ta đã xô vào khai thác xác chết của Hàn Mặc Tử, người ta mặc sức buôn bán một bài thơ của Hữu Loan, người ta lao đầu vào cái tiết điệu twist Solow, Rock để hốt bạc.

Người nghệ sĩ sáng tác chân chính là mẫu người không bao giờ chạy theo đuôi và kích động thị hiếu quần chúng, ngược lại họ có sứ mạng hướng dẫn thay đổi để nâng cao trình độ thường ngoạn của quần chúng. Rất tiếc lớp nghệ sĩ sáng tác chân chính đó đã hầu như vắng mặt trong chợ nhạc hôm nay. Làng tân nhạc trong thời gian gần đây đã đương nhiên biến thành mảnh đất trù phú cho năm độc tự do mọc, là

thị trường chợ đen lậu thuế cho bè lũ làm bạc giả nghệ thuật tả sức tung hoành, phá phách để phục vụ cho quyền lợi riêng tư vị kỷ của bè lũ chúng.

Những tổ chức làm bạc giả nghệ thuật.

Những ai hằng quan tâm tới ngành tân nhạc Việt và nhất là những ai đã sống chết với ngành tân nhạc đều trông thấy rõ ràng; hiện trong làng tân nhạc đang có những tổ chức làm bạc giả nghệ thuật, cấu kết với nhau một cách rất vững chắc để thao túng thị lợi. Công việc làm ăn bất chính của chúng đã kéo dài trong nhiều năm, dưới mọi trào. Chúng có đầy đủ thủ đoạn, uy thế, phương tiện để thực hiện mưu toan.

Địa bàn hoạt động của chúng nhắm ba nơi:

- 1) Đài phát thanh.
- 2) Xô số, đại nhạc hội hàng tuần do đài phát thanh tổ chức.
- 3) Phòng trà ca nhạc.

Trên đài phát thanh (hiện tại đã có nhiều thay đổi đáng khích lệ) bè lũ chúng vận động nắm lấy các ban rồi trao đổi ca sĩ, trao đổi ca khúc mới sáng tác. Nghiễm nhiên đài phát thanh đã trở nên phương tiện quảng cáo

không công cho chúng. Ngoài ra, có một số mệnh danh nhạc sĩ xin những ban không thù lao (hiện đã chấm dứt tại đài Saigon) nhưng bè lũ chúng lại xoay qua đài quân đội làm ăn, (theo ông Nguyễn Đăng trong mục số tay Kịch Ảnh số 162) để phổ biến ca khúc cho một vài cá nhân hay một nhà xuất bản, một hãng đĩa.

Cả tuần chúng nhai nhai trình bày loại ca khúc cải lương rẻ tiền, loại ca khúc ủy mị đời bại, đầu máy nước cuối công viên, khiến thính giả phải bị quen tai, bị ám ảnh và như vậy trên phương diện tuyên truyền, quảng cáo, chúng đã đạt kết quả tích cực. Tuy nhiên, chúng là thủ phạm trong việc làm đọa lạc thị hiếu quần chúng, hạ thấp trình độ thường ngoạn của quần chúng.

Tệ đoạn xảy ra qua các chương trình ca nhạc phụ diễn xô số cũng đã tiếp diễn từ lâu. Chỉ có một số ca sĩ nhất định là bỏ bịch của một số nhạc sĩ, thay nhau trình bày ca khúc của các nhạc sĩ đó qua các chương trình phụ diễn. Thậm chí ngoài tiền thù lao, một vài ca sĩ còn nhận được thù lao riêng của nhạc sĩ để «lãng xê» ca khúc của họ.

MỘT QUAN ĐIỂM

Trong chương trình đại nhạc hội hàng tuần của Đài, tình trạng quảng cáo trắng trợn đó cũng đã thường xuyên xảy ra.

Phòng trà ca nhạc là cứ điểm cuối cùng để phổ biến nghệ thuật đen, phổ biến những ca khúc đã bị đài loại bỏ vì thiếu giá trị kỹ thuật hay quá uỷ mị. Nơi đây, một số ca sĩ cũng đã biến thành chuyên viên quảng cáo cho các tổ chức nghệ thuật đen.

Hành động của các tổ chức làm bạc giả nghệ thuật kể trên, ngoài việc làm sa đọa thị hiếu quần chúng, còn gây nên nạn bê phái tai hại trong giới tân nhạc. Chúng đã cản đường tiến phát của các mầm non kém uy thế, thiếu phương tiện.

Sự Ly Khai Đời Sống Của Nghệ Sĩ Sáng Tạo

Hiện trạng nghèo nàn, sa sút của làng tân nhạc hiện tại, một phần gây nên bởi sự khờ dại đề tài của các nhà soạn nhạc. Một số nhạc sĩ, kể cả lớp người có thực tài đã xô nhau phổ thơ, vay mượn nguồn cảm

của thi nhân để làm thương mại. Không còn bắt rễ vào đời sống, lười suy nghĩ, mệt mỏi, họ không còn thể rung động với những biến chuyển dồn dập của đời sống, cảm thông với nỗi thống khổ đầy rẫy trong xã hội thời chiến, họ đã thật sự ly khai khỏi sinh hoạt xã hội.

Ngồi ở Thanh Thế, Kim Sơn hay Pagode, qua men rượu Whisky, họ tưởng tượng ra đau khổ, tưởng tượng ra người lính chiến, tưởng tượng ra tình quê. Do đó « sáng tác phẩm » của họ (còn gọi bằng danh từ nào khác hơn?) chỉ là sản phẩm giả tạo, chứa đựng tính chất gò ép, gượng gạo, ngớ ngẩn đến hài hước.

Họ đã bắt lụy trong việc ca ngợi tình người, họ đã bắt lụy trong việc phản ánh sinh hoạt xã hội, vì họ đã không sống thật, vêu thật, đau khổ thật. Ca khúc của họ chỉ là những tảng băng nổi trên bề mặt tình cảm và xã hội nên rất chóng tan vào quên lãng. ● *

Kỳ tới: Tân nhạc Việt đi về đâu?

Dùng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TAY
1360/BY.T/DPDC.

MỘT TÂM SỰ HOÀI NAM BI THIỆT...

NGUYỄN THÔNG

* Phạm-văn-Sơn

MỘT căn bản trọng yếu trong đời sống của con người là đức tính không quên nguồn gốc, không vì giàu sang phú quý mà chạy theo kẻ địch, xa lánh đồng bào nhất là con người ấy thuộc loại người đại diện cho cấp lãnh đạo của quốc gia.

Thời thực dân Pháp đặt gót vào nước Việt, xã hội chúng ta đã bị một cuộc xáo trộn lớn lao trong tầng lớp lãnh đạo từ hậu

bán thế kỷ XIX qua thượng bán thế kỷ XX như chưa từng thấy.

Do cuộc phân hóa không thể tránh được ở nước ta cũng như ở nhiều nước Á-Đông, khi đó đang bị làn sóng đế quốc tràn bua, đám nhà Nho của chúng ta chia làm nhiều phe như sau:

a) Một phe nặng lòng với truyền thống anh dũng của ông cha, quyết tâm sống mái với giặc bễ bất cứ giá nào, tuy biết rõ địch mạnh ta yếu. Họ quan niệm rằng lòng yêu nước cần phải được vun sới, nuôi

dương thì trong cuộc tranh đấu với địch được thua là sự thường, hôm nay có bại thì về đại cuộc quốc gia « *túi vũ trụ đã có đàn sau gánh vác* ». Với chủ trương quyết liệt và tích cực trên đây Thủ Khoa Huân, Trương Định, Võ duy Dương, Tôn - thất - Thuyết, Trần xuân Soạn, Phan đình Phùng, Nguyễn thiện Thuật, Nguyễn Cao, Hoàng hoa Thám, Phan-bội-Châu v.v... đã cùng nhân dân sống chết, không đội trời chung với kẻ thù, bọn xâm lược Tây-phương.

b) Một phe không cầm gươm chống địch được, đã thi hành chánh sách bất cộng tác với địch về quê ở ẩn, dạy một ít học trò cho qua ngày đoạn tháng. Đó là các cụ Đồ Chiểu, Phan văn Trị, Nguyễn Thông, Nguyễn Khuyến v.v...

c) Một phe ra làm tay sai cho Pháp, tích cực phục vụ để quốc để kiếm danh lợi như Tôn thọ Tường, Nguyễn Thân, Hoàng cao Khải, Cao - xuân - Dục, Nguyễn hữu Độ v.v... Bọn này cùng con cháu qua 80 năm Pháp thuộc đã là những tội tử đắc lực của giặc, đã sát hại bao nhiêu nhà cách mạng, đã thẳng tay bóc lột đồng bào và giữ đây đang tàn lụi trông thấy qua các

cao trào cách-mạng của nhân dân...

Từ 1945 đến nay, Lịch sử nước nhà lại được dịp vạch mặt chỉ tên một đám người mới giả danh cách mạng ái quốc, ái quần... bọn này dĩ nhiên trong hơn 20 năm qua đã cầm đầu miền Nam cũng như miền Bắc, lập bè kết đảng mãi quốc cầu vinh, nhiều hại chúng ta không biết bao nhiêu.

Sĩ phong, sĩ khí giờ đây ngày một lu mờ, vì thế cần mang tấm gương xưa chiếu lại để cảnh tỉnh một số người vong bản, xa rời quần chúng, may ra có ít nhiều chiêm lạc bày trở lại với chúng ta chăng? Hôm nay, chúng tôi xin nhắc đến Nguyễn Thông một cao sĩ của miền Nam đáng được đem ra đề khích lệ nhân tâm lúc này.

Trước hết, chúng tôi thành thực khen ngợi ai đã có ý nghĩ rất xác đáng đem tên Nguyễn Thông ra đặt cho con đường song hành với đường Lê văn Duyệt và Đoàn thị Điểm. Con người tiết tháo ấy quả đáng nhắc nhở trong tâm khảm chúng ta mãi mãi, và nếu bị bỏ rơi không khỏi là điều đáng trách.

Nếu so sánh với nhiều nhân

vat lịch sử cận kim, Nguyễn Thông không được nhiều người biết lắm bởi đời làm quan của ông dưới thời Tự Đức không dài được bao nhiêu, vì khi xét không chống được giặc, ông sớm rút về ở ẩn... đã vậy, tuy văn của ông chứa đựng tâm sự ái quốc tuy có nhiều nhưng làm hết bằng chữ HÁN nên thiếu tính cách phổ biến. Đề thêm tài liệu về sử học cũng như văn học, chúng tôi xin trình bày một số tác phẩm của ông, mong cùng bạn đọc nghiên cứu và gây thêm dư âm, âu cũng là điều không uổng công vô ích.



Nguyễn Thông sinh quán ở Kỳ-sơn, huyện Tân Thạnh Gia-định thuộc tỉnh Tân-an ngày nay, tự là Hy Thần, hiệu là Kỳ-Xuyên, sinh năm 1827 mất năm 1894. Ông xuất thân nhà nghèo từ thuở nhỏ, nhờ có thông minh mẫn tuệ nên được bà con giúp đỡ và đậu Cử-nhân năm 23 tuổi. Hoạn lộ của ông đáng lẽ còn tiến thêm bước nữa thì không may trong kỳ thi tiến sĩ, bài của ông bị vấy mực nên phải bỏ. Không thể kéo dài nghiệp thi cử, ông ra lãnh chức Huấn đạo huyện Phong phú, tỉnh An-giang, sau thăng

hàm Hàn-Lâm-viện tu soạn và ra làm việc tại triều đình Huế.

Năm 1859, Pháp qua xâm lăng Việt Nam, binh đội rầm rộ vào Gia-định. Ông xin về Nam-kỳ đề tòng quân, và được vào giúp việc Thống-đốc quân vụ Tôn-thất-Hiệp. Xét ông là người cần mẫn, có nhiều tâm huyết, Tôn-thất-Hiệp giao cho ông mọi việc quân cơ bí mật.

Tới khi miền Đông (gồm 3 tỉnh Gia-định, Biên-hòa và Định-tường bị nhượng cho giặc Pháp) ông qua làm Đốc-học tại Vĩnh-long rồi 5 năm sau miền Tây (Vĩnh-long, Châu-đốc, Hà-tiên) mất nốt thì Nguyễn cùng một số đồng-chí ra Trung-kỳ tính bề khôi phục đại cuộc (1867). Nhưng tài bất cập chí, cho tới già sự-nghiệp cứu quốc không thành, ông chỉ còn nước về ở ẩn nơi thôn dã, giữ tiết tháo tới cùng và gửi nỗi uất-hận vào một số thi văn. Phải là một kẻ yêu nước tha thiết, nòng nọc mới bộc lộ được hết thảy nỗi lòng thương nhà, thương nước, khi man-mác, khi đa-diết qua những vần dưới đây.

Thiết tưởng cũng nên nhắc con người yêu nước Nguyễn Thông trước đó đã có phẩm-cách thế nào đáng cho ta chú ý

trong khi ta nghiên-ngẫm đến thi văn của ông. Là bề tôi, ông giữ chữ trung không phải là nhắm mắt theo kiểu ngu-trung, do đó hoạn-lộ của ông trải qua khá nhiều sóng gió. Thấy vua Tự-Đức ham thi-ca, ưa xây dựng lăng tẩm (Vạn niên-cơ tức Khiêm-lăng) và đi chơi xa hơn là lo việc nước, Nguyễn từng lên tiếng khuyên can. Đã có phen Nguyễn dâng lên nhà vua tờ sớ điều trần xin vua quan tâm đến việc tuyển lựa nhân tài, cải tiến quân sự, tu chỉnh thuế điền thổ, khoan-hậu với dân chúng. Như vậy ta thấy các lời ngay thẳng của Nguyễn đã phản-ảnh phần nào thói hư tật xấu đời bấy giờ, nếu nhớ đến các bản điều-trần của Nguyễn-trường-Tộ, Phạm-phú-Thứ ta lại càng nhìn thấy rõ hơn cái bộ mặt bi thảm của quốc-gia Việt-Nam trước khi rơi vào vòng ngoại-thuộc.

Là một nho-giá, một thi-nhân, ông thường giao-du với các thân hào Nam-Bắc như Tùng-thiện-Vương Miên-Thâm, Phan-thánh-Giản, Đỗ Quang, Phạm-phú-Thứ, Nguyễn-tư-Giản và được mến yêu rất nhiều. Nhưng trung trực, tài hoa đã thường là mối họa, Nguyễn cũng không tránh được thông lệ đó nên

Nguyễn đã mấy phen bị cách chức, giáng chức, có lần bị giam và phạt trượng đến mang bệnh thổ huyết.

Xét về số lượng, lịch sử văn học cận đại ở Nam-Việt phải ghi rằng Nguyễn là nhà văn sáng tác nhiều nhất (tác-phẩm của Nguyễn gồm có: *Việt-sử thông giám khảo lược*, *Ngọa-du siêu thi tập*, *Đôn am văn tập*, *Kỳ-xuyên văn sao*, *Kỳ-xuyên công độc v.v...* Xét về ý-tứ, tác phẩm của ông đã biểu lộ được nhiều tình cảm cao quý nhất là lòng thương nước, yêu nòi, như vậy cũng rất có giá trị không thua gì các cụ Đồ Chiểu, Cử Trị và các bạn đồng thời khác của ông. Qua một số thơ ông làm vào buổi cao niên; ta thấy ông buồn nỗi mình, nỗi nước, tất cả những gì là tâm-tư của một kẻ thất vọng bởi thiếu tài đội đá vá trời. Mỗi dòng, mỗi chữ của ông làm cho ta phải ngậm-ngùi chua xót đến tâm can. Bạn Bảo định Giang đã phiên dịch ít bài thơ của ông như sau:

Văn Nguyễn Duy (1) Định Biên tán lý.

Nguyễn tác

Tây phong (2) phiên đại thọ (3)
Nhật tịch ế viên môn.
Mn địa mai hùng lược.

Tam quân khắp cứu ân (4)
Đồ tích không y táng,
Na tri hạo khí tồn.
Niên niên hư trường thương.
Di lão loại phương tôn.

Bài dịch:

Viếng Nguyễn Duy, tán lý Định Biên tử trận.

Gió tây thổi một đêm lấp ngõ.
Trại đóng quân đại thọ đồ rồi.
Tri mưu đầy đất chôn vùi.
Ba quân sùi sụt khóc người cứu

ân
Nhận dấu áo mà chôn tướng
lãnh.

Thịt xương tan, hơi chính còn
đây

Mỗi năm bạn cũ nhớ ngày.
Thăm mồ rượu rượu thương ai
ngậm ngùi.

Đăng vịnh long thành lâu

Vũ tế dinh châu tạp văn cầm,
Nhật thanh họa giác bán lâu âm
Thiên thiêu thành quách chu tao

tại
Da nạn thân bằng khế khoán
thâm.

Khứ quốc-Đỗ lãng (5) dư biệt lệ
Di hương Vương-Xán (6) phú
quy tâm.

Tích hiền khả thị câu hoài thổ
Bông n. ấn Tây phong kỷ độ xâm

Lên lâu thành Vĩnh long
Bãi sông mưa tạnh chim về,
Tù- và ai rúc, bóng che nửa đầu
Lửa thiêu thành quách còn đâu?
Bạn xưa gặp nạn dài đầu long
đong.

Đỗ lãng xa nước khóc rồng,
Nhớ nhà Vương-xán những
mong được về.

Thánh hiền xưa cũng nhớ quê
Gió Tây mấy độ thổi về tóc thưa
Thôn cư dạ văn điều thanh
thậm ai

Nhật nhập chung điều quy.
Ngã diệc bế sài kinh.

(1) Nguyễn Duy làm chức Tán lý Định Biên đã chống Pháp vào ngày 16 tháng giêng năm 1861, bị tử trận. Xác ông bị giặc bắn tan. Người ta chỉ bằng cử vào dấu áo của ông mà lượm lấy thì thề để đem chôn cất gần thành Biên Hòa. Cầm cái chết của người anh hùng, Nguyễn đã làm bài viếng trên đây.

(2) Tây phương ám chỉ giặc Tây
(3) Đại thọ chỉ vị tướng lãnh tài giỏi (4) cứu ân: ân nghĩa cũ (chỉ Nguyễn Duy.

(5) Đỗ lãng tức Đồ Phủ khi gặp loạn chạy vào Ba Thục thương làm thơ nhớ nhà, thương nước.

(6) Vương-Xán là người tài đời Tam quốc gặp loạn chạy qua Kinh Châu làm bài phú Đăng lâu tỏ lòng nhớ nhà của mình.

Tá vấn thử hà sự?
 Trung tiêu thượng cô chinh.
 Cổ sà, tại hà hử.
 Kỳ thế không phục tình.
 Cựu du cứu liêu lạc.
 Ai âm thủy vị thình.

**Đêm nghe tiếng chim kêu
 thăm ở thôn quê (7)**

Mặt trời đã lặn chim về.
 Nhà ta cũng khép cửa tre lại rồi!
 Vì sao thế ấy chim ơi!
 Nửa đêm bay mãi giữa trời lao
 đao?

Tò mây xưa ở nơi nào?
 Lòng mây luống những rạt rào
 nhớ thương...

Bạn xưa mỗi đứa một phương,
 Tiếng kêu buồn thăm để thường
 ai hay!

Phóng giá cô (8)

Vân tiêu vô ý trục uyên hồng (9)
 Tảng chước phiêu giao luy nhĩ
 cung.
 Ngã diệp úy đồ hành bất đắc. (10)
 Nhân khan tiêu tụy hướng phân
 lung

*

Phóng nữ nam chi phân cổ sào,
 Sơn khe cựu lữ cộng chiêu yêu.
 Khê biên âm trắc tu căng thận,
 Mạc khiên vì khu trụy lão thao.

Thà gà gó

Mây không có ý đuổi uyên hồng,
 Rủi gặp bọn săn mắc phải vòng.
 Ta cũng như mây đi 'chẳng đặng'
 Nỡ nhìn mây rủ ở trong lồng.

*

Nhánh Nam nay thả mây về lại,
 Bạn cũ gà rừng mắc sức chơi.
 Ra suối uống ăn nên cần thận,
 Chút thân đừng để lọt tay ai!

**Tiễn Nguyễn-Thông (của
 Nguyễn-tư-Giản) (11)**

Ngã gia Nhị hà bắc lưu xứ,
 Quân gia Khung giang chi hạ du.
 Nhị thủy phát nguyên Diên-nam

Tương cách nhất sơn Đông
 Tây lưu,

Khung giang nam nhập Ngưu
 giang thủy,

Nợ giao tỷ trạch dư nhất kỷ,
 Ước quân tân khổ tặc trung
 lai,

Tam tỉnh kinh trần thang thốt
 khởi.

Thùy tri thập tải trùng tương
 kiến,

Tứ thành ai lệ hướng quân truy.

7) Bài này làm vào thời kỳ
 giặc Pháp chiếm xong 3 tỉnh miền
 Đông, tác giả chạy về một nơi
 thôn quê, xót xa nỗi nước tình
 nhà nên mượn lời chim kêu để
 đề nó lên sự áo não bị thương
 trong lòng mình.

Hà niên tái kiến Ngưu-giang
 thanh?

Nhị-thủy diệp phú tây bình hành?
 Thiết thuyền trực chỉ Thiên-hán
 hoành,

Thương minh vô ba khán nguyệt
 minh.

Tọa niệm giang hà phương nhật
 xu,

Ngô tào thử trách lương phi
 khinh,

Dữ quân tặc dạ khuynh phế phủ,
 Đãng hoa bán lạc, mặc hoa vũ.

Lưu quân bất đắc ích phủ
 tướng,

Nam vọng trùng quan trở yên vũ.
 Thử biệt thượng tu các nỗ lực,
 Bách xích lâu thượng quan hải
 vũ.

Mạc sử giang thần hướng nhân
 tiếu,

Giang sơn như thử đàn thanh
 khiêu.

Bài dịch

Nhà tôi ở Bắc nhị-hà,
 Quê hương của Bắc lại là Cửu-
 long.

Một nguồn tỏa xuống đôi dòng.
 Cách nhau giải núi chia dòng
 Đông, Tây.

Vào Nam Bến Nghé nhập đây,
 Thường luống ở quá mười hai
 năm rồi! (12)

Bỏ vùng giặc đóng than ôi.

Bụi mù ba tỉnh, ngậm ngùi lúc
 đi... (13)

Mười năm gặp lại hôm ni,
 Lệ buồn vì bác trên mi nhỏ rồng!
 Bao giờ bến Nghé lại trong,
 Cho dòng sông Nhị vang lừng
 khải ca?

8) Bài này làm vào dịp có người
 nông dân cho tác giả mấy con
 gà gó (ta gọi là gà đồng nữa).
 Giống gà này còn mệnh danh là
 Hoài - Nam (nhớ phương
 Nam). Tác giả bỏ Nam kỳ 15 năm
 thấy gà gó trắng nhớ đến nỗi
 mình xa quê hương, nên không
 nỡ làm thịt giống chim này,
 liền mở lồng cho bay đi rồi cầm
 xúc mà có những thơ vãn trên
 đây. 9) Uyên hồng là loài chim bay
 rất cao. Gà gó là giống chim ăn
 ở ven rừng bụi cỏ không có ý
 đuổi theo chim hồng. Tác giả
 như có ý nói rằng mình chẳng
 chạy theo danh lợi như chim
 kia chẳng ham vùng vẫy ở chốn
 mây xanh. 10) Đi chẳng đặng:
 dịch theo chữ « Hành bất đắc ».
 Tác giả lúc nào cũng muốn về
 Nam nhưng miền Nam đã lọt vào
 tay giặc nên nán nã mãi mà vẫn
 chẳng về nổi. 11) Bài này của cụ
 Văn Lộc (Nguyễn tư Giản) là một
 nhà nho miền Bắc, chỗ tâm đắc
 của Nguyễn Thông tiền Nguyễn
 lên đường về dưỡng bệnh ở
 Bình Thuận. Bài này cho ta thấy
 hai người bạn tuy thuộc hai địa
 phương nhưng rất thông cảm
 với nhau trước những bi đát của
 đất nước.

Cười thuyền lên tận Ngân-hà,
Biển xanh ra ngắm trắng ngà
sáng soi.

Cảnh tình nghĩ lại chưa vui,
Núi sông còn gánh hai vai
nặng nề.

Đêm qua cùng bác tí-tê,
Văn thơ bay múa đèn khuya
chập chờn.

Lưu ai không ở thêm buồn.
Miền Nam khói tỏa mưa tuôn
ngập trời.

Xa nhau cùng gắng lên thôi.
Lên lầu trăm thước mà coi nước
nhà.

Đừng cho hà bá cười ta.
Non sông thế ấy vậy mà gào
suông.

Đọc những văn thơ trên đây
chúng ta có cảm tưởng gì?

Nguyễn tư Giản và Nguyễn Thông
là hai kẻ một xuất xứ miền Nam
một xuất xứ miền Bắc, nhưng
thương xót nhau tha thiết vì cái
quan niệm sâu sắc cùng giống
cùng nòi, ngoài ra cả hai cùng

chung một niềm ưu quốc bi phẫn
như nhau. Ngày nay lịch sử tái
diễn cái thảm cảnh quốc gia đa
nạn đáng lẽ bọn chúng ta là con
cháu các cụ phải xót xa nhau
như tiền nhân, để mưu khôi phục
đại cuộc thì đã bao nhiêu kẻ
đặt lên những hàng rào kỳ thị
địa phương, nhất là lòng
yêu nước của họ còn nhẹ
hơn là cái túi bạc.

Còn thể hệ nào của nước nhà
đọa lạc hơn thể hệ này chăng?
Còn nên xưng mình là con Rồng
cháu Tiên chăng?

12) Câu này gợi ý thời gian
giặc Pháp chiếm Nam kỳ đã
được 12 năm.

13) Ý nói sau khi Việt Nam
mất ba tỉnh miền Đông, Nguyễn
Thông lìa bỏ quê hương ra trú
ngụ miền Trung. (Tài liệu về bài
này được trích một phần ở Tập
san Nghiên cứu văn học số 7
năm 1961).



POLYVIT Ca
TÉVÉTÉ

**DÀN BÀ DƯỠNG THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒM-YẾU, ÉO-ỐT, CHẬM MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI**

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ÀU-DƯỢC

K.N. số 25 BYTBQCD 18-10-62



★ Trần-Tuân-Kiệt

Lời mở đầu Ở đây bạn sẽ thấy những gương mặt thật của
giới văn nghệ sĩ Sài-gòn, qua sự sống động ồn ào của một thứ trật
tự bị phá vỡ. Những ước vọng to tát, những niềm tin nhỏ nhoi,
những sự phủ phàng đau đớn, những hoàn cảnh trái ngang và bi đát
trong cốt truyện. **Lửa Tình** sẽ lần lượt rọi những tia lửa rực xao
xuyến, chói chan trong tâm hồn bạn qua những khung cảnh từ một
mụ chủ của một đại ban cải lương đến sự liên-lạc qua các anh kỹ
giả. Từ sự si mê đào chánh của một gã bác sĩ. đến sự hy sinh vì tình
bạn của những anh chàng du-đảng trung-tín. Sự thật sẽ xoay chiều
trong xã hội hỗn loạn bấy giờ, xấu và đẹp, thiện và ác xen lộn ần
hiện trong niềm bi-thảm khốc liệt của một thứ định mệnh chung của
chúng ta — của loài người hôm nay.

TÔI làm đàn cảnh, tôi có quyền thay đổi sân khấu chứ, phải
không anh, thế mà nó nhất định cãi lại, nó có biết gì là nghệ
thuật, màu sắc biến diễn cho linh động sân khấu đâu? Chúng nó chỉ
có ba đồng tiền, bỏ ra để làm bầu làm bì, lên mặt hồng hách với anh
em nghệ sĩ. Thật chán ngấy rồi đó.

LỬA TÌNH

Ba bốn người ngồi quay tròn chung quanh nhà đàn cảnh đều im bật. Cô đào trẻ có gương mặt nhỏ và choẹt ra trông như một con chuột sù lông đen mượt. Cô ta quay lại nói với anh ký giả kịch trường:

— Lăn-xê em mí nhé!

— Hớ.. hớ! hát như ảnh trong kêu mà đòi làm đào chánh hoài.

Đó là giọng ò-è của chàng Ba Phải, hề hạng nhì trong gánh của Bầu Tư Hơn.

— Có tin buồn, anh chị ai nghe chưa cả?

— Ai chết vậy, hờ anh?

Nhà đàn cảnh cải lương bật cái mũ nỉ ra, lồi cái trán rộng, đôi mắt sâu như hai cái huyệt, mồm miệng lay động như một khớp xương của đầu lâu ma hiện hình:

— Người chết thì nói làm gì, kẻ còn sống mới là đáng nói chứ.

— Ai? Em nóng nghe quá.

— Chị này kỳ, Tiếng Ba Phải nói.

— Thôi, buồn thúi ruột đây, cứ làm hề hoài.

— Vậy chứ chị biểu tui làm gì bây giờ, nghề nghiệp ông cha để lại mà chị nó.

Nhà đàn cảnh bắt đầu trịnh trọng, có vẻ đạo đức lắm:

— Đề tôi kể cho nghe mà, lộn sộn hoài. Anh em nào có biết có đào biệt hiệu Năm Ngũ Long hay không?

— Biết! ai mà không biết, chồng mới chết... anh bầu Ký đó mà bị đụng xe trên Đalat. Giàu lắm, nghe nói vừa gặp với một ông nào sắp ra bầu gánh.

Lại trịnh trọng hơn, nhà đàn cảnh từ từ châm thuốc, hít một hơi, phả khói bay loảng ra ngoài tiệm, rồi nói:

— Cái đó chị hỏi tôi đây?

— Thế nào, sự thật ra sao? Năm Ngũ Long là ai, ở đâu?

Cái điệu hỏi đúng là của tay ký giả kịch trường.

Nhà đàn cảnh xoay lại đáp thân mật:

— Bạn khỏi lo, có biên, lấy giấy bút đi, tôi nói rõ cho mà biết, nhưng báo lên khuôn có bị đòn thì bạn đừng có chỉ cho tui nó biết là do tôi kể nghe bạn, tui nó dữ lắm đó.

— Ngồi bút của tôi dám chơi dám chịu mà, sợ gì ai?

LỬA TÌNH

— Ủ, có ngày lỗ mũi ăn trầu cái đầu sĩa thuốc đấy.

Cả bọn cười rộ lên, cho đến lúc nhà đàn cảnh ra dáng nghiêm nghị, bắt đầu vào chuyện...

Câu chuyện bắt đầu từ lúc Năm Ngũ Long đi ở, bán cà rem... đến lúc bị dụ-dỗ làm gái điếm, rồi bị bắt thì cô đào khoa tay nói tiếp:

— Tôi biết nữa kia.

— Biết gì nào?

— Lúc nó vào tù được một tay tở, ông xếp nào đó thương móc nó ra làm bé. Nhưng rồi...

— Đề tôi kể rõ đầu đuôi chớ.

Anh ký giả kịch trường hớp một hớp cà-phê vừa khuấy muống leng keng... vừa nói:

— Tôi có nghe chuyện đó... hồi sau này, ngài nọ lại mang cô ta dâng cho một ông bự... thật là của hiếm, ông bự mê tít lên, ông bự mua nhà cửa cho cô út đó ở.

— Út nào? Anh hề hỏi.

— Ông bự nhiều em lắm... có tiền vải ra mua em mà, nên đến lúc gặp Năm Ngũ Long, ông hay gọi cũng là nàng Út của tôi. Nàng Út chỉ thiếu một phút là bị bà lớn tạt át-xít vào mặt, nên phải bỏ...

— Định mệnh của người thiếu nữ đó thật ác liệt. — Đột nhiên, nhà đàn cảnh thay đổi giọng nói.

Và anh ký giả kịch trường ngờ ngẩn hỏi:

— Sao nữa...

— Nàng lại muốn thành minh tinh màn bạc, đi học sinh ngữ mới gặp thầy ký.

— Sao bây giờ nàng lại lập gánh cải lương?

— Vì có lẽ không đeo đuôi được ý định, anh coi đào không ra đào, minh-tinh không ra minh-tinh, cái vốn học le-oe vài cọng, muốn làm người văn minh mà trở thành ngộm là vậy đó.

Anh ký giả kịch trường nói:

— Nếu tôi, có thể hướng dẫn nàng trở thành một minh-tinh hảo-hạng. — Ngọt lời, anh ta cười rộ lên một mình.

— Làm gì thì làm, nhớ đừng ảnh giới thiệu em nghe anh?

LỬA TÌNH

— Vâng !
Cô ta sung sướng bầu vào vai ký giả nhà ta nói :
— Em nghèo thì nghèo, chớ tối nay lãnh được năm chục lương xin dặt anh dãi một châu la ve.
Rồi nàng kéo vãnh anh chàng ký-giả kịch trường đi ra ngoài.
Anh hề nhoi-nhói nhảy lên nói với theo :
— Ê... đi đâu đó, chị hai... dặt anh đi, anh có thai tui mắc đèn chị dãi, nghe.
À đào cười ngất, nhéo vào tay ký giả nói :
— Thấy chưa anh... nè, về nhà em đi.
— Làm gì ?
— Rồi anh sẽ biết mà.
— Anh bận việc.
— Nhất định về nhà em đêm nay.. em đèn ơn anh mà.
— Ở.. ở được.. em biết điều lắm.
— Đừng có ham nghe chưa.. em còn có con em gái tác nó lớn hơn.. đẹp mê hồn.. em muốn anh nâng đỡ nó giùm.
— Vâng !
— Vậy mới được chứ... nào đi lên.. nhà em ở ngõ Nguyễn cư Trinh đó.
— Gần đây à.. anh cũng ở gần đây.
— Không nhà phải mượn đỡ nơi bùn sinh đó chứ !
— Ai cũng vậy. lúc chưa gặp thời mà... em thấy không, như con Năm Ngũ Long đó, ngày trước còn đi bán cà-rem nuôi miệng, rồi sau đi với ông này ông nọ. Cô đào cái lương nếp sát vào hông anh ký giả :
— Em không thích như vậy đâu.
— Vậy em muốn gì ?
— Em muốn khác hơn thiên hạ.. em muốn, muốn có chồng dưng hoàng, không làm điểm bậy bạ như thế, chết ra ma không chồng anh thấy chưa.
Thật trong đường Nguyễn cư Trinh là xóm đất thánh, dân tứ chiền, nhà lợp xúp dựng lên trên cả mồ mã và rác bần. Hai người dừng lại bên cạnh nhà thờ bỏ hoang. Bóng tối tràn ngập bốc lên mùi bùn khinh-khinh mũi họ. Vào sâu hơn, đó là nhà trọ của cô đào,

LỬA TÌNH

mới là nhà trọ nhưng thật sự là một túp lều lá, dựng lên trên những mảnh ván cầu ọp-ẹp lỏng lẻo lỏng lẻo.
Khoảng sáng lung-lay trước cái sàn nước chẳng khác nào một nỗi buồn lan-man tỏa ra giữa khung cảnh tối sầm này.
Tiếng dệp lẹp-xẹp của cô đào để người trong cái chái nhỏ đó nghe được hỏi vọng ra :
— Chị về đó hả, chị ?
Cô đào chưa kịp trả lời thì nghe nhà báo hỏi liền :
— Cô em đó ư ?
— Vâng !
— Tiếng nói thanh tao, chắc là đẹp lắm.
— Rồi anh sẽ biết, vào đi.
Người thiếu nữ tóc xỏa dài nuốt nà xuống chiếc vai áo lụa đã nhòa. nét mặt tươi, trắng hồng, có vẻ thông minh và liếng-thoan ở hai hàng mi cong và đậm-dà trên gương mặt trái soan.
— Mẹ thế nào em ?
— Cũng vậy thôi.
Dường như một giọt lệ đã chảy tròn xuống gương mặt vừa quay ra sau ấy. Nàng khoảng mười tám tuổi, còn thơ ngây hơn chị nhiều.
Cô đào vội vã kéo cái ghế mời khách và giới thiệu :
— Đây là ông ký-giả Phan Danh, còn đây Nga, em gái tôi. Ký giả Phan Danh gỡ gong kiển, bỏ mũ xuống vừa nói với Nga :
— Xin chào cô, hân hạnh được biết cô.
Nga bỡ ngỡ :
— Dạ.. dạ chào ông.
Nói xong nàng lùi vào trong, ký giả Phan-Danh ngó theo lắc đầu và mỉm cười với người chị :
— Còn cô, tên gì. quen mà quên mất tên họ.
— Tôi là Cẩm Hồng, bọn nó cho cái biệt hiệu là kỳ nữ Cẩm-Hồng đó anh, có ác không ?
— Ác lắm... tuyệt lắm.
— Hừ ! có chưởi thì chưởi thẳng, chộ người ta hoài. À xin lỗi anh, cho em vào trong xem sóc mẹ một lát.
— Cô cứ tự tiện, đây là nhà cô mà, quen nhau lỗi phải gì ?
(Còn tiếp)

NGƯỜI TÙ 69



Hồi ký

★ NGUYỄN VĂN

(tiếp theo P.T. 149)

NHƯNG khò nổi là hai anh T.S. trình-thám có nhiệm-vụ canh gác trong cửa sỏ, lại nghe say mê T.S. 21 diễn-thuyết với giọng hùng-hồn quá hấp-dẫn, không để-ý đến những bóng người lảng-vảng rình-rập ngoài sân tù. Giữa lúc câu chuyện đang hào hứng, bỗng một tiếng súng nổ « đùng ! » trên mái nhà giam. Biết có biến, diễn-giả vội nín thính, anh em vội tắt hết các ngọn đèn mờ heo thắp lên, và ai nấy chạy về giường mình, giả vờ ngủ hết. Nhưng một tiếng súng thứ hai nổ, kể tiếng súng thứ ba, rồi tiếng mở ð-khóa sắt lạch-cạch nơi cửa nhà tù. Chúng tôi nằm im thín-thít, hồi-hộp đợi chờ một cuộc trừng phạt ghê-gớm gì đây. Bỗng có tiếng của viên Đôn-trưởng Bazia giận-dỗi la to ngoài sân :

— Gọi T.S. 69 ra đây !

Bốn ngọn đèn pile chiếu vào hai giầy giường, ba tên lính Raddhés chìa súng và lưới lê vào ngay trong trại. Viên Đội Y-Bill cũng mang súng, kêu tiếp theo lời ông Bazia :

— T.S. 69 ra « ay iu ».

NGƯỜI TÙ 69

« Ay-iu », là tiếng Raddhé có nghĩa là « Quan gọi ». Tôi đáp lời liền :

— Có tôi đây !

Toàn thề anh em T.S. lúc bây giờ đều một loạt ngồi dậy nhìn về phía giường tôi. Vài anh nói lớn :

— Anh cứ ra xem ! Nếu có việc gì có thể rủi-ro đến tính-mệnh của anh, anh em sẽ liều mạng để cứu anh.

Tôi tin nơi hậu-thuần của toàn thề anh em, vì tôi là đại diện chính thức và dù sao chẳng nữa, tôi cũng có quyền phân trần và bào chữa. Nhưng tôi tự bảo rằng, cần phải ngoại-giao mềm dẻo với lão Bazia mặt sắt, chứ tuyệt nhiên không nên gây hấn. Tôi phải ráng chịu-đựng và bình-tĩnh, nhẫn-nại, trong cơn nguy-biến.

Tôi mạnh dạn đi ra cửa, anh em đều đi theo sát bên tôi, đông nghệt. Nhưng đến cửa, bị bốn lưới lê sáng-quắc chặn tất cả lại. Đội Y-Bill lấy oai, bảo :

— Một mình 69 ra thôi !...Ai ra tui bắn !

Anh em đứng trong cửa nhìn ra thấy tôi đi giữa hai hàng rào lưới lê chia thẳng vào tôi, đến trước mặt viên đồn trưởng Bazia, nét mặt hăm hăm, đứng giữa sân, tay cầm súng. Hấn đăm đăm nhìn tôi, hỏi :

— 69, mày phải nói tất cả sự thật cho tao nghe, tụi mày đang âm mưu chuyện gì trong trại ?

Tôi bình tĩnh đáp :

— Tất cả sự thật ? Thì đây, thưa ông, tôi nói tất cả sự thật cho ông nghe, rằng chúng tôi không có âm mưu một chuyện gì trong trại cả.

— Có. Mày nói láo ! Lính gác có thấy tụi bây tụ hội lại một nơi bàn tán chuyện chi, và khi nghe tiếng súng báo động thì tụi mày tắt hết đèn, chạy tán loạn... thế nghĩa là gì ? Tụi mày bàn lén nhau nổi loạn trong « cang » phải không ? Tụi mày lợi dụng đêm tối trời mưa để mưu toan chuyện thoát-ly phải không ?...

● Tôi mỉm cười...viên đồn trưởng Bazia càng nổi nóng :

— Mày cười hả, 69 ? Mày tưởng tụi mày bị mất đờc lính gác và tao hả ?

Tôi vẫn giữ nụ cười điềm nhiên, đáp:

— Tôi lúc cười bởi vì tôi có cảm tưởng anh em T.S. chúng tôi là những kẻ thích phiêu lưu mạo hiểm, toan tính chuyện thoát ly trong lúc chúng tôi ở trại này cũng tạm gọi là yên ổn lắm rồi. Ông cứ tin tôi đi. Trời mưa anh em buồn, ngồi nghe tôi, T.S. 69 kể chuyện đời xưa, những chuyện thần thoại rất lý thú mà ông nội của tôi đã kể cho tôi nghe và bây giờ tôi kể lại cho tụi nó nghe. Chỉ có thể thôi, chớ không có âm-mưu làm loạn hay thoát ly gì cả... Chuyện của tôi kể trong trại, lúc này, trước mặt một số T.S., ông cũng có thể nghe được, anh em lính Raddhés cũng có thể nghe được, bởi vì toàn là chuyện vui của đời xưa đời xưa, chớ không có bí-mật gì hết. Đấy, tất cả sự thật, thưa ông.

— Thế tại sao nghe súng báo động, tụi mày tắt hết đèn, và chạy tán loạn?

Tôi lại mỉm cười đáp:

— Điều đó là dĩ nhiên. Cứ mỗi lần chúng tôi nghe tiếng súng, bất cứ trong trường hợp nào, là chúng tôi lo ngại biến cố không hay. Chúng tôi tự vệ thể thôi. Sự thật, tiếng súng đó chỉ làm dứt đoạn câu chuyện đời xưa của tôi đang lúc hấp dẫn nhất, và thế là hết, tôi cut húng rồi, bây giờ giả sử ông truyền lệnh cho tôi phải kể lại đầu đuôi, hay tiếp theo, tôi cũng không thể nào kể lại được nữa.

Viên đồn trưởng Bazia dụ giọng:

— Mày thề danh dự đi! Thề rằng mày nói sự thật, mày không nói dối, tụi mày không âm mưu phản loạn, không tính chuyện thoát ly?

— Tôi xin lấy danh dự T.S. 69, thề với ông như thế.

— Được rồi. Bây giờ mày có thể trở vô trại, mà tiếp tục kể những chuyện của ông nội, mày cho các bạn mày nghe.

Rồi ông gọi viên đội Raddhé:

— Y-Bill! Rút lính về trại!

Câu chuyện đến đây chấm dứt, và cuộc diễn thuyết của T.S. 21 về « Phòng trào cách mạng từ Duy-Tân đến Nguyễn-Thái-Học » đành bỏ dở để tiếp tục đêm hôm sau, cũng trong lúc trời mưa tầm tã nhưng lính gác không để ý rình rập nữa.

Phải nói rằng viên đồn trưởng Bazia tuy nóng nảy, anh cộc-cần thô-lỗ, (y đóng lon cai trong trận Đại chiến 1914-

1918), nhưng dễ tin và lắm khi ngu-ngốc. Những cuộc diễn-thuyết hầu hết là về chánh-trị đã được anh em T.S. tổ-chức nhiều lần, nhất là nhóm Cộng-Sản. Nhờ chuẩn-bị gọn-gàng, khéo-léo, Đồn trưởng và lính không hay-biết, và trừ một đôi lần gặp khó-khăn, còn thì hầu hết trong các cuộc hoạt-động bí-mật đó, chúng tôi vẫn làm chủ tình-hình và không xảy ra chuyện gì đáng tiếc. Những cuộc « nói chuyện » ghi sau đây đều được suông-sẻ và kết-quả tốt đẹp:

— *Mặt trận Bình-dân 1936*, do **Bùi-công-Trùng**, T.S. 2.

(Bùi-công-Trùng làm Thứ trưởng Kinh-Tế, chính-phủ Hồ-chí Minh, Hà-nội, 1946-47).

— *Đồ-Lương*, do **Nguyễn-văn-Hường**, T.S. 62 (Hường là kỹ sư Đạt-Điện, người Hà-tĩnh).

— *Phan-dình-Phùng, và tên phản-quốc Nguyễn-Thân*, do T.S. 69.

— *Nga-Sô sẽ thắng Đức-Nhật*, do Xénh-Xáng, Hồ-Tùng-Mậu, T.S. 40.

v.v....

Ngoài ra, nhóm T.S. Cộng-Sản còn tổ-chức nhiều buổi lễ kỷ-niệm: « Lễ 3 L. », (Lénine, Anna Luxembourg,...?), « Cách mạng tháng 10 », v.v... và, lần đầu tiên, trước những cặp mắt vô cùng ngạc nhiên của anh em Cao-đài, Phục-quốc, lá cờ đỏ sao vàng và hai chữ Việt-Minh xuất hiện trong lao Trà-Khe, trong một buổi lễ kỷ-niệm của nhóm T.S. Cộng-Sản, gần cuối năm 1944.

Tôi là một trong số anh em ngạc-nhiên về phù-hiệu và danh từ hoàn-toàn bí-mật ấy. (còn tiếp)

CÁC BẠN XEM MỖI NGÀY NHẬT BÁO



- ★ XÃ THUYẾT CHÍNH TRỊ, của N.V
 - ★ **HỘ THẠCH-BÍCH-SƠN**, truyện bằng tranh của NGUYỄN-VỸ
 - ★ NHẬT KÝ, của ĐIỀU-HUYỀN
- Chủ nhiệm. Chủ bút: NGUYỄN-VỸ**

Nước Ngọt « CON CỌP »

Nguồn mạch Sức Khỏe
và Vui Tươi



Nước Ngọt « CON CỌP » mỗi chai
là nguồn Vui Mạnh kéo dài Tuổi Xuân

LE SECOURS

Công - Ty Bảo - Hiểm và tái Bảo - Hiểm những
tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro

Trụ sở chánh :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự
dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm,

Xổ Số Kiến-Thiết Quốc-Gia
Giúp nước thêm nhà ta thêm của
3 LÔ ĐỘC ĐẮC
mỗi lô

1.000.000 \$

XỔ THỨ BA HÀNG TUẦN, MỖI VÉ 10 \$

THẦN-TÀI CHẴNG VỊ RIÊNG AI

CỨ MUA VÉ SỐ

THÌ THẦN-TÀI SẼ ĐẾN THĂM

HO, **Bổ-phế linh-dơn Thụy-Lâm loại A**
TRỊ: Các chứng ho lâu năm, nhiều đàm, ho cảm, ho
đàm, ho gió, yếu phổi, rang ngực, tự nhiên sút cân.

Bạch-Đới, **hoàn Thụy-Lâm**
TRỊ: Cứng đầu cơn, ngứa cửa mình, ra huyết
trắng (Các tiệm thuốc Bắc đều có bán).
Nhà thuốc **THUY-LÂM**, 191 Gia-Long, Saigon
KN. số 425 ngày 25-9-63

Gần Đến kinh kỳ, Bần thần dã dượi, hay là đang
hành kinh mà đau bụng, uống:
Lôi Công Hoàn « ÔNG TIÊN ». Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt
Saigon 228 Lê-thánh-Tôn. Nhà thuốc **« Ông Tiên »**, Phú-Lâm Cholon
K.N. BYT. số 1— 9-5-63

Phong Ngứa, Ghê chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó
không phải thoa phết sà ngoài da mà
Tết, uống Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN »
30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.
Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3— 9-5-63

Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện thoại số 36.893
31-33 Đường Lãn-Ông CHOLON

- Đặc-biệt các món ăn Tiều
- Sạch-sẽ, vệ-sinh và ngon lành
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không-khí

Ở lâu 3 lộ-hiên có không-khí thiên-nhiên
trong một khung-cảnh huy-hoàng diễm-ảo

CÙ-LÀ



古
那
油

**VIỆN BÀO CHẾ
NGUYỄN-CHÍ**
KN 697.BYT/QCDP. 21/2/64



GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ

KEO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-OC
NGỪA KHIÊM-ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRÚ AN-BƯỘC

Số 252 BYT/QCDP/18-10-62

EM NHỎ NÓNG!

Hãy cho em uống

THUỐC BAN NÓNG KIM-QUAN
(PAKEMID)

NHÀ THUỐC TÂY KIM-QUAN
601 NGANG CHỢ SÀI GÒN

K.N. số 260 ngày 20-6-63

KINH - LÝ VĂN - PHONG
 110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon
 Điện-thoại 23.187

Phạm - Văn - Lạng
 Giám-Định Trắc-địa-sư
 Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản SAIGON

K.D. 799 ngày 28 - 5 - 65